

HÊ-BƠ-RƠ

Warren W. Wiersbe

1. GIẢI NGHĨA (He 1:1-3)

Có ai nghe không?.

Có một người kia đến bác sĩ để kiểm tra thính giác. Bác sĩ lấy ống nghe của bệnh nhân, lập tức anh ta nghe rõ hơn. Bệnh nhân này đã đeo cái ống nghe ấy trong chiếc tai nghe được của mình suốt 20 năm!

Một lần kia tôi hỏi một đồng nghiệp rằng: “Trong Hội Thánh của anh có công tác cho người điếc không?” Mục sư ấy đáp: “Nhiều lắm, tôi nghĩ cả Hội Thánh cần có công tác phục vụ người điếc – vì họ không nghe tôi nói!”

Có sự khác nhau giữa tình trạng nghe và thật sự lắng nghe. Chúa Giê-xu Christ thường kêu gọi: “Ai có tai, hãy nghe!”. Lời Ngài phán ngụ ý rằng Lời Đức Chúa Trời cần được nghe không chỉ bằng đôi tai thuộc thể, nhưng còn phải bằng một tấm lòng mềm mại”. Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng...” (He 3:7-8).

Nhiều người không muốn đọc thư tín Hê-bơ-rơ nên đánh mất khỏi tầm tay những ích lợi thuộc linh trong thực tiễn. Một số người không đọc vì “sợ”. Nhưng lời khuyên răn trong thư tín khiến họ cảm thấy khó chịu. Một số khác không đọc vì thư tín này khó hiểu đối với họ. Dĩ nhiên trong thư tín Hê-bơ-rơ chứa đựng những chân lý thâm sâu mà không có nhà truyền đạo hay giáo sư nào dám tuyên bố mình hiểu tất cả. Tuy vậy, sứ điệp chung của thư tín này rất rõ ràng, bạn và tôi không có lý do gì để không hiểu và không ứng dụng vào đời sống được.

Để bắt đầu nghiên cứu thư tín Hê-bơ-rơ, chúng ta cần lưu ý đến 5 đặc điểm của thư tín này:

1. Đây là cuốn sách của sự đánh giá.

Từ “cao trọng” được sử dụng nhiều lần trong thư, vì tác giả muốn bày tỏ sự cao trọng của Chúa Giê-xu Christ và sự cứu rỗi của Ngài đối với người Hê-bơ-rơ. Đấng Christ “cao trọng hơn các thiên sứ” (He 1:4). Ngài đã đem đến “một sự trông cậy hay hơn” (7:19) vì Ngài là “Đấng Trung bảo của giao ước tốt hơn, mà giao ước ấy lập lên trên lời hứa tốt hơn” (8:6).

Một từ nữa cũng được lặp lại nhiều lần là từ “trọn vẹn” (hay trọn lành) mà nguyên bản tiếng Hy Lạp sử dụng 14 lần. Nó mang ý nghĩa như một tình trạng trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời. Sự trọn vẹn theo nghĩa này không bao giờ có thể được thực hiện bởi chức tế lễ của người Lê-vi (7:11) hay bởi luật pháp (7:19), cũng không do huyết các con sinh tế được dâng lên (10:1). Chúa Giê-xu Christ đã dâng chính Ngài làm của lễ chuộc tội và bởi cách ấy Ngài “làm cho những kẻ nên thánh được trọn vẹn đời đời” (10:14).

Vì vậy, tác giả muốn so sánh luật pháp thời Cựu Ước với việc làm của ân điển thời để cho thấy: hình thức tôn giáo của dân Do Thái mang tính tạm thời nên không thể đem đến những “sự cao trọng đời đời” chỉ có trong Chúa Giê-xu Christ.

“Đời đời” là từ thứ 3 đầy ý nghĩa trong thư Hê-bơ-rơ, Đấng Christ là “cội rễ của sự cứu rỗi đời đời” (5:9). Bởi sự chết, Ngài đã “được sự chuộc tội đời đời” (9:12) để người tin Ngài được “nhận lãnh cơ nghiệp đời đời đã hứa cho mình” (9:15). Ngôi nước Ngài tồn tại đời đời (1:8) nên Ngài cũng là thầy tế lễ thượng phẩm đời đời (5:6 6:20 7:17,21). “Đức Chúa Giê-xu Christ hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi” (13:8).

Nếu bạn kết hợp 3 từ trên lại, bạn sẽ khám phá rằng Chúa Giê-xu Christ và đời sống Cơ Đốc Ngài ban cho chúng ta là điều rất cao trọng, bởi những phước hạnh này còn lại đời đời, giúp chúng ta được trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời. Thế thức tôn giáo dưới luật pháp Môi-se có tính bất toàn vì không thể thực hiện được sự cứu chuộc đời đời một lần đủ cả.

Nhưng vì sao tác giả kêu gọi người đọc đánh giá đức tin họ và những điều Chúa Giê-xu Christ ban cho họ? Vì họ đang trải qua thời kỳ hoạn nạn, bị dụ dỗ trở lại với Do Thái giáo cũ. Đền thờ vẫn sừng sững tồn tại khi thư tín này được viết ra. Mọi nghi thức tế lễ vẫn được thực hiện hằng ngày. Các tín hữu Do Thái có thể thoát khỏi sự bắt bớ một cách dễ dàng nếu họ quay lại sống theo luật lệ Môi-se họ đã học trước đây!

Những người này là các tín hữu thể hệ thứ hai đã tin nơi Đấng Christ do sự dẫn dắt của những người biết Chúa Giê-xu Christ khi Ngài thi hành chức vụ trên đất (He 2:3). Họ là những người tin thật (3:1), bị bắt bớ vì đức tin (10:32-34 12:4 13:13-14) nhưng vẫn trung tín giúp đỡ những người hoạn nạn (6:10). Tiếc thay, họ đang bị dỗ dành bởi những giáo lý sai lạc của các giáo sư giả (13:9), có nguy cơ quên lãng. Lời chân thật của Đức Chúa Trời mà họ từng được các tiền nhân dạy dỗ (13:7).

Các tín hữu này đang ở trong thảm trạng dậm chân tại chỗ về thuộc linh và có nguy cơ lui đi (5:12). Một số người còn bỏ qua những buổi nhóm thờ phượng chính (10:25) nên không tấn tới trong đức tin (6:1). Trong đời sống Cơ Đốc, nếu bạn không tấn tới, vậy bạn sẽ thụt lùi, vì không có tình trạng đứng tại chỗ mãi.

Tác giả muốn khuyên các tín hữu để thời gian đánh giá những điều họ có trong Chúa Giê-xu Christ Ngài là Đấng cao trọng hơn bất cứ điều gì họ giữ theo luật pháp.

Sách Hê-bơ-rơ tôn ngợi thân vị con người và công vụ của Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Khi bạn nhận biết mọi điều mình có trong Chúa, bạn sẽ không còn ham muốn điều gì khác!

2. Đây là cuốn sách chứa đựng những lời khuyên bảo.

Tác giả gọi thư tín này là “lời khuyên bảo” (13:22), từ Hy Lạp được dịch là “khuyến bảo” chỉ đơn giản có nghĩa “khích lệ”, hoặc “yên ủi” (Ro 15:4 IICo 1:5-7 7:7). Từ “yên ủi” cũng có liên hệ với từ Hy Lạp “Đấng Yên ủi” (Gi 14:16) để chỉ về Đức Thánh Linh. Thư Hê-bơ-rơ không nhằm mục đích làm hoang mang người đọc, nhưng để yên ủi họ. Chúng ta được truyền dạy phải “khuyến bảo lẫn nhau” (He 3:13). Nó nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đang có “sự yên ủi mạnh mẽ” trong Chúa Giê-xu Christ (6:18).

Với quan điểm này, chúng ta phải giải đáp câu hỏi: “Năm lời cảnh cáo trong thư tín Hê-bơ-rơ nói về điều gì?” (xem 5 lời khuyên ở phần bố cục thư tín).

Trước hết, năm đoạn Kinh Thánh này thật ra không phải là “lời cảnh cáo”. Ba từ căn bản được dịch là “cảnh cáo” được dùng trong thì chỗ duy nhất trong He 8:5 được dịch là phán bảo (chỉ về Môi-se) và “phán” trong He 12:25 chỉ ở 11:7 từ “cảnh cáo” được sử dụng cho Nô-ê khi ông được Chúa cảnh cáo. Tôi nghĩ rằng cách diễn đạt dễ hiểu nhất cho 5 đoạn Kinh Thánh trên có thể sử dụng một từ ở He 13:22 “Lời khuyên bảo”. Từ này không làm giảm đi mức quan trọng của 5 phân đoạn Kinh Thánh trong Hê-bơ-rơ. Thư Hê-bơ-rơ mở đầu bằng một lời công bố: “Đức Chúa Trời đã phán cho chúng ta trong Con Ngài” (1:1-2). Gần cuối thư, trước giả nói “anh em hãy giữ, chớ từ chối Đấng phán cùng mình” (He 12:25). Nói cách khác, đề tài thư Hê-bơ-rơ có thể là: “Đức Chúa Trời phán, chúng ta có Lời Ngài. Vậy chúng ta phải làm gì với lời đó?”

Với chân lý này trong trí, giờ đây chúng ta có thể hiểu rõ hơn về ý nghĩa của năm phần Kinh Thánh khó hiểu này trong thư Hê-bơ-rơ. Mỗi một phần Kinh Thánh này đều khích lệ chúng ta chú ý đến Lời Đức Chúa Trời (Đức Chúa Trời phán) bằng cách nêu ra những hậu quả thuộc linh không tốt đẹp sẽ xảy đến nếu chúng ta từ chối lưu ý. Xin để tôi nêu lên những phần Kinh Thánh này cho các bạn và giải thích sự liên hệ của chúng trong sách Hê-bơ-rơ. Tôi nghĩ các bạn sẽ thấy chúng phối hợp chặt chẽ với nhau và trình bày một sứ điệp: Hãy chú ý

đến Lời Đức Chúa Trời, nhưng giúp chúng ta hiểu rõ mục đích chung: khích lệ chúng ta tin cậy nơi Đức Chúa Trời và chú ý đến Lời Ngài.

- Trôi dạt khỏi Lời Chúa (2:1-4 đừng xao lãng)
- Nghi ngờ Lời Chúa (3:7-4:13 đừng cứng lòng)
- Chậm hiểu đối với học Lời Chúa (5:11-6:20 đừng trễ nãi)
- Khinh thường Lời Chúa (10:26-39 cố ý)
- Bất chấp Lời Chúa (12:14-29 từ chối nghe)

Nếu không muốn lắng nghe Lời Đức Chúa Trời, bạn sẽ bắt đầu bị “trôi lạc”. Sự xao lãng luôn đưa đến tình trạng “trôi dạt” trong những điều thuộc về thể xác cũng như tâm linh. Khi cách xa Lời Chúa, chúng ta sẽ bắt đầu nghi ngờ Lời Ngài vì đức tin đến bởi việc nghe Lời Chúa (Ro 10:17). Sau đó, chúng ta sẽ cứng lòng và điều này dẫn đến tình trạng thuộc linh uể oải, từ đó sinh ra sự chậm hiểu đối với Lời Chúa và trở nên kẻ lười “nghe”! Điều này dẫn đến một thái độ khinh thường Lời Chúa. cố ý bất tuân Đức Chúa Trời, dần dần rơi vào thái độ bất chấp và gần như “dám thách thức” Đức Chúa Trời trong mọi việc!

Giờ đây Đức Chúa Trời sẽ làm gì trước tình trạng sa sút thuộc linh này? Ngài vẫn tiếp tục phán với chúng ta, kêu gọi chúng ta trở lại với Lời Ngài. Nếu chúng ta không lắng nghe và làm theo Lời Chúa, Ngài sẽ phải quở phạt chúng ta. Sự sửa phạt của Chúa là chủ đề của He 12:1-29 đoạn đỉnh trong thư tín này. “Chúa sẽ xét đoán dân mình” (10:30). Đức Chúa Trời không cho phép con cái Ngài trở nên “những đứa trẻ hư hỏng” khi để họ coi thường Lời Ngài, Ngài luôn sửa phạt họ bằng tình yêu.

Năm lời khuyên trong thư tín này được dành cho những người đã thật sự tái sinh. Mục đích của những lời khuyên nhằm giúp người đọc chú tâm vào Lời Đức Chúa Trời. Mặc dù có một số câu Kinh Thánh được dùng bằng ngôn ngữ đầy tính nghiêm khắc, nhưng tôi hiểu rằng không một lời khuyên nào trong đó mang ý hù dọa người đọc như thể họ có thể đánh mất sự cứu rỗi. Nếu họ cứ chống lại Lời Chúa, họ có thể mất sự sống mình (“... huống chi cha về phần hồn, chúng ta há chẳng càng nên vâng phục lắm để được sự sống sao?” (12:9). Câu Kinh Thánh trên ngụ ý rằng nếu chúng ta không vâng phục Chúa, chúng ta có thể chết. “Cũng có tội đến nỗi chết” (IGi 5:16). Nhưng nếu thư Hê-bơ-rơ có dạy dỗ điều gì thì sự dạy dỗ đó vẫn là sự đảm bảo về sự sống vĩnh cửu trong thầy tế lễ Thượng Phẩm hằng sống, Đấng chẳng bao giờ chết (He 7:22-28).

Một số học giả Kinh Thánh cố giải thích khác đi vấn nạn về việc “đánh mất sự cứu rỗi” hoặc “sự bội đạo” bằng cách tuyên bố người đọc là những người thật sự chưa tái sinh, mà họ chỉ là những người đã xưng nhận niềm tin trong Đấng Christ. Dù sao, cách trình bày thư tín của tác giả đã loại bỏ tư tưởng này, vì ông gọi họ là “anh em thánh, là kẻ dự phần ơn trên trời gọi” (3:1). Ông cho họ biết rằng họ có một thầy tế lễ Thượng Phẩm Lớn trên trời (4:14). Đây là chân lý ông có lẽ đã không viết ra nếu những người đọc là tội nhân hư mất. Họ là những người được “dự phần về Đức Thánh Linh” (6:4). Những lời khuyên ở (He 10:19-25) sẽ là vô nghĩa nếu được viết cho những người chưa được cứu.

Thư tín Hê-bơ-rơ là sách chứa đựng sự đánh giá, chứng minh rằng Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cao trọng hơn bất cứ điều gì có trong luật Môi-se. Thư tín này cũng là sách chứa đựng những lời khuyên bảo, kêu gọi người đọc lắng nghe và làm theo Lời Đức Chúa Trời để không rơi vào tình trạng thuộc linh sa sút cũng như ném trái sự sửa phạt của Chúa.

3. *Đây là sách để suy xét.*

Khi xem thư tín này, bạn sẽ tự hỏi: “Tôi có thật sự tin Lời Đức Chúa Trời, hay chỉ cậy vào những điều đời này để rồi lui đi và sa ngã?”

Thư tín Hê-bơ-rơ được viết cho các tín hữu sống vào một thời kỳ chiến lược trong lịch sử. Đền thờ vẫn sừng sững và các cửa lễ vẫn được dâng lên. Nhưng chỉ vài năm sau đó, thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ đã bị phá hủy. Dân tộc Do Thái bị tàn lạc, trong số đó có cả những tín hữu Do Thái là những người tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Đây là thời kỳ nhiễu nhương! Đức Chúa Trời đã hành động trên mọi sự (He 12:25-29). Ngài muốn dân sự Ngài đứng vững vàng trên nền tảng vững chắc của đức tin. Ngài không muốn họ cậy nơi những điều hư không.

Tôi cho rằng Hội Thánh Chúa hôm nay cũng đang ở trong tình trạng tương tự. Mọi sự quanh ta đang xáo trộn và thay đổi. Con người dần dần khám phá mình đang lơ lửng trên “giàn giáo” tạm bợ chớ không phải trên một nền móng vững chắc. Ngay cả con cái Đức Chúa Trời cũng bị cuốn hút vào guồng máy của thế tục đến nỗi họ không còn đặt niềm tin mình nơi Chúa, mà chỉ cậy vào tiền tài, sự nghiệp, danh vọng cùng những điều tạm bợ khác. Khi Đức Chúa Trời hành động trên xã hội này, “giàn giáo” kia sẽ sập xuống và con cái Đức Chúa Trời sẽ biết rằng sự nương cậy duy nhất của họ phải là Lời Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời mong muốn tâm lòng chúng ta “nhờ ân điển được vững bền” (13:9). Ý nghĩa của từ “vững bền” được sử dụng nhiều lần (ít nhất 8 lần) trong thư tín Hê-bơ-rơ dù ở dạng này hay dạng khác, được hiểu như “đứng vững trên đôi chân mình có nền móng vững chắc”. Nó mang ý nghĩa về sức mạnh, sự tin cậy, khẳng định, tính bền lâu. Tôi cho rằng thông điệp chính của thư tín Hê-bơ-rơ chính là: “Bạn có thể yên tâm khi mọi sự quanh bạn đang sụp đổ?” Chúng ta có “một nước không hay rung động” (12:28). Lời Đức Chúa Trời là Lời bền vững (2:2) nên sự trông cậy của chúng ta nơi Ngài cũng là sự trông cậy chắc chắn (6:19).

Dĩ nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào cho người chưa bao giờ tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Chúa Cứu Thế của mình để được sự tha tội. Cũng không thể có sự đảm bảo cho những con người tin nhận Chúa bằng “môi miệng” nhưng đời sống không bày tỏ chứng cứ về sự cứu rỗi thật (Tit 1:16 Mat 7:21-27). Chúa Giê-xu Christ chỉ có thể “cứu toàn vẹn” những ai nhờ cậy nơi Ngài để đến gần Đức Chúa Trời (He 7:25).

Tôi xin kể cho các bạn nghe câu chuyện về một người kiểm soát vé xe lửa. Ông bước lên toa tàu để kiểm tra vé. Cầm vé của hành khách đầu tiên, ông bảo: “Thưa ông, ông đi nhầm xe rồi”. Tiếp tục soát vé người kế tiếp, người kiểm vé cũng nói câu tương tự. Nhưng vị hành khách này kiên quyết nói ”không, người gác phanh bảo tôi lên xe này cơ mà!” Người kiểm vé nói ”vậy, tôi sẽ kiểm tra lại”. Sau đó, ông nhận ra chính ông mới là người lên nhầm xe!

Tôi e rằng cũng có nhiều người mang niềm tin giả hiệu, không thật sự nghe và làm theo Lời Đức Chúa Trời. Đôi lúc, họ quá bận rộn cho người khác biết những điều phải làm đến nỗi không nhìn lại thực trạng chính mình. Thư Hê-bơ-rơ là sách để xét lại chính mình, giúp bạn nhận biết thực trạng của niềm tin mình.

4. *Đây là sách của sự mong đợi.*

Mối quan tâm của thư tín này nhằm vào tương lai. Tác giả cho ta biết ông muốn nói về “thế gian hầu đến” (He 2:5), một thời kỳ khi những người tin nhận sẽ cùng cai trị với Đấng Christ. Chúa Giê-xu Christ là Đấng “kẻ tự muôn vật” (1:2) nên chúng ta cũng được dự phần vào “cơ nghiệp đời đời đã hứa cho mình” (9:15). Như các tiên nhân được nêu gương trong He 11:1-40 chúng ta cũng đang trông đợi thành mới của Đức Chúa Trời trong tương lai (11:10-16,26).

Nơi gương các vĩ nhân đức tin, chúng ta phải như “kẻ khách và bộ hành trên đất” (11:13). Đây cũng là một lý do Đức Chúa Trời khuấy động mọi sự quanh ta Ngài muốn chúng ta giữ

bỏ mọi điều thế tục và thôi cậy nơi chúng. Ngài muốn chúng ta quan tâm và trông đợi một thế giới hầu đến trong tương lai. Điều này không có nghĩa là chúng ta cứ “chăm lên trời” mà không thích nghi được với cuộc sống trên đất. Chúng ta phải “tự do” không bị ràng buộc bởi những mối quan tâm thế tục và bắt đầu sống cho những giá trị vĩnh cửu của thế giới hầu đến.

Áp-ra-ham và cháu ông là Lót minh họa cho hai thái độ sống khác nhau (Sa 13:1-14:24). Là người giàu có, Áp-ra-ham có thể sống trong một toà nhà sang trọng ở bất cứ nơi nào ông muốn. Tuy vậy, ông nhận biết mình trên hết là tôi tớ Đức Chúa Trời và là khách bộ hành trên đất, nên đã sống trong những lều trại. Lót không muốn sống như lũ khách nên dời đến thành Sô-đôm tội lỗi. Ai trong số họ có sự đảm bảo thật? Thoạt trông, có vẻ như Lót sống trong thành lớn an toàn hơn những chiếc lều đơn sơ của Áp-ra-ham nơi đồng bằng. Thế nhưng, Lót đã trở thành một con tin! Và Áp-ra-ham đã phải cứu cháu mình.

Thay vì vâng theo sự khuyên dạy của Đức Chúa Trời, Lót lại nuôi tiếc và hướng lòng về thành phố tội lỗi ấy, khi Đức Chúa Trời huỷ diệt Sô-đôm cùng Gô-mô-rơ, Lót mất tất cả (Sa 19:1-38). Dù là người được giải cứu (IIPhi 2:7), nhưng Lót đã cậy nơi những điều đời này chớ không tin nơi Lời Đức Chúa Trời. Lót đánh mất những điều bền vững vì chỉ sống cho những điều phù du, thoáng qua.

Nhà Truyền giáo tử đạo Jim Elliot có một câu nói tuyệt vời: “Người khôn ngoan là người biết ban cho những gì mình không thể giữ được, và dành lấy những điều mình không thể đánh mất”.

Là con cái Đức Chúa Trời, tôi và bạn đã được hứa ban cho một phần thưởng trong tương lai. Như Áp-ra-ham và Môi-se khi xưa, sự chọn lựa của chúng ta hôm nay sẽ quyết định phần thưởng chúng ta trong tương lai. Hơn thế, chọn lựa của chúng ta phải được thôi thúc bởi sự trông mong đón nhận phần thưởng. Áp-ra-ham vâng phục Đức Chúa Trời vì ông “chờ đợi một thành” vững chắc (He 11:10). Môi-se khước từ cửa báu và những thú vui ở Ai Cập vì “người ngựa trông sự ban thưởng” (11:26). Các vĩ nhân của đức tin (11:31,35) có sự trông cậy về ngày sau rốt nên họ có thể chiến thắng những cám dỗ của thế gian và xác thịt.

Chính thái độ đức tin ấy đã đưa Chúa Giê-xu của chúng ta vượt qua nỗi đau đớn trên thập tự giá: “Đức Chúa Giê-xu Christ... vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục” (12:2). Thư tín Hê-bơ-rơ nhằm vào một trọng tâm: “Đừng sống cho những điều thế gian hứa hẹn với bạn hôm nay! Hãy sống cho điều Đức Chúa Trời hứa ban cho bạn trong tương lai! Hãy làm một khách lữ hành trên đất! Hãy bước đi bằng đức tin chớ đừng bởi mắt thấy!”

Thư tín này không phải là thức ăn thường nhật của “trẻ con thuộc linh” vốn hay muốn được đút ăn và chiều chuộng (5:11-14). Qua thư tín Hê-bơ-rơ, bạn sẽ thấy “đồ ăn đặc” đòi hỏi phải có những “răng hàm thuộc linh” mới có thể nhai và thưởng thức được. Thư tín này không nhằm vào những điều Đấng Christ thực hiện trên đất (“sữa”), nhưng đề cập đến những điều Ngài đang làm trên trời (“đồ ăn đặc” của Lời Ngài). Đấng Christ là thầy tế lễ Thượng Phẩm cao trọng có thể ban ơn cho chúng ta (4:14-16). Ngài cũng là “Đấng Chấn Chiên Lớn” giúp chúng ta làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (13:20-21). Ngài đang hành động trong chúng ta để làm trọn mục đích Ngài. Vui sướng biết bao khi chúng ta được dự phần vào công tác kỳ diệu ấy!

Tiến sĩ A.W.Tozer thường nhắc nhở rằng: “Mỗi người phải chọn cho mình một thế giới”. Người tin nhận thật là người đã “nêm Đạo Lành Đức Chúa Trời và quyền năng của đời sau” (6:5), nghĩa là chúng ta không có mối quan tâm hay ham muốn gì ở thế gian tội lỗi hôm nay. Áp-ra-ham đã chọn một thế giới tốt lành và trở nên cha của đức tin. Lót chọn một thế giới tội

lỗi và trở nên cha của những kẻ chống nghịch Đức Chúa Trời (Sa 19:30-38). Áp-ra-ham là bạn của Đức Chúa Trời (IISu 20:7), nhưng Lót làm bạn với thế gian nên đánh mất mọi sự! Lót đã “được cứu dường như qua lửa” (ICo 3:15) và mất phần thưởng.

5. *Đây là sách của sự tôn cao.*

Thư tín Hê-bơ-rơ tôn cao thân vị và công vụ của Chúa Giê-xu Christ chúng ta. Ba câu Kinh Thánh đầu tiên hiệp thành chủ đề cao quý và thánh khiết này, là chủ đề nổi bật suốt thư tín, nhằm chứng minh rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cao trọng trên hết các tiên tri từng được dân Do Thái tôn kính.

Về thân vị, Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cao trọng hơn các tiên tri. Trước hết, Ngài là Con Đức Chúa Trời chứ không chỉ là “Con người” theo cách gọi của Đức Chúa Trời. Tác giả Hê-bơ-rơ chỉ rõ Chúa Giê-xu Christ chính là Đức Chúa Trời (He 1:3), vì sự diễn đạt của ông không thể ứng dụng được cho một người trần tục. “Sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời” chỉ về sự vinh hiển Đức Chúa Trời ngự trong đền tạm (Xu 40:34-38 IVua 8:10). Đối với Đức Chúa Trời, Đấng Christ như tia sáng mặt trời. Ngài là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời. Tia sáng và mặt trời không thể tách rời nhau, vì vậy sự vinh hiển của Đấng Christ không thể tách rời với bản chất của Đức Chúa Trời.

“Hình bóng của bản thể” (He 1:3) mang ý nghĩa như “dấu vết chính xác”. Theo nguyên văn Kinh Thánh, Chúa Giê-xu Christ là Đấng được mô tả như sau: “Vì sự đầy đầy của bản tánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình” (Co 2:9). Chỉ có Chúa Giê-xu Christ mới có thể chân thật phán rằng: “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha” (Gi 14:9). Khi nhìn xem Đấng Christ là lúc bạn ngắm xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (1:14).

Về công vụ, Chúa Giê-xu Christ cũng là Đấng Cao trọng hơn các tiên tri xưa. Trước hết, Ngài chính là Đấng sáng tạo vũ trụ này. Bởi Ngài, Đức Chúa Trời đã dựng nên thế gian (He 1:2). Đấng Christ không chỉ dựng nên muôn vật bởi Lời Ngài (Gi 1:1-5), Ngài còn “nâng đỡ” muôn vật bởi Lời quyền năng của Ngài (He 1:3) “Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài” (Co 1:17).

Từ “nâng đỡ” (He 1:3) không có nghĩa là “cất đi” như thể vũ trụ là gánh nặng trên lưng Chúa Giê-xu Christ. Từ này có nghĩa như “nắm lấy và mang đi từ nơi này sang nơi khác”. Ngài là Chúa của sự sáng tạo và là Đấng quan phòng mọi sự, luôn vận hành vũ trụ theo một chương trình định liệu tốt lành của Ngài.

Ngài cũng là Đấng tiên tri vĩ đại rao ra Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể nhận biết dễ dàng sự khác biệt giữa Đấng Christ với các tiên tri khác qua các đặc điểm sau:

Đấng Christ

- Con Đức Chúa Trời.
- Con Độc sanh.
- Một sứ điệp sau cùng và hoàn chỉnh.

Các tiên tri

- Người được Đức Chúa Trời kêu gọi.
- Nhiều tiên tri.
- Một sứ điệp không đầy đủ và chưa hoàn chỉnh.

Mặc dù sự mạc khải ở Kinh Thánh Cựu Ước và đều đến từ Đức Chúa Trời nhưng Đức Chúa Giê-xu Christ là sự mạc khải cuối cùng. Ngài là cội rễ, là trung tâm và sự cuối cùng của mọi điều Đức Chúa Trời bày tỏ.

Nhưng Chúa Giê-xu Christ thi hành chức vụ Ngài như thầy tế lễ cả. Đây là hành động bày tỏ sự cao trọng của Ngài. Ngài đã ban chính mình để “làm xong sự sạch tội” (1:3). Khía cạnh này sẽ được giải thích chi tiết ở đoạn 7-10.

Sau cùng, Chúa Giê-xu Christ là Vua cai trị muôn vật (1:3). Ngài ngự trên ngai vì đã hoàn tất chương trình của mình nên có thể ngồi “bên hữu Đấng tôn nghiêm ở trong nơi rất cao”. Điều này chứng tỏ Ngài không phải chỉ là Con Người ngồi bên hữu Đức Chúa Trời mà còn là Đấng bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Là Đấng Tạo Hoá, Vị Tiên Tri vĩ đại, Thầy tế lễ Thượng Phẩm đời đời và Vua cai trị muôn vật, Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn mọi tiên tri và tông đồ Đức Chúa Trời từng xuất hiện qua những trang Kinh Thánh sống động. Đó là lý do Đức Chúa Trời phán ra trong giờ Chúa Giê-xu Christ hoá hình: “Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường hãy nghe Lời Con đó!” (Mat 17:5). Hai vị tiên tri lớn đã ở cùng Chúa Giê-xu Christ trong giờ đó là Ê-li và Môi-se, nhưng Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn họ.

Khi cùng nghiên cứu sách Hê-bơ-rơ, chúng ta cần nhớ rằng mục đích của chúng ta không nhằm đi sâu vào những chi tiết gọi sự tò mò, cũng không phải để kích bác hay bảo vệ một quan điểm riêng. Mục đích của chúng ta là để nghe Đức Chúa Trời phán Lời Ngài qua Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta cần lặp lại lời cầu xin của những người Hy Lạp rằng: “Chúng tôi muốn ra mắt Đức Chúa Giê-xu Christ” (Gi 12:21). Nếu chúng ta thật muốn biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu Christ để ngợi khen Ngài càng thêm, vậy dù chúng ta có những quan điểm khác nhau thế nào đi nữa về thư tín này, chúng hẳn sẽ bị lãng quên khi chúng ta thờ phượng Ngài.

Sau đây là những nét đại cương của thư tín Hê-bơ-rơ nhằm giúp bạn có cái nhìn khái quát về sách đáng chú ý này.

2. CAO TRỌNG HƠN CÁC THIÊN SỨ (He 1:4-2:18)

Các thiên sứ vốn mang ý nghĩa rất quan trọng trong Do Thái giáo, chủ yếu vì muôn vàn thiên sứ đã tham gia trong việc ban ra luật pháp tại núi Si-na-i. Sự kiện này được viết ở sách Phu 33:2 (“đấng thánh” nghĩa là các “thiên sứ thánh”), Thi 68:17 Cong 7:53 Ga 3:19. Vì chủ đề của sách Hê-bơ-rơ nói về sự cao trọng của Đấng Christ và sự cứu rỗi của Ngài đối với luật Môi-se, nên tác giả phải đề cập đến các thiên sứ.

Phần đoạn Kinh Thánh về các thiên sứ có thể chia làm 3 phần. Thứ nhất là sự khẳng định tính cao trọng của Đấng Christ so với các thiên sứ (He 1:4-14) được dẫn chứng qua 7 câu Kinh Thánh ở Cựu Ước. Phần thứ hai là lời kêu gọi người đọc (trong đó có chúng ta) (2:1-4) phải hết sức chú ý những Lời Đức Chúa Trời phán qua Con Ngài. Phần thứ 3 là lời giải thích (2:5-18). Lý do Đấng Christ dù ở thân xác con người vẫn cao trọng hơn các thiên sứ thánh.

1. Lời khẳng định: Đấng Christ cao trọng hơn các thiên sứ (He 1:4-14)

Phần đoạn này chứa đựng 7 câu Kinh Thánh trích từ Cựu Ước chứng minh sự cao trọng của Đấng Christ so với các thiên sứ. Các học giả Kinh Thánh cho biết rằng tác giả thư tín Hê-bơ-rơ đã trích dẫn các câu Kinh Thánh từ sách Cựu Ước của người Hê-bơ-rơ bằng tiếng Hy Lạp gọi là bản Bảy Mươi (viết tắt là LXX). (Truyền thống cho rằng có 70 người đã dịch Cựu Ước tiếng Hy Bá Lai sang tiếng Hy Lạp) Tuy nhiên, chính Đức Thánh Linh là Đấng hà hơi

trên Kinh Thánh và Ngài có quyền trích dẫn cũng như nhắc lại chân lý nếu Ngài thấy thích hợp.

Chúng ta hãy để ý đến những lời khẳng định về Chúa Giê-xu Christ và những câu Kinh Thánh được trích dẫn làm bằng chứng.

a. *Ngài là Con* (He 1:4-5). Chúa Giê-xu Christ được gọi bằng một danh cao trọng là “Con”. Mặc dù các thiên sứ được gọi chung là “các con trai của Đức Chúa Trời” (Giop 1:6), nhưng không một thiên sứ nào được gọi đích danh là “Con”. Danh này chỉ độc nhất dành cho Chúa Giê-xu Christ. Lời trích dẫn đầu tiên được chép ở Thi 2:7 “Người là Con ta ngày nay ta đã sanh người”. Phao-lô xác định thời điểm của việc “sanh” này là sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ (Cong 13:33). Từ trước vô cùng, Chúa Giê-xu Christ vốn là Đức Chúa Trời nhưng Ngài đã hạ mình xuống để trở nên con người (Phi 2:5-6). Qua sự phục sinh, Ngài đã làm vinh hiển Đức Chúa Trời trong thân vị được Cha ban cho và nhận lại sự vinh hiển đời đời Ngài vốn có từ trước (Gi 17:1,5). Sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ minh chứng Ngài là Con Đức Chúa Trời (Ro 1:4).

Lời trích dẫn thứ hai được chép trong sách IISa 7:14. Lời này được ứng dụng trước hết cho Sa-lô-môn con trai vua Đa-vít, đó sẽ là người được Đức Chúa Trời yêu thương và sửa phạt như một người con (Thi 89:27). Nhưng sự áp dụng tối hậu là cho Chúa Giê-xu Christ, Đấng “tôn trọng hơn Sa-lô-môn” (Mat 12:42).

b. *Ngài là “Con đầu lòng” đáng được thờ phượng* (He 1:6). Thuật ngữ “Con đầu lòng” trong Kinh Thánh không phải lúc nào cũng mang ý nghĩa như được sinh ra đầu tiên. Đức Chúa Trời xem Sa-lô-môn như “con trưởng nam” (Thi 89:27) dù ông là con thứ 10 trong gia đình (ISu 3:1-5). Đây là một vị trí vinh dự vì con trưởng nam luôn được hưởng gia tài và được chúc phước đặt biệt. Đấng Christ cũng là “Đấng sanh ra đầu hết thảy mọi vật dựng nên” (Co 1:15) vì Ngài đã dựng nên muôn vật và là Đấng đầu nhất sống lại từ cõi chết (Co 1:18). Khi Chúa đến thế gian, các thiên sứ đã thờ phượng Ngài (Phu 32:43). Đức Chúa Trời ra lệnh cho các thiên sứ làm vậy, chứng tỏ Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời, nếu không phải vậy, hẳn chẳng thiên sứ nào của Đức Chúa Trời lại chịu thờ phượng “một loài thọ tạo!”.

c. *Ngài được các thiên sứ hầu việc* (He 1:7). Đây là câu Kinh Thánh trích từ Thi 104:4. Theo ngôn ngữ Hê-bơ-rơ và Hy Lạp, từ thần cũng được dịch là “gió”. Thiên sứ là các thần được dựng nên không có thể xác mặc dù họ có thể hiện ra ở hình dạng con người khi thi hành công việc trên đất. Khi Chúa thi hành chức vụ trên đất, đôi lúc cũng có các thiên sứ hiện đến để hầu việc Ngài (Mat 4:11 Lu 22:43). Hôm nay, họ vẫn đang hầu việc Ngài và cả chúng ta nữa.

d. *Ngài là Đức Chúa Trời – Đấng được xúc dầu để ngự trên ngôi quyền bính* (He 1:8-9). Trong vòng một số giáo phái giả dối đã dịch lời trích dẫn trong Thi 45:6-7 là Ngôi thiên thượng của Ngài, vì họ không thích câu khẳng định mạnh mẽ rằng Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời (“Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia”). Các thiên sứ hầu việc trước ngôi Chúa chớ không “ngự” trên ngôi ấy. Giáo lý chính ở Thi 110:1-7 chỉ về Chúa Giê-xu Christ là Đấng xúc dầu của Đức Chúa Trời (Đấng Mê-si-a, Đấng Christ), giờ đây Ngài đang ngự trên ngôi vinh hiển. Chúa Giê-xu Christ cũng từng nhắc đến Thi 110:1-7 này (Mac 12:35-37 14:62), còn Phi-e-rơ dẫn chứng đoạn Kinh Thánh ấy trong ngày lễ Ngũ tuần (Cong 2:34-36). Chúa chúng ta chưa ngự nơi vương quốc trên đất của Ngài, nhưng Ngài đang ngự ở ngôi vinh hiển trên trời (Eph 1:20).

Khi Đấng Christ thăng thiên và bước vào sự vinh hiển trên trời, Ngài đã được xúc bằng dầu để vui mừng để thi hành chức vụ trên trời (He 1:9). Chân lý này có thể liên quan đến câu

Kinh Thánh ở Thi 16:11 khi Phi-e-rơ nói đến trong ngày lễ Ngũ tuần. “Chúa ... sẽ cho tôi đầy lòng vui mừng ở trước mặt Ngài” (Cong 2:28). Đây hẳn phải là một hình ảnh đầy vui mừng! Thi 45:1-17 là đoạn thi thơ nói về lễ cưới và hôm nay Chúa chúng ta cũng là Chàng Rể ở trên trời từng trải “sự vui mừng đã đặt trước mặt mình” (He 12:2). Các thiên sứ tán tụng Ngài, nhưng họ không thể dự phần vào chức vụ hay niềm vui mừng ấy được. “Ngôi Chúa còn mãi” nghĩa là: Ngài là Đức Chúa Trời hằng hữu.

e. *Ngài là Đấng sáng tạo hằng hữu* (He 1:10-12). Đây là phân đoạn Kinh Thánh trích từ Thi 102:25-27. Các thiên sứ không thể dựng nên trái đất, vì họ cũng chỉ là tạo vật của Chúa, Chúa Giê-xu Christ là Đấng sáng tạo muôn vật. Một ngày nào đó, Ngài sẽ cất đi sự tạo vật cũ để thay vào sự tạo vật mới! Mọi vật quanh ta luôn thay đổi, nhưng Ngài là Đấng bất biến “Đức Chúa Giê-xu Christ hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi” (He 13:8). Trời đất giống như một chiếc áo choàng cũ sẽ bị thái bỏ để thay thế cho chiếc áo choàng mới.

f. *Đấng Christ là Đấng chủ tể, các thiên sứ là những kẻ hầu việc* (He 1:13-14). Tác giả trích dẫn Thi 110:1. Sự kiện Chúa Giê-xu Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời nơi vinh hiển được nhắc đến nhiều lần trong Kinh Thánh (Mat 22:43-44 26:64 Mac 16:19 Cong 2:33-34 Ro 8:34 Co 3:1 He 1:3,13 8:1 10:12 12:2 IPhi 3:12). Thiên sứ là những tôi tớ hầu việc Chúa, Đấng ngự trên ngôi vinh hiển. Họ cũng là các thần hầu việc chúng ta hôm nay vì chúng ta là những người hưởng cơ nghiệp của sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ. Hôm nay, các thiên sứ đang hầu việc chúng ta đó!

Không ai có thể phủ nhận chứng cứ được bày tỏ qua những câu Kinh Thánh trên. Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng cao trọng hơn các thiên sứ, nghĩa là Ngài cao trọng hơn cả luật pháp mà các thiên sứ đã rao cho dân Y-sơ-ra-ên.

2. Lời khuyên: Hãy chú tâm đến Lời Chúa và đừng trôi dạt (He 2:1-4)

Đây là lời khuyên đầu tiên trong 5 lời khuyên chứa đựng ở thư tín Hê-bơ-rơ, nhằm khích lệ người đọc chuyên tâm vào Lời Chúa và làm theo. Nếu đọc xuyên suốt thư tín này, ta sẽ thấy những lời khuyên có sức mạnh mẽ tăng dần, từ việc trôi dạt khỏi Lời Chúa đến tình trạng bất chấp Lời Ngài (He 12:14-29). Bạn cũng thấy rằng Đức Chúa Trời không ngự trên ngôi Ngài một cách mệt mỏi và cho phép con cái Ngài chống nghịch. Ngài vẫn cứ phán dạy và nếu cần Ngài cũng kỷ luật con cái mình.

Lời khuyên này dành cho đối tượng đã tin nhận Chúa, và tác giả cũng không loại trừ bản thân mình khi ông dùng đại từ “chúng ta”. Nguy cơ đặt ra ở đây là tình trạng “trễ nãi sự cứu rỗi”. Tác giả không dùng từ “chối bỏ” nhưng là “trễ nãi”. Ông không kêu gọi tội nhân trở nên những Cơ Đốc nhân, nhưng khuyên các Cơ Đốc nhân giữ vững lấy sự cứu rỗi đã nhận được nơi Chúa.

Câu Kinh Thánh “...kéo bị trôi lạc chãng” (2:1) có thể được hiểu rằng “...kéo chúng ta xao lãng chãng”. Ở phần sau (6:19), tác giả dùng hình ảnh “cái neo” để chỉ mức độ vững vàng của chúng ta nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời. Có nhiều nan đề thuộc linh phát sinh do xao lãng hơn bất cứ lý do nào khác trong đời sống chúng ta. Nếu chúng ta xao lãng việc học Lời Chúa, cầu nguyện và nhóm lại với con cái Chúa (xem 10:25), vậy chúng ta sẽ bắt đầu bị trôi giạt. “Cái neo” luôn đứng một chỗ chắc chắn, chỉ có chúng ta dễ dàng co xu hướng “trôi dạt”.

Trong thời Cựu Ước, những người không chú tâm đến Lời Đức Chúa Trời đôi lúc đã bị sửa phạt. Lời ấy được phán truyền qua các thiên sứ, nhưng hôm nay chúng ta càng phải có trách nhiệm lớn hơn khi tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời từ Con Ngài! Ở 2:2, “sự trái phép” được sử dụng để chỉ về những lỗi vi phạm, còn sự “nghịch mạng” là tội về sự xao lãng.

Có một mục sư đã giảng một loạt bài về chủ đề “những tội của các thánh đồ”, khiến một thuộc viên Hội Thánh chỉ trích ông gay gắt. Sau đó người ấy nói: “Đúng ra, tội lỗi trong đời sống một Cơ Đốc nhân khác với tội lỗi của những người thế gian”.

Vị mục sư tiếp lời “Vâng, còn tệ hơn nữa!”

Tôi cho rằng Cơ Đốc nhân hôm nay nhờ ân điển có thể không bị Đức Chúa Trời sửa phạt như dưới thời luật pháp. Tuy nhiên, những ai nhận lãnh nhiều sẽ bị đòi lại nhiều. Không chỉ được dạy dỗ bởi Lời phán qua Con Đức Chúa Trời, chúng ta còn chứng kiến những phép lạ chứng thực cho Lời Ngài (2:4). Nhóm từ “những dấu kỳ sự lạ” được đề cập nhiều chỗ trong Kinh Thánh Tân Ước. Ở đây, “những dấu kỳ sự lạ” là những phép lạ làm chứng cho Lời Chúa và khẳng định chân lý của Lời Ngài. Đây là những phép lạ do các sứ đồ của Chúa thực hiện (Mac 16:17-20 Cong 2:43). Hôm nay, chúng ta đã có Lời Đức Chúa Trời một cách đầy đủ nên không cần những dấu lạ của các sứ đồ. Đức Chúa Trời làm chứng về Ngài qua Đức Thánh Linh hành động trên Lời Ngài (Ro 8:16 I Gi 5:1-13). Đức Thánh Linh cũng ban cho con cái Đức Chúa Trời ân tứ thuộc linh để có thể hầu việc Ngài trong Hội Thánh (Eph 4:11 I Co 12:1-31).

Có nhiều Cơ Đốc nhân hôm nay xem nhẹ Lời Đức Chúa Trời và không quan tâm gì đến Lời Ngài cả. Qua chức vụ mục sư, tôi khám phá rằng sự xao lãng việc học Lời Chúa và cầu nguyện (chung hoặc cá nhân) là nguyên nhân hàng đầu của tình trạng “trôi dạt” thuộc linh. Tôi thiết nghĩ chẳng cần phải giải thích hay viện dẫn điều gì, vì tín đồ nào cũng biết đó là một chân lý. Họ đều trải qua tình trạng “trôi lạc” ấy hoặc mục kích nó trong đời sống những người khác.

Nhạc sĩ Robert Robinson là người tin Chúa qua bài giảng sống động của George Whitefield, nhưng sau một thời gian ông đã trôi dạt khỏi Chúa. Dù được trọng dụng với tư cách như một mục sư, nhưng sự xao lãng về thuộc linh đã đưa ông đi lạc lối. Trong một lần đi du lịch, ông gặp một thiếu phụ rất mạnh mẽ trong đức tin.

Bà trao cho ông một cuốn sách và hỏi: “Ông thấy bài thánh ca này thế nào?” Đó chính là bài thánh ca do Robinson sáng tác! Ông muốn lảng tránh câu hỏi này nhưng không thể được, vì Chúa đang phán với ông. Cuối cùng ông gục đầu thú nhận tình trạng sống xa cách Chúa của mình.

Thiếu phụ ấy khích lệ ông: “Nhưng dù sao ơn thương xót vẫn luôn tuôn trào”. Nhờ lời khích lệ ấy, Robinson đã phục hồi lại mối tương giao của ông với Chúa.

Thật dễ dàng bị “trôi dạt” theo dòng nước cuốn và khó quay trở lại. Sự cứu rỗi dành cho chúng ta là “sự cứu rỗi lớn” đã được mua bằng một giá rất cao. Sự cứu rỗi ấy đem đến những lời hứa và ơn phước kỳ diệu cũng như một cơ nghiệp vĩ đại đầy vinh hiển. Sao chúng ta lại có thể dừng dưng trước điều này?

3. Giải thích: Lý do tại sao Đấng Christ không thấp kém vì nhân tánh của Ngài (He 2:5-18)

Sự kiện các thiên sứ là những “vị thần” hầu việc không bị hạn chế trong thân thể con người, dường như khiến họ có ưu thế hơn Chúa Giê-xu Christ khi Ngài mang lấy thân xác con người để thi hành chức vụ trên thế gian. (Hôm nay Ngài có một thân thể vinh hiển vô giới hạn). Tác giả thư tín đưa ra 4 lý do giải thích nguyên nhân tại sao nhân tánh của Chúa không phải là sự bất lợi hay dấu hiệu của sự thấp kém.

a. *Nhân tánh của Ngài giúp Chúa giành lại cho loài người quyền chủ trị đã bị đánh mất* (He 2:5-9). Đoạn Kinh Thánh này được trích từ Thi 8:4-6 nên bạn cũng cần đọc lại cả đoạn

Thiên sứ. Khi dựng nên người nam và người nữ đầu tiên, Đức Chúa Trời đã ban cho họ quyền chủ trị mọi tạo vật của Ngài (Sa 1:26-31). Đa-vít rất đỗi ngạc nhiên khi biết Đức Chúa Trời chia sẻ quyền và sự vinh hiển của Ngài với loài người yếu đuối! Loài người được dựng nên “ở dưới thiên sứ một chút” (nghĩa là không trọng bằng thiên sứ) nhưng được hưởng những đặc quyền cao hơn thiên sứ, bởi Đức Chúa Trời chưa bao giờ hứa với các thiên sứ rằng họ sẽ được cai trị trong “thế gian hầu đến” (He 2:5).

Ở đây, chúng ta gặp phải một nan đề lớn, đó là hôm nay con người không thể hiện được quyền chủ trị của mình trên muôn vật. Con người đã không thể kiểm soát nổi loài cá dưới nước, loài chim trên trời hay các loài thú rừng, thậm chí cũng không làm chủ được bản thân! Hiện nay, chúng ta chưa thấy mọi vật phục dưới con người (He 2:8).

“Nhưng chúng ta thấy Chúa Giê-xu!” (He 2:9). Ngài chính là giải pháp của Đức Chúa Trời đối với tình trạng tiến thoái lưỡng nan của con người. Chúa Giê-xu Christ đã hiện thân làm người để Ngài có thể chịu thương khó và chết thay tội lỗi loài người cũng như phục hồi quyền hạn của con người đã bị tội lỗi cướp mất. Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu Christ thực hiện quyền chủ trị đã mất đó. Ngài bày tỏ quyền chủ trị trên loài cá (Lu 5:1-11 Mat 17:24-27 Gi 21:1-11), loài chim (Lu 22:34,60) và loài thú (Mac 11:1-7). Là “A-đam sau hết” (ICo 15:45), Chúa Giê-xu Christ đã giành lại cho con người quyền chủ trị đã mất. Hôm nay, muôn vật phải bị phục dưới chân Ngài (Eph 1:20-23).

Con người được “đội mão triều vinh hiển tôn trọng” (He 2:7), nhưng đã đánh mất mão triều thiên của mình và trở nên tội lỗi của tội lỗi. Chúa Giê-xu Christ là Đấng giành lại sự “vinh hiển tôn trọng” ấy (2:9) nên mọi Cơ Đốc nhân hôm nay được dự phần cai trị trong nước Ngài (Kh 1:5-6). Một ngày kia khi Ngài lập vương quốc Ngài, chúng ta sẽ đồng cai trị với Ngài trong sự vinh hiển và tôn trọng. Chúa Giê-xu Christ đã làm mọi điều này vì chúng ta, vì những tội nhân hư mất bởi “Ân điển của Đức Chúa Trời” (He 2:9). Nếu Ngài không hạ mình làm người, có lẽ Ngài đã không thể chết thay cho mọi người (2:9). Thật vậy, các thiên sứ trên trời không thể chịu chết, cũng không thể cứu được tội nhân hư mất để phục hồi quyền hạn đã mất của con người.

b. *Nhân tánh của Ngài giúp Chúa “đem nhiều con đến sự vinh hiển”* (He 2:10-13). Đấng Christ không chỉ là “A-đam sau hết”, Ngài còn là “Đấng làm cội rễ sự cứu rỗi”. Từ “cội rễ” theo nghĩa đen là “người tiên phong mở đường cho những người khác đi theo”. Đấng Christ đã từ bỏ sự vinh hiển của Ngài để hạ mình trở nên một con người. Khi sống lại từ cõi chết và thăng thiên, Ngài giành lại sự vinh hiển vốn có của mình. Hôm nay, Ngài cũng chia sẻ sự vinh hiển ấy với những ai bằng lòng tin nhận Ngài để được cứu rỗi (Gi 17:22-24). Ngài mong muốn đem nhiều người đến sự vinh hiển!

Đấng Christ kết hiệp với chúng ta và chúng ta cũng được kết hiệp với Ngài: chúng ta là một thể thuộc linh. Thật vậy, chúng ta được gọi là “anh em” của Chúa (He 2:12). Tác giả thư tín trích dẫn Thi 22:22, câu Kinh Thánh nói về Đấng Cứu Thế, trong đó Ngài gọi Hội Thánh là “anh em” Ngài. Điều này được hiểu rằng chúng ta là Con Đức Chúa Trời cùng dự phần một bản tính và thuộc về một gia đình! Thật diệu kỳ thay ân điển Đức Chúa Trời!

Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ cũng trích dẫn Es 8:17-18 từ bản LXX. Dĩ nhiên ý nghĩa trực tiếp chỉ về tiên tri Ê-sai cùng các con trai ông là những người được đặt các tên có ý nghĩa (Es 7:3 8:1-4). Dầu vậy, ý nghĩa sâu xa chỉ về Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta không chỉ là “anh em” Chúa mà còn là con cái Ngài. “Ta đây, ta với các con cái mà Đức Chúa Trời đã ban cho ta” (He 2:13). Nếu Chúa Giê-xu Christ không đến thế gian làm người, hẳn Ngài đã không thể cất chúng ta khỏi thế gian và ban cho chúng ta sự vinh hiển. Sự hiện thân, sự thương khó và sống lại của Ngài phải hiệp nhất nhau. Tất cả những điều đó đã đem lại sự vinh hiển.

Chúng ta cần xem xét nhóm từ ở He 2:10 “khiến Đấng làm cội rễ sự cứu rỗi của những con ấy, nhờ sự đau đớn mà nên trọn lành”. Câu Kinh Thánh trên không có ý cho rằng Chúa Giê-xu Christ bắt toàn khi sống trên đất. Chữ “trơn lành” mang ý nghĩa “hoàn tất, hữu hiệu, thoả đáng”. Chúa Giê-xu Christ có lẽ đã không thể là một Đấng Christ đúng nghĩa và là một Thầy tế lễ Thượng Phẩm cao trọng nếu Ngài không hiện thân làm người để chịu thương khó và chết.

c. *Nhân tánh của Ngài giúp Chúa tước vũ khí của Sa-tan và giải thoát chúng ta khỏi sự chết* (He 2:14-16). Các thiên sứ không thể chịu chết. Chúa cũng không đến thế gian để vừa giúp các thiên sứ (He 2:16). Ngài đến để cứu rỗi loài người. Điều này có nghĩa là Ngài phải mang lấy thịt và huyết để trở nên con người. Chỉ khi đó, Ngài mới có thể chịu chết và dùng sự chết để phá diệt Sa-tan. Chữ “phá diệt” ở 2:14 không có nghĩa là “tuyệt diệt” vì rõ ràng Sa-tan hôm nay vẫn sống và hoạt động. Từ “phá diệt” mang ý nghĩa “làm cho không hoạt động được, làm vô hiệu hoá”. Sa-tan không bị tuyệt diệt, nhưng bị phá diệt.

Sa-tan có quyền về sự chết theo nghĩa nào? Quyền sự chết sau cùng thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta (Phu 32:39 Mat 10:28 Kh 1:18). Sa-tan chỉ có thể hành động khi có sự cho phép của Đức Chúa Trời (Giop 1:12 2:6). Nhưng vì Sa-tan là cha của tội lỗi (Gi 8:44) nên tội lỗi dẫn đến sự chết (Ro 6:23) và theo nghĩa này có thể hiểu rằng Sa-tan nắm quyền trong “lãnh địa” của sự chết. Chúa Giê-xu Christ gọi nó là “kẻ giết người” (Gi 8:44). Nó lợi dụng tư tưởng “sợ sự chết” của con người để làm vũ khí lợi hại nhằm điều khiển đời sống họ. Vương quốc Sa-tan là nơi của tối tăm và sự chết (Co 1:13). Là những người tin nhận Chúa Giê-xu Christ, chúng ta được Ngài giải thoát một lần đủ cả khỏi quyền lực của Sa-tan và khỏi tư tưởng khiếp sợ sự chết. Sự chết, chôn và sống lại của Đấng Christ đã đem chúng ta đến sự đắc thắng! (ICo 15:55-58).

Chúa Giê-xu Christ không mặc lấy bản chất của thiên sứ để cứu những thiên sứ sa ngã (Kh 12:7-9 IPhi 2:4). Ngài hạ mình xuống thấp hơn các thiên sứ để trở nên người! Không chỉ là một “người”. Ngài đã trở nên một người Do Thái thuộc “dòng dõi Áp-ra-ham” (He 2:16). Dân Do Thái vốn là dân bị coi khinh và ghét bỏ, dầu vậy, Ngài đã trở nên một người Do Thái!

d. *Nhân tánh của Ngài giúp Chúa trở nên một Thầy tế lễ Thượng Phẩm đầy lòng thương xót đối với dân mình* (He 2:17-18). Các thiên sứ là những thần linh thánh khiết chẳng bao giờ chịu khổ nên không thể đồng cảm với chúng ta trong những yếu đuối và nhu cầu. Nhưng Chúa Giê-xu Christ có thể làm được điều ấy! Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu Christ có hình hài như “anh em” Ngài để qua đó Ngài nếm trải những yếu đuối của bản chất con người. Ngài biết thế nào là một hài nhi bé bỏng yếu đuối, một đứa trẻ đang lớn lên, một thiếu niên trưởng thành. Ngài cảm biết sự mệt mỏi, đói khát (Gi 4:6-8), bị người ta khinh khi và chối bỏ, bị vu cáo và vô cớ, chịu thương khó và chết. Tất cả những điều này nằm trong chương trình “tôi luyện” của Ngài để chuẩn bị cho chức vụ làm Thầy tế lễ Thượng Phẩm trên trời.

Nếu bạn muốn biết điển hình về một thầy tế lễ không có lòng thương xót và trung tín, hãy đọc câu chuyện về Hê-li (ISa 2:27-36). Đây là một thầy tế lễ cả không dẫn dắt con cái mình đi trong đường lối tin kính Đức Chúa Trời. Cả Hê-li cũng một lần lên án một An-ne khổ sở khi nghĩ rằng bà say rượu! (ISa 1:9-18).

Chúa Giê-xu Christ là Đấng giàu lòng thương xót và trung tín: Ngài thương xót dân sự và trung tín với Đức Chúa Trời. Ngài chẳng bao giờ trễ nãi trong chức vụ tế lễ của mình. Ngài đã thực hiện một của lễ thoả đáng chuộc tội chúng ta, hầu cho chúng ta được hoà thuận với Đức Chúa Trời. Ngài không cần phải dâng tế lễ cho chính mình vì Ngài là Đấng vô tội.

Tuy nhiên, điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đã được cứu nhưng sau đó bị cám dỗ phạm tội? Ngài luôn hiện diện để giúp đỡ chúng ta! Từng bị cám dỗ khi sống trên đất nhưng Ngài đã đắc thắng mọi cám dỗ. Vì đánh bại được mọi kẻ thù, nên Ngài có thể ban ơn khi chúng ta cần thắng hơn sự cám dỗ. Chữ “cứu” (He 2:18) theo nghĩa đen là “chạy đến với đũa trẻ khi nghe tiếng khóc”, được hiểu như “đem đến sự cứu giúp khi có cần”. Các thiên sứ có thể “giúp việc” cho chúng ta (1:14) nhưng không thể cứu giúp chúng ta giữa cơn cám dỗ. Chỉ duy Chúa Giê-xu Christ mới có thể làm được việc ấy bởi “vì Ngài đã trở nên người” đã chịu thương khó và chịu chết.

Ở đây, chúng ta cũng cần biết sự khác nhau giữa chức vụ tế lễ của Chúa với chức vụ cầu thay của Ngài (IGi 2:1). Là thầy tế lễ Thượng Phẩm Chúa có thể ban ơn để chúng ta không phạm tội khi bị cám dỗ. Nếu chúng ta phạm tội, Ngài là Đấng cầu thay sẽ trình dâng chúng ta trước ngai Đức Chúa Trời và tha thứ chúng ta khi chúng ta thật tâm xưng ra tội lỗi với Ngài (IGi 1:5-2:2). Cả hai chức vụ này có liên quan đến công tác cầu thay của Ngài trong hiện tại, và chính sự cầu thay này bảo đảm cho sự cứu rỗi đời đời chúng ta nhận được (He 7:25).

Khi xem lại phân đoạn này, hẳn bạn sẽ ngạc nhiên về ân điển và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Theo quan điểm con người, Đức Chúa Trời dường như “thiếu suy xét cẩn thận” khi hạ mình làm người, nhưng chính nhờ hành động của ân điển ấy đã khiến chúng ta được cứu rỗi. Khi Chúa Giê-xu Christ trở nên con người, Ngài không trở nên thấp kém hơn đối với các thiên sứ, vì qua thân xác con người Ngài đã hoàn tất chương trình mà các thiên sứ không thể thực hiện nổi. Đồng thời, Ngài khiến chúng ta được dự phần trong sự vinh hiển Ngài!

Ngài không thẹn khi gọi chúng ta như những anh chị em của Ngài.

Còn chúng ta liệu có thẹn khi xưng Ngài là “Chúa”?

3. CAO TRỌNG HƠN MÔI-SE (He 3:1-4:13)

Sau Áp-ra-ham, Môi-se đương nhiên là người được dân Do Thái kính trọng nhất. Nói đến luật pháp là nói đến Môi-se, và đối tượng nhận thư tín Hê-bơ-rơ là những người hết sức chú ý đến luật Môi-se. Mọi hình thức lễ nghi của Do Thái giáo đều xuất phát từ Môi-se, nên tác giả thư tín buộc phải cho người đọc biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng cao trọng hơn Môi-se. Qua phân đoạn Kinh Thánh này, bạn sẽ biết rằng Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn Môi-se ít nhất ở 3 phương diện.

1. Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn trong thân vị của Ngài (He 3:1-2)

Hai cách mô tả về những độc giả cho thấy rõ rằng họ là những người đã tin. Từ “anh em thánh” được dùng để chỉ về những người trong gia đình Đức Chúa Trời được biệt riêng bởi ân điển Ngài. Tác giả muốn nói đến những thuộc viên Hội Thánh như thân thể Đấng Christ, nên ông dùng nhóm từ chính xác cho biết họ là “kẻ dự phần ơn trên trời gọi”. Không người Do Thái vô tín hay người ngoại nào nhận được phước hạnh này! Từ “kẻ dự phần” ở đây được dịch là “đồng bạn” ở (Lu 5:7) nơi từ này được dùng để mô tả mối liên hệ giữa 4 người trong công việc chài lưới: Họ cùng làm việc với nhau.

Cơ Đốc nhân thật không chỉ là người “dự phần ơn trên trời gọi”, mà còn được “dự phần với Đấng Christ” (He 3:14). Qua Đức Thánh Linh, chúng ta là “các chi thể của thân Ngài” (Eph 5:30). Cơ Đốc nhân cũng là kẻ “dự phần về Đức Thánh Linh” (He 6:4). “Nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về Ngài” (Ro 8:9). Vì là con cái Đức Chúa Trời, chúng ta cũng phải chịu sự sửa phạt yêu thương của Ngài (He 12:8). Ai không bị sửa phạt chứng tỏ người ấy không phải là con cái Đức Chúa Trời.

Những người này là “anh em thánh”, người “dự phần ơn trên trời gọi”, nếu họ có thể xưng ra đức tin mình trong Chúa Giê-xu Christ. Có hai chỗ trong thư tín tác giả khuyên các tín hữu giữ vững niềm tin này (He 4:14 10:23). Đây cũng là sự xác nhận rằng họ như “kẻ khách và bộ hành trên đất” (11:13), một lời xác quyết tạo nên tính cách của những người có niềm tin nơi Đức Chúa Trời trải qua các thời đại.

Môi-se không phải là người đã làm mọi điều kể trên cho những đối tượng được nói đến trong thư tín này. Đó là Chúa Giê-xu Christ! Tác giả không kêu gọi họ nhìn xem Môi-se, nhưng nhìn xem Chúa Giê-xu Christ. Từ “suy kỹ” nghĩa là xem xét kỹ càng để hiểu biết một cách đầy đủ. Việc nhìn xem Chúa Giê-xu Christ không phải là “một cái liếc so”, nhưng là một sự xem xét cẩn thận để biết Ngài là ai và những việc Ngài đã làm.

Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn Môi-se trong thân vị, đó là một chân lý hiển nhiên. Môi-se chỉ là một người bình thường được kêu gọi làm tiên tri và người lãnh đạo. Nhưng Chúa Giê-xu Christ chính là Con Đức Chúa Trời được Cha sai đến thế gian. Môi-se được Đức Chúa Trời kêu gọi và giao cho nhiệm vụ, nhưng Chúa Giê-xu Christ được sai xuống như “lời sau cùng” của Đức Chúa Trời gửi đến loài người tội lỗi. Bạn có thể xem một số câu Kinh Thánh ở Phúc Âm Giảng chứng tỏ Chúa Giê-xu Christ là Đấng được sai đến (Gi 3:17,34 5:36,38 6:29,57 7:29 8:42 10:36 11:42 17:3 13:3).

Chúa Giê-xu Christ không chỉ là vị sứ giả của Đức Chúa Trời, Ngài còn là Thầy tế lễ Thượng Phẩm. Môi-se là vị tiên tri đôi lúc cũng phục vụ như một tế lễ (Thi 99:6), nhưng chưa bao giờ là thầy tế lễ Thượng Phẩm. Tước hiệu đó thuộc về A-rôn anh trai Môi-se. Còn Chúa Giê-xu Christ là Đấng được xưng là “Thầy tế lễ Thượng Phẩm lớn” (He 4:14).

Là Sứ giả Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu Christ nhân danh Đức Chúa Trời đến với loài người, là Thầy tế lễ Thượng Phẩm, Ngài đang trình dâng con người cho Đức Chúa Trời nơi thiên đàng. Môi-se dĩ nhiên cũng đã hoàn thành những nhiệm vụ tương tự, vì ông đã dạy dỗ dân Y-sơ-ra-ên chân lý của Đức Chúa Trời, cầu thay cho dân sự khi gặp Ngài trên núi (Xu 32:30-32). Môi-se là tiên tri của Luật pháp, nhưng Chúa Giê-xu Christ là sứ giả của ân điển Đức Chúa Trời (Gi 1:17). Môi-se là người có công mở đường cho Đấng Christ đến thế gian.

Tác giả thư tín cũng lưu ý đến đặc điểm: Môi-se và Chúa Giê-xu Christ đều trung tín với công tác Đức Chúa Trời giao phó. Môi-se không phải là người vô tội như Chúa Giê-xu Christ, nhưng ông đã trung tín làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (Dan 12:7). Điều này có lẽ đã khích lệ các tín hữu Do Thái ở thế kỷ thứ nhất giữ được lòng trung tín với Đấng Christ dù gặp thử thách trăm bề. Họ cần phải noi gương Môi-se để trung tín trong sự kêu gọi của Chúa, chớ không phải trở lại với luật Môi-se.

2. Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn trong chức vụ Ngài (He 3:3-6)

Chữ “nhà” được sử dụng 6 lần trong đoạn Kinh Thánh ngắn này để chỉ về người thuộc về Đức Chúa Trời chớ không phải nhà được xây bằng vật chất. Môi-se dạy dỗ dân sự (người thuộc về Đức Chúa Trời) theo giao ước cũ. Hôm nay, Đấng Christ dạy dỗ Hội Thánh Ngài là những người thuộc về Đức Chúa Trời theo giao ước mới (“nhà Chúa tức là chúng ta” – He 3:6). Bạn sẽ thấy một minh họa khác về cách dùng từ “nhà” ở sách IISa 7:1-29. Đa-vít muốn dựng một đền thờ cho Đức Chúa Trời ngự vào. Nhưng Đức Chúa Trời cho Đa-vít biết Ngài sẽ dựng cho Đa-vít một “nhà” (gia đình) và lập giao ước cùng con cháu ông.

Có sự khác biệt rõ rệt giữa Môi-se và Đấng Christ: Môi-se là một tôi tớ trong nhà Chúa, còn Chúa Giê-xu Christ là “Con trai quản trị nhà Chúa” Môi-se là một thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-xu Christ là Đấng “cất nhà”! Chân lý trong những câu Kinh Thánh này tuyên bố mạnh mẽ về thần tính của Chúa Giê-xu Christ. Nếu Đức Chúa Trời

đã dựng nên muôn vật và Chúa Giê-xu Christ đã cất nhà Đức Chúa Trời, vậy điều này chứng tỏ Chúa Giê-xu Christ phải là Đức Chúa Trời.

Có một yếu tố khác về sự cao trọng của Đấng Christ so với Môi-se: Tiên tri Môi-se chỉ nói những điều sắp xảy đến, nhưng Chúa Giê-xu Christ là Đấng làm trọn những điều ấy (He 3:6). Môi-se dạy dỗ những điều thuộc về hình bóng (8:5 10:1), nhưng Chúa Giê-xu Christ đã đem đến ánh sáng rực rỡ sau cùng về Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời.

Chữ “tôi tớ” ở 3:5 theo ngôn ngữ Hy Lạp không phải là “tôi mọi hay nô lệ”, nhưng có nghĩa là “một tôi tớ tự nguyện hầu việc vì lòng yêu mến”. Trong Kinh Thánh từ “tôi tớ” này được dùng cho Môi-se mà thôi. Lúc khởi đầu chức vụ, Môi-se có phần do dự và đề kháng về sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Nhưng một khi ông đầu phục Đức Chúa Trời, ông vâng lời Ngài bằng một tấm lòng yêu mến và tận trung.

Chữ “miễn là” ở 3:6 cần phải được hiểu theo bối cảnh Môi-se dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập để đến vùng đất hứa. Tác giả thư tín không có ý cho rằng Cơ Đốc nhân chúng ta phải giữ mình để được cứu rỗi. Nếu vậy thì điều này hẳn đi ngược lại với chủ đề của thư tín nói về: công tác đã được trọn của Đấng Christ và chức vụ trên trời của Ngài bảo đảm sự cứu rỗi đời đời của chúng ta (3:14). Tác giả cũng khẳng định rằng những ai giữ vững lòng tin và hy vọng chúng tỏ người ấy thật sự được tái sinh.

Chữ “lòng tin” theo nghĩa đen là “sự tự do ngôn luận và cởi mở”. Khi bạn tự do nói, không có gì đáng sợ hãi nên bạn rất vững tin. Một Cơ Đốc nhân có thể dạn dĩ (vững lòng) đến trước ngôi ân phước (4:16) bằng sự chân thật và tự do chớ không phải sợ hãi. Chúng ta được dạn dĩ nhờ huyết Chúa Giê-xu Christ (10:19). Bởi cố ấy, chúng ta không nên đánh mất niềm tin mình cho dù trong hoàn cảnh nào. Chúng ta không nên tin cậy bản thân mình, vì chúng ta có xu hướng thay đổi, nhưng phải đặt lòng tin cậy nơi Chúa Giê-xu Christ là Đấng không bao giờ thay đổi.

Bởi lòng tin cậy Đấng Christ và sự xưng nhận này của Đấng Christ, chúng ta có thể kinh nghiệm niềm vui mừng và hy vọng (3:6). Tác giả thư tín khuyên những thánh đồ chịu khổ này phải vui mừng trong những từng thuộc linh chớ không chỉ chịu đựng nó. Chúa Giê-xu Christ là Con yêu dấu trong gia đình Ngài, nên Ngài sẽ chăm sóc mỗi thành viên trong gia đình. Ngài là Thầy tế lễ Thượng Phẩm trung tín cung ứng mọi ân điển chúng ta cần cho từng đòi hỏi của cuộc sống Là Đấng Chấn Chiên Lớn (13:19-20) Chúa Giê-xu sử dụng những từng trải của đời sống dân sự Ngài đã trang bị cho họ trong sự hầu việc sẽ quy vinh hiển danh Ngài.

Nói cách khác, những ai tin cậy Đấng Christ chứng tỏ sự xưng nhận này bởi sự vững vàng và lòng trông cậy vui mừng của mình. Họ không bị nặng lòng bởi quá khứ hay bị đe dọa bởi thực tại, nhưng sống cho tương lai khi chờ đợi Chúa trở lại. Chính “on trên trời gọi” này đã thôi thúc các Cơ Đốc nhân sống vì Đấng Christ dù trong nghịch cảnh.

Sự kiện dân Y-sơ-ra-ên đi trong đồng vắng là chủ đề chính ở phân đoạn này. Trong vòng dân sự, Ca-lép và Giô-suê là điển hình cho thái độ được mô tả ở 3:6). Những người Y-sơ-ra-ên trên 20 tuổi đều chết trong đồng vắng và chẳng bao giờ đến được Miền đất hứa (Dan 14:26-38). Ca-lép và Giô-suê tin cậy Đức Chúa Trời nên Ngài trân trọng đức tin họ. Suốt 40 năm, Ca-lép và Giô-suê dù chứng kiến bằng hữu và người lân cận mình ngã chết, nhưng họ vẫn giữ lòng tin cậy nơi Lời Đức Chúa Trời rằng họ sẽ được vào đất Ca-na-an. Những người khác kinh nghiệm nỗi buồn rầu và sự chết, nhưng Ca-lép và Giô-suê kinh nghiệm sự vui mừng, hy vọng vững vàng. Là những Cơ Đốc nhân chúng ta đều biết rằng Đức Chúa Trời sẽ cất chúng ta lên trời, nên chúng ta phải bày tỏ niềm tin và sự hy vọng cách vui mừng vầy.

3. Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn trong sự yên nghỉ Ngài ban (He 3:7-4:13)

Phân đoạn khá dài này là lời khuyên thứ hai trong 5 lời khuyên thuộc thư tín Hê-bơ-rơ. Ở lời khuyên đầu tiên (He 2:1-4), tác giả đưa ra hiểm họa về sự “trôi dạt” khỏi Lời Chúa do sự xao lãng. Ở lời khuyên này, tác giả giải thích hiểm họa về sự nghi ngờ và vô tín đối với Lời Chúa do cứng lòng. Chúng ta cần hiểu rằng bối cảnh của phân đoạn này là sự ra đi của dân Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập cùng những từng trải vô tín của họ trong đồng vắng.

Trước tiên, chúng ta phải biết có những bài học thuộc linh về những từng trải của dân Y-sơ-ra-ên. Ách nô lệ ở Ai Cập là một minh họa về ách của tội lỗi trong thế gian. Dân Y-sơ-ra-ên được giải cứu khỏi Ai Cập bằng huyết chiên con và quyền năng Đức Chúa Trời là hình bóng về tội nhân tin nơi Đấng Christ được giải thoát khỏi ách tội lỗi (Co 1:13-14). Chúa Giê-xu Christ là Chiên Con của Đức Chúa Trời, sự chết và sống lại của Ngài giải thoát chúng ta khỏi sự trói buộc của tội lỗi. Đó là một chân lý.

Đức Chúa Trời không muốn dân Y-sơ-ra-ên cứ ở mãi tại Ai Cập hay trong đồng vắng. Ngài muốn họ được hưởng cơ nghiệp vinh quang ở vùng đất Ca-na-an. Nhưng khi dân sự đã đến được ranh giới của cơ nghiệp ấy, họ trở nên trì trệ bởi lòng nghi ngờ về lời hứa của Chúa (Dan 13:1-14:45). Những người do thám xứ Ca-na-an nói rằng: “Chúng ta không đi lên sự cùng dân này được...” Môi-se, Giô-suê và Ca-lép khẳng định: “Nếu Đức Giê-hô-va đẹp lòng cùng chúng ta, ắt sẽ đem chúng ta vào xứ này mà ban cho...” Dân sự chùn bước trong sự vô tín thay vì cứ bước tới bằng đức tin, nên họ đánh mất cơ nghiệp đã được hứa ban và ngã chệch trong đồng vắng. Chỉ có dòng dõi hậu tự mới vào được vùng đất hứa và yên nghỉ ở đó.

Là Cơ Đốc nhân, vùng đất Ca-na-an bày tỏ cho chúng ta điều gì hôm nay? Đó chính là cơ nghiệp thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ (Eph 1:3,11,15-23). Tiếc thay, có một số Phúc Âm ca mô tả Ca-na-an như hình ảnh thiên đàng, còn sự vượt sông Giô-đanh như hình ảnh về sự chết! Ca-na-an là vùng đất xảy ra nhiều trận chiến, thậm chí là những cảnh bại trận, không xứng hợp cho sự minh họa về thiên đàng! Dân Y-sơ-ra-ên phải vượt qua sông bằng đức tin (một hình ảnh về Cơ Đốc nhân khi đã chết đối với bản ngã và thế gian Ro 6:1-23) để hưởng cơ nghiệp bởi đức tin. Họ phải bước đi bằng đức tin (Gios 1:3) để nhận vùng đất hứa cho mình. Cơ Đốc nhân hôm nay cũng phải hành động như vậy!

Giờ đây, chúng ta có thể hiểu: việc đi trong đồng vắng minh họa những từng trải của những Cơ Đốc nhân không hưởng được cơ nghiệp thuộc linh trong Đấng Christ vì nghi ngờ Lời Chúa và sống trong sự vô tín. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời ở cùng họ khi Ngài ở cùng dân Y-sơ-ra-ên, nhưng họ không vui mừng về ơn phước dư dật của Ngài ban xuống. Tuy đã “ra khỏi Ai Cập” nhưng họ vẫn chưa “vào Ca-na-an”.

Với bối cảnh trên, bạn có thể hiểu rõ hơn một trong những từ có ý nghĩa ở phân đoạn này, đó là từ “yên nghỉ” (He 3:11,18 4:1,3-5,8-11). Tác giả thư tín đề cập đến hai sự yên nghỉ khác nhau trong lịch sử Cựu Ước đó là (1) Sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời khi Ngài làm xong công tác sáng tạo (He 4:4 Sa 2:2) (2) Sự yên nghỉ của dân Y-sơ-ra-ên tại vùng đất Ca-na-an (He 3:11 Phu 12:9 Gios 21:43-45). Tuy nhiên, qua hai sự yên nghỉ, tác giả đã nhìn thấy hình ảnh minh họa về những từng trải thuộc linh của Cơ Đốc nhân hôm nay. Sự yên nghỉ trong ngày Sa-bát là hình ảnh về sự yên nghỉ của chúng ta trong Đấng Christ bởi sự cứu rỗi (He 4:3 Mat 11:28). Sự yên nghỉ ở vùng đất Ca-na-an là hình ảnh về sự yên nghỉ của chúng ta trong hiện tại khi hưởng cơ nghiệp trong Đấng Christ (He 4:11-13). Sự yên nghỉ đầu tiên là sự yên nghỉ khi được cứu rỗi. Sự yên nghỉ thứ hai và sự yên nghỉ khi đầu phục Chúa.

Có một sự yên nghỉ thứ 3 cần nhắc đến, là sự yên nghỉ trong tương lai khi mọi Cơ Đốc nhân vui mừng nơi Đức Chúa Trời. “Vậy thì còn lại một ngày yên nghỉ cho dân Đức Chúa Trời” (He 4:9). Từ “yên nghỉ” theo tiếng Hy Lạp gọi là “sabbatismos” (giữ ngày Sa-bát). Khi các thánh đồ bước vào thiên đàng, sự kiện này sẽ giống như họ được yên nghỉ trong ngày Sa-bát trọng đại của Đức Chúa Trời. Khi ấy, mọi việc làm và sự khó nhọc sẽ chấm dứt (Kh 14:13).

Chúng ta có thể phác hoạ những sự yên nghỉ theo cách sau:

- Quá khứ

Sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời (trong ngày Sa-bát).

Sự yên nghỉ của dân Y-sơ-ra-ên (tại Ca-na-an).

- Hiện tại

Sự yên nghỉ khi được cứu.

Sự yên nghỉ khi đầu phục Chúa (đắc thắng trong Đấng Christ).

- Tương lai

Thiên đàng

Cùng với bối cảnh lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên và những sự yên nghỉ được nói đến, chúng ta có thể suy gẫm đoạn Kinh Thánh này cách độc lập. Ở đây, tác giả đưa ra 3 lời khuyên:

a. *Hãy chú ý* (He 3:7-19). Chúng ta phải chú ý điều gì? Đó là lịch sử đau buồn của dân Y-sơ-ra-ên và bài học ý nghĩa qua sự kiện đó. Tác giả trích dẫn Thi 95:7-11 ghi lại phản ứng của Đức Chúa Trời trước tình trạng thuộc linh bi thảm của dân Y-sơ-ra-ên. Ngài đã giải thoát dân sự khỏi xứ Ai Cập, chăm sóc họ, bày tỏ quyền năng Ngài qua nhiều dấu kỳ phép lạ. Dân Y-sơ-ra-ên chứng kiến mọi điều này cũng như hưởng bao ơn phước từ Chúa, nhưng những tảng trái ấy vẫn không khiến họ gần Đức Chúa Trời hơn hay khiến họ tin cậy Ngài hơn. Mọi điều Đức Chúa Trời làm cho họ đã không khiến thuộc linh họ tăng trưởng. Thực tế thật trớ trêu: họ cứng lòng, bất tuân Đức Chúa Trời! Họ thử Chúa nhưng Chúa chẳng bỏ họ. Họ đã bỏ Ngài!

Tự trung của mọi nan đề chính tại tấm lòng con người. Dân Y-sơ-ra-ên (trừ ra Môi-se, Giô-sua và Ca-lép) có lòng lầm lạc (He 3:10), xa cách Chúa và Lời Ngài. Họ cũng có “lòng dửng và chẳng tin” (3:12). họ không tin rằng Đức Chúa Trời có thể cho họ đắc thắng tại Ca-na-an. Mặc dù từng mục kích phép lạ của Chúa nơi đồng vắng, họ vẫn nghi ngờ Ngài không thoả đáp những thử thách tại Ca-na-an!

Người nào có lòng lầm lạc và chẳng tin, người đó rồi sẽ trở nên cứng lòng. Đây là tấm lòng vô cảm đối với Lời Chúa và công việc Ngài. Chính tấm lòng cứng cõi của dân Y-sơ-ra-ên đã khiến họ muốn quay lại xứ Ai Cập. Bạn có tưởng tượng không, họ muốn đánh đổi sự tự do trong Đức Chúa Trời để sống dưới ách nô lệ ở Ai Cập! Dĩ nhiên, cả lịch sử này nhằm nói về tấm lòng của đối tượng đọc thư tín Hê-bơ-rơ, vì họ có nguy cơ “quay lại” với chính bản ngã mình.

Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đã giáng trên dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng (ở Kadesh-Barnea). Cả dòng dõi họ bị định tội chết, chỉ hậu tự được vào đất hứa. Đức Chúa Trời phán: “Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ của ta” (3:11). Hôm nay, sứ điệp ấy có ý nghĩa gì đối với Cơ Đốc nhân? Không có tín hữu nào (người Do Thái hay người ngoại) có thể trở lại với hình thức luật pháp Môi-se, vì đền thờ và chức tế lễ không còn nữa. Tuy vậy, mỗi Cơ Đốc nhân đều có thể bị cám dỗ để từ bỏ niềm tin của mình nơi Đấng Christ và quay lại với cuộc sống thoả hiệp trong ách tội mọi của thế gian. Đây là điều chắc chắn xảy ra trong kỳ bất bớ

hoạn nạn. Lò lửa bắt bớ vẫn luôn sàng lọc Hội Thánh, vì sự hoạn nạn sẽ phân cách Cơ Đốc nhân thật với kẻ giả hình. Cơ Đốc nhân thật sẽ sẵn lòng chịu khổ vì Đấng Christ và giữ lòng tin đến cuối cùng (3:6,14). Việc chúng ta giữ vững niềm tin là bằng chứng cho biết chúng ta là Cơ Đốc nhân thật.

Chúng ta phải chú tâm và nhận biết những hiểm họa thuộc linh quanh mình, cũng cần khích lệ nhau giữ lòng trung tín với Chúa (3:13). Dường như có một số tín hữu trong Hội Thánh đã không mấy may quan tâm coi sóc lẫn nhau (10:23-25). Cơ Đốc nhân phải quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau như Môi-se, Ca-lép và Giô-suê đã gắng lòng khích lệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ không muốn vào Ca-na-an (dù họ không nghe).

Phân đoạn này cho thấy Đức Chúa Trời đã chịu đựng dân Y-sơ-ra-ên suốt 40 năm họ đi trong đồng vắng nữa. Ra khỏi Ai Cập, họ đã chọc giận Đức Chúa Trời (Xu 16:1). Sau khi được Đức Chúa Trời ban bánh xuống, họ tiếp tục lảm bảm vì thiếu nước (Xu 17:1-7). Môi-se gọi nơi ấy là “Ma-sa Mê-ri-ba” nghĩa là “ướm thử và cãi lộn” (He 3:9-10).

Tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên được định rõ ở 3:12 “trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống”. Từ “trái bỏ” theo ngôn ngữ Hy Lạp nghĩa là ”bội đạo”. Ở ngữ cảnh này, từ “trái bỏ” không mang nghĩa như chối bỏ niềm tin và bị kết án đời đời. Dân Y-sơ-ra-ên đã xa cách Đức Chúa Trời hằng sống khi bất tuân ý Ngài trong đời sống mình và ương bướng muốn quay lại Ai Cập. Đức Chúa Trời không cho phép họ làm vậy nên đã sửa phạt họ trong đồng vắng. Ngài không muốn dân sự trở lại ách nô lệ.

Trọng tâm thư tín Hê-bơ-rơ cho biết: Cơ Đốc nhân thật được sự cứu rỗi đời đời bởi tin nhận Đấng Christ hằng sống là Đấng cầu thay cho mình. Tuy nhiên, tác giả cũng thận trọng chỉ rõ niềm tin này không phải là cơ để phạm tội. Đức Chúa Trời luôn sửa phạt con cái Ngài. Hãy nhớ Ca-na-an không phải là hình ảnh về thiên đàng, nhưng là hình ảnh cơ nghiệp thuộc linh hiện tại của Cơ Đốc nhân trong Đấng Christ. Cơ Đốc nhân nào nghi ngờ Lời Đức Chúa Trời và bất tuân Ngài, người ấy không đánh mất thiên đàng nhưng hụt mất những phước hạnh của cơ nghiệp hôm nay lẽ ra mình đã được hưởng và phải chịu sửa phạt của Đức Chúa Trời.

b. *Hãy lo sợ* (4:1-8). Cơ Đốc nhân hôm nay có thể hưởng cơ nghiệp thuộc linh trong Đấng Christ. Chúng ta phải giữ mình để không nghi ngờ Lời Đức Chúa Trời, vì chỉ khi nào Lời Chúa được tin cậy, mới có thể thực hiện được mục đích của nó. Đoạn Kinh Thánh này có thể được thảo luận theo nhiều định đề.

1. Đức Chúa Trời đã hoàn tất công việc và yên nghỉ nên sự yên nghỉ của Ngài đã sẵn có từ buổi sáng thế.

2. Dân Do Thái đã không vào được sự yên nghỉ.

3. Nhiều năm sau (Thi 95:1-11). Đức Chúa Trời phán rằng sự yên nghỉ vẫn hiện có.

“Ngày nay” vẫn còn ở đây. Điều này có nghĩa là Giô-suê đã không dắt dẫn dân sự vào sự yên nghỉ thật, vì sự yên nghỉ vẫn hiện có.

Sự yên nghỉ ở Ca-na-an dành cho dân Y-sơ-ra-ên là hình ảnh về sự yên nghỉ thuộc linh chúng ta có trong Đấng Christ khi chúng ta đầu phục Ngài. Đến với Đấng Christ bởi đức tin, chúng ta sẽ được yên nghỉ trong sự cứu rỗi (Mat 11:28). Khi đầu phục và học nơi Ngài và vâng phục Ngài bằng đức tin, chúng ta sẽ hưởng được sự yên nghỉ thuận phục (Mat 11:29-30). Trước tiên chúng ta được “hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1). Sau đó ta sẽ kinh nghiệm “sự bình an của Đức Chúa Trời” (Phi 4:6-8). Chúng ta bước vào sự yên nghỉ bởi đức tin (He 4:3). Chính sự vâng phục Đức Chúa Trời bằng đức tin và làm theo ý muốn Ngài sẽ khiến sự yên nghỉ hiện diện trong chúng ta.

c. *Hãy gắng sức* (4:9-13). Lời khuyên nay có thể hiểu là “hãy kiên trì” (khác với sự “trôi dạt” – 2:1-3). Chúng ta kiên trì ra sao? Bằng cách chú tâm vào Lời Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên không tin Lời Chúa nên phản nghịch Ngài giữa đồng vắng. “Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi Lời của Đấng Christ được rao giảng (Ro 10:17).

Khi so sánh Lời Đức Chúa Trời với “guơm”, tác giả không có ý cho rằng Đức Chúa Trời dùng Lời Ngài để huỷ diệt các thánh đồ! Thật ra, Lời Chúa có quyền năng “đâm thấu” vào lòng tội nhân để cáo trách họ (Cong 5:33 7:54) và đánh bại Sa-tan (Eph 6:17). Theo ngôn ngữ Hy Lạp, “guơm” là thanh kiếm ngắn hoặc dao găm, Lời Đức Chúa Trời như “guơm” có quyền năng xâm nhập và phơi bày lòng người. Lời Chúa như một công cụ có thể phân biệt và cáo trách mọi sự. Dân sự Y-sơ-ra-ên đã chỉ trích Lời Đức Chúa Trời thay vì phải để Lời Ngài xét đoán mình. Kết quả cho thấy, họ đã đánh mất phần cơ nghiệp của mình.

Đức Chúa Trời là Đấng thấy rõ lòng chúng ta (He 4:13), còn chúng ta không phải lúc nào cũng biết lòng mình (Gie 17:9). Đức Chúa Trời dùng Lời Ngài giúp chúng ta nhìn thấy tội lỗi và sự vô tín trong lòng mình. Lời Chúa phơi trần lòng chúng ta, và nếu chúng ta tin Đức Chúa Trời, Lời Ngài sẽ giúp lòng chúng ta biết vâng lời Chúa và nắm giữ lời hứa Ngài. Đó là lý do mỗi Cơ Đốc nhân phải kiên trì lắng nghe và chú ý Lời Chúa. Qua Lời Đức Chúa Trời, chúng ta nhìn thấy Đức Chúa Trời và cũng hiểu cách Đức Chúa Trời nhìn thấy chúng ta. Chúng ta còn có thể nhìn thấy thực trạng của mình. Kinh nghiệm này giúp chúng ta thật lòng với Đức Chúa Trời, tin cậy Ngài và làm theo ý muốn Ngài.

Tất cả những điều trên có thể thực hiện được bởi Chúa Giê-xu Christ đã hoàn tất công tác Ngài. Đức Chúa Trời yên nghỉ sau khi hoàn tất công tác sáng tạo. Con Đức Chúa Trời cũng yên nghỉ sau khi làm trọn công tác sáng tạo mới. Bởi tin nơi Lời Đức Chúa Trời và vâng theo ý Ngài, chúng ta có thể bước vào sự yên nghỉ của Ngài. Chúng ta thật có thể làm được điều ấy khi chịu lắng nghe Lời Chúa, hiểu rõ, tin cậy và vâng lời. Chỉ bởi phương cách đó, chúng ta mới có thể hưởng được cơ nghiệp trong Đấng Christ.

Trước khi chiếm thành Giê-ri-cô, Giô-suê bước ra xem xét tình hình và đã gặp Chúa Giê-xu Christ (Gios 5:13-15). Giô-suê khám phá rằng đây là Đấng ông phải vâng theo! Chúa mang guơm trong tay, nên Giô-suê phải sấp mặt xuống đất trong sự phục tùng hoàn toàn. Hành động âm thầm này đã đưa đến cho Giô-suê một chiến thắng công khai.

Chúng ta cũng phải đầu phục Chúa và tin cậy nơi Lời Ngài để hưởng cơ nghiệp thuộc linh. Hãy giữ mình để tránh khỏi “lòng dửng và chẳng tin”.

1-13 Xem phần giải nghĩa He 3:7-19

4. CAO TRỌNG HƠN THẦY TẾ LỄ THƯỢNG PHẨM A-RÔN (He 4:14-5:10)

Môi-se đã không thể dẫn dân Y-sơ-ra-ên vào sự yên nghỉ đã được hứa ban và chính ông cũng không vào được vùng đất hứa ấy. Tuy Giô-suê đưa dân sự vào được sự yên nghỉ về thuộc thế, nhưng không thể dẫn họ vào được sự yên nghỉ thuộc linh (He 4:8). Thầy tế lễ thượng phẩm A-rôn là ai? Phải chăng chức tế lễ A-rôn những nghi thức cùng các sinh tế có thể đem một linh hồn phiền não vào sự yên nghỉ?

Các tín hữu Hê-bơ-rơ luôn có khuynh hướng ngã về hình thức tôn giáo của cha ông họ. Nói chung, bất cứ người Do Thái nào đến Giê-ru-sa-lem đều có thể nhìn thấy đền thờ và xem các thầy tế lễ thi hành chức vụ tại bàn thờ. Đây là điều xác thực, cụ thể, mắt có thể thấy, tai có thể nghe. Khi người nào gặp phải sự bất bớ như người Hê-bơ-rơ từng trải, người ấy rất dễ

bước đi bằng mắt thấy chứ không bởi đức tin. Nếu trong chúng ta có ai nghi ngờ Chúa, chắc hẳn những người đó chịu sức ép khiêu khích nhẹ hơn so với những gì người Hê-bơ-rơ đã chịu.

Đề tài trọng tâm của thư tín Hê-bơ-rơ là chức tế lễ của Chúa Giê-cu cùng những điều Chúa đang làm trên trời thay cho dân Ngài. Có phải chức tế lễ thượng phẩm của Đấng Christ cao trọng hơn chức tế lễ của A-rôn và hậu tự người? Đúng vậy! Để chứng minh cho sự xác quyết của mình, tác giả đưa ra 4 lý do (Xem thêm phần giải nghĩa He 4:14-5:10).

1. Chúa Giê-xu Christ có một danh vượt trội hơn (He 4:14-16)

“Chúng ta có thầy tế lễ thượng phẩm lớn đã trải qua các tầng trời...” (He 4:14). A-rôn cũng là thầy tế lễ thượng phẩm, nhưng Chúa Giê-xu Christ là **THẦY TẾ LỄ THƯỢNG PHẨM LỚN**. Không một thầy tế lễ nào ở thời Cựu Ước được mang danh như vậy. Nhưng sự cao trọng của Chúa chúng ta tồn tại ở đặc điểm nào?

Trước hết, Chúa Giê-xu Christ vừa là Đức Chúa Trời vừa là Con Người. Ngài là “Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời”. “Giê-xu” nghĩa là “Đấng Christ”, một danh xưng phù hợp với nhân tính và chức vụ của Ngài trên đất. Danh xưng “Con Đức Chúa Trời” khẳng định cho Thần tính Ngài và rao ra chân lý: Ngài là Đức Chúa Trời. Qua thân vị con người siêu phàm, Chúa Giê-xu Christ kết hợp thần tính với nhân tính để Ngài có thể đem loài người đến với Đức Chúa Trời và đem đến cho họ những điều Đức Chúa Trời ban cho.

Chúa Giê-xu Christ cao trọng không chỉ qua thân vị Ngài mà còn qua chức vị của Ngài nữa. A-rôn và hậu tự người hầu việc trong đền tạm và khu vực đền thờ, được bước vào nơi chí thánh chỉ một lần duy nhất trong năm. Nhưng Chúa Giê-xu Christ là Đấng “đã trải qua các tầng trời” (He 4:14). Khi lên cùng Đức Chúa Cha, Ngài đã vượt qua các tầng khí quyển cùng các hành tinh để đến tầng trời thứ 3 nơi có Đức Chúa Trời ngự (II Co 12:2). Thật cao trọng dường nào khi có một Thầy tế lễ Thượng Phẩm Lớn hành sự nơi đền thánh trên trời chứ không ở đền thờ trên đất!

Chức vị của Đấng Christ còn có một đặc điểm khác: Ngài không chỉ ở trên trời, mà còn ngự trên ngôi vinh hiển, là “ngôi ơn phước” (He 4:16). Đối với dân Y-sơ-ra-ên, ngôi ơn phước của Đức Chúa Trời là nắp thi ân trên hòm báng chứng (Xu 25:17-22), nhưng đó không thể gọi là “ngôi ơn phước”. Ôn phước không bao giờ ẩn dật xa cách con người, cũng không giấu mình nơi một đền tạm.

Hơn nữa, con người tầm thường không được phép vào khu vực đền thánh, còn các thầy tế lễ phải đứng cách xa bức màn thánh. Chỉ một mình thầy tế lễ cả được bước qua bức màn thánh đặc biệt vào Ngày lễ Chuộc tội (Le 16:1-17). Hôm nay, mọi Cơ Đốc nhân đều được kêu gọi và khích lệ “vững lòng đến gần ngôi ơn phước! Quả là Ngôi Cao Trọng, vì nơi ấy có sự hiện diện của Thầy tế lễ Thượng Phẩm Lớn.

Chúa Giê-xu Christ, Thầy tế lễ Thượng Phẩm Lớn của chúng ta đang ở trên trời và ngự ngôi vinh hiển. Có một đặc điểm khác làm nên sự cao trọng của Ngài: Ngài bày tỏ lòng thương xót và ơn phước đối với những người cầu xin sự cứu giúp. Sự thương xót thể hiện qua cách Đức Chúa Trời không dành cho chúng ta những điều chúng ta đáng chịu ơn phước là những gì Đức Chúa Trời ban cho ta mà lẽ ra ta không xứng đáng nhận lãnh: Không một thầy tế lễ cả nào ở thời Cựu Ước có thể tỏ ra lòng thương xót và ơn phước theo cách như vậy. Khi một người Do Thái phạm tội, người ấy không dễ gì tìm đến với thầy tế lễ cả để được giúp đỡ và hẳn cũng không thể vào được nơi chí thánh để cầu xin Đức Chúa Trời. Thế nhưng, là những Cơ Đốc nhân trong Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể chạy đến với thầy tế lễ Thượng phẩm của mình bất cứ lúc nào, ở bất cứ hoàn cảnh nào để tìm ơn cứu giúp khi cần.

Là Thầy tế lễ Thượng phẩm lớn, Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn chức vụ A-rôn. Vì vậy, chúng ta có thể đi đến hai kết luận. Thứ nhất, không có lý do gì để chúng ta chối bỏ niềm tin mình dù khi gặp thử thách hoạn nạn (He 4:14). Chữ “nhận tin” ở 4:14 có nghĩa là “xung ra”. Các tín hữu Hê-bơ-rơ có xu hướng từ bỏ niềm tin nơi Đấng Christ và lòng trông cậy nơi Ngài (3:6,14). Vấn đề không ở tại việc từ bỏ sự cứu rỗi họ đã nhận được. Vì sự cứu rỗi trong Đấng Christ là sự cứu rỗi đời đời (5:9). Vấn đề chính ở sự xung nhận đức tin của họ. Khi trở lại với hình thức tôn giáo thời Cựu Ước, họ đã cho mọi người biết rằng họ không còn tin nơi Đấng Christ (Ga 2:11-21). Sự vô tín này chỉ càng gây tai tiếng cho danh Đấng Christ mà thôi.

Tóm lại, mục đích trên hết của sự cứu rỗi là vinh hiển của Đức Chúa Trời (Eph 1:6,12,14). Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời làm cho Môi-se rất đổi quan tâm khi dân Y-sơ-ra-ên vi phạm luật của Đức Chúa Trời và làm tượng bò vàng (Xu 32:1-35). Đức Chúa Trời muốn huỷ diệt dân này và lập một dân mới từ Môi-se, nhưng Môi-se từ chối đề nghị ấy. Ông cầu thay cho dân Y-sơ-ra-ên, lấy sự vinh hiển và những lời hứa của Đức Chúa Trời, làm nền tảng để Đức Chúa Trời tha thứ cho dân sự, và không hành phạt tội lỗi họ (Xu 32:11-13).

Kết luận thứ 2, chẳng cần thiết trở lại với hình thức tôn giáo cũ vì chúng ta có thể dạn dĩ bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời để cầu xin sự cứu giúp của Ngài bất cứ lúc nào (He 4:16). Không hoạn nạn nào quá sức chúng ta, cũng không cám dỗ nào đánh gục được chúng ta, vì điều chúng ta cần đã được Chúa Giê-xu Christ ban cho bởi sự thương xót và ơn phước đúng lúc, Chúng ta có thể lý luận rằng: “Nhưng Ngài ở quá xa! Ngài là Con Đức Chúa Trời, Đấng Toàn vẹn, làm sao Ngài có thể hiểu được nan đề của những tội nhân yếu đuối như chúng ta!”

Nhưng đó chính là một phần trong sự Cao trọng của Ngài! Khi thi hành chức vụ trên đất trong thân xác con người, Chúa đã trải qua mọi hoàn cảnh giống chúng ta, thậm chí còn hơn thế nữa. Tóm lại, một con người vô tội cảm nhận được những cám dỗ hoạn nạn một cách sâu sắc hơn cảm biết của bạn và tôi. Chúa Giê-xu Christ từng bị cám dỗ nhưng Ngài không hề phạm tội, nên Ngài có thể giúp đỡ chúng ta khi chúng ta bị cám dỗ. Dù chúng ta thất bại trong việc giữ vững niềm tin, cũng không chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu Christ đã chiến bại. Chúng ta chỉ đang cho thế gian biết chúng ta đã không đến gần ngôi ơn phước và thương xót của Ngài khi mọi sự đã sẵn sàng cho mình.

2. Chúa Giê-xu Christ có một sự tấn phong vượt trội (He 5:1,4-6)

Khi tôi trở thành mục sư, tôi phải đến toà thị chính để làm thủ tục pháp lý, nếu không, sẽ không có quyền đứng ra làm lễ cưới. Tôi phải trình chứng nhận thụ phong của mình để mọi người biết tôi thật sự đang hầu việc Chúa tại Hội Thánh.

Ngày kia, tôi nhận được một cú điện thoại khẩn từ một trong những thành viên. Có một số tín hữu sẽ kết hôn vào ngày vào hôm sau nên họ mời một người ở Michigan làm chủ lễ. Nhưng sau đó họ mới biết người ấy không được phép cử hành nghi lễ! Tôi có thể giúp họ được không? Vị mục sư được mời có thể biết rõ nghi lễ như tôi, thậm chí biết đôi vợ chồng mới rõ hơn tôi, nhưng ông ta thiếu thẩm quyền để hành lễ.

Không ai có thể chọn chính mình làm thầy tế lễ, hay tự lập mình làm tế lễ cả. Vua Sau-ơ vi phạm đến chức tế lễ nên đánh mất vương quốc mình (ISa 13:1-23). Cô-rê cùng những kẻ đồng phản muốn tự lập mình làm thầy tế lễ nên Đức Chúa Trời đã đoán phạt họ (Dan 16:1-50). Khi vua Ô-xia cố bước vào đền thờ để xông hương, Đức Chúa Trời đã làm cho ông phát bệnh phung (IISu 26:16-21).

A-rôn được Đức Chúa Trời lập làm tế lễ cả và được thụ phong xứng đáng trước cửa hội mạc (Xu 28:1-43). Ông là người được chọn giữa vòng dân sự để hành sự cho họ. Nhiệm vụ

chính của ông là dâng lên của lễ theo luật định tại bàn thờ (He 8:3-4 9:14). Của lễ nào không được dâng đúng nơi, đúng đối tượng sẽ không được Đức Chúa Trời nhậm lời.

Chính sự tồn tại của chức tế lễ và hình thức của lễ là bằng chứng con người đã bị xa cách với Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ ân điển Ngài qua việc lập ra hệ thống tế lễ Lê-vi. Hôm nay, lễ nghi đó đã được làm trọn qua chức vụ của Chúa Giê-xu Christ. Ngài vừa là con sinh tế, vừa là Thầy tế lễ Thượng phẩm chuộc tội cho dân Đức Chúa Trời trên cơ sở của hành động dâng mình một lần đủ cả nơi thập tự giá.

Vấn đề về sự phong chức được đề cập ở He 5:1 cũng được khai triển rõ hơn ở 5:5-6. Chúa Giê-xu Christ không tự lập mình làm Thầy tế lễ Thượng phẩm. Ngài được Đức Chúa Trời chọn lựa từ trước. Câu Kinh Thánh He 5:5 được trích từ Thi 2:7 cũng được ghi lại ở He 1:5 chứng minh Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trọng tâm của He 5:5 nói về chức tế lễ của Đấng Christ chứ không phải thần tính Ngài.

Vậy câu Kinh Thánh trích dẫn này mang ý nghĩa gì cho lập luận. Ý nghĩa của nó được bày tỏ trong Cong 13:33-34 (là đoạn Phao-lô trích Thi 2:7 và giải thích ý nghĩa). Nhóm từ “ta đã sanh người ngày nay” không liên quan đến sự Giáng sanh của Đấng Christ tại thành Bết-lê-hem, nhưng chỉ về sự phục sinh của Ngài từ cõi chết. Con Đức Chúa Trời đã được sanh ra trong một sự sống mới đầy vinh hiển khi Ngài phục sinh! Ngài thăng thiên trong thân thể vinh hiển để trở nên Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta tại ngôi ơn phước. Khi A-rôn được lập chức tế lễ, ông phải dâng các của sinh tế. Nhưng để trở nên Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, Chúa Giê-xu Christ phải dâng chính mình Ngài làm của lễ và đã sống lại từ cõi chết!

Nhưng Đức Chúa Cha không chỉ phán rằng “Người là Con ta” ở Thi 2:7 nhưng Ngài cũng phán “Người làm thầy tế lễ đời đời theo ban Mên-chi-xê-đéc” (He 5:6 trích từ Thi 110:4). Thi thiên này cũng được trích dẫn trước đây trong He 1:13 để khẳng định Chúa Giê-xu Christ là Đấng chiến thắng mọi kẻ thù. Khi A-rôn được thụ phong, Đức Chúa Trời không phán trực tiếp với ông để công bố chức tế lễ của ông. Nhưng Ngài đã phán những lời đặc biệt này về Con Ngài.

Có hai yếu tố khiến cho chức tế lễ của Đấng Christ có tính độc nhất vô nhị và vì vậy sự tấn phong của Ngài cao trọng hơn. Thứ nhất, Ngài là Thầy tế lễ thượng phẩm đời đời. Không hề có thầy tế lễ nào thời Cựu Ước hầu việc trong đền thờ đời đời cả, vì họ đều chết đi và nhường chức vụ lại cho hậu tự. Từ “đời đời” là thuật ngữ đầy ý nghĩa trong thư tín này Có ít nhất 6 lần tác giả khẳng định chức tế lễ thượng phẩm đời đời của Đấng Christ (He 5:6 6:20 7:17,21,24,28). Vì Ngài là Thầy tế lễ đời đời, Ngài có thể ban cho dân Ngài sự cứu rỗi đời đời (7:23-28).

Yếu tố thứ hai khiến sự tấn phong của Đấng Christ là độc tôn vì Ngài thuộc về một ban khác với các thầy tế lễ của Cựu Ước. Các thầy tế lễ thuộc ban A-rôn, nhưng Chúa thuộc ban Mên-chi-xê-đéc. Đây là ý niệm chính của thư tín Hê-bơ-rơ, vậy chúng ta cần dành thời gian xem xét để hiểu rõ điều này.

Tên gọi Mên-chi-xê-đéc được chép ở hai chỗ trong Kinh Thánh Cựu Ước: Sa 14:17-24 và Thi 110:4. Tên của vua Mên-chi-xê-đéc có nghĩa là “vua của sự công bình” và ông cũng là “Vua của Sa-lem” (bình an). Nhưng có điều hấp dẫn về Mên-chi-xê-đéc là ở chỗ ông vừa là vua vừa là thầy tế lễ! Vua Ô-xia muốn cả làm vua lẫn thầy tế lễ nên đã bị Đức Chúa Trời hành phạt. Hai chức vụ này chỉ được kết hợp trong Chúa Giê-xu Christ và Mên-chi-xê-đéc tiền luật pháp, Chúa Giê-xu Christ là Thầy tế lễ Thượng phẩm ngự trên ngôi Vua vinh hiển!

Chúa Giê-xu Christ là Thầy tế lễ đời đời vì Ngài thuộc “ban Mên-chi-xê-đéc”. Theo Kinh Thánh Cựu Ước, vua Mên-chi-xê-đéc “không chết” (He 7:1-3). Dĩ nhiên nếu là một con người

thật, ắt vua Mên-chi-xê-đéc phải có ngày qua đời, nhưng chúng ta không được biết. Vì vậy vua Mên-chi-xê-đéc trở nên một hình ảnh nói về Chúa Giê-xu Christ, Đấng làm Thầy tế lễ đời đời.

Mên-chi-xê-đéc cũng minh hoạ cho hình ảnh Chúa chúng ta với chức tế lễ thượng phẩm trên trời. Chúa Giê-xu Christ khi sống trên đất không thể thi hành chức vụ của thầy tế lễ vì Ngài không thuộc chi phái Lê-vi. Chúa Giê-xu Christ được sinh ra từ dòng Đa-vít, chi phái Giu-đa, Ngài đã trở nên của lễ chuộc tội trên đất hầu cho Ngài có thể làm Thầy tế lễ thượng phẩm trên trời. Những chân lý này sẽ được đào sâu ở He 7:1-10:39

3. Chúa Giê-xu Christ bày tỏ sự cảm thông cao trọng (He 5:2,7-8)

Mọi thầy tế lễ cả thời Cựu Ước đều phải làm lễ chuộc tội cho “những kẻ ngu dốt sai lầm” (He 5:2). Đức Chúa Trời không có một hoạch định nào trừ ra việc đoán phạt những tội lỗi nghịch cùng Ngài (Xu 21:12-14 Dan 15:27-31). Tuy nhiên, khi con người phạm tội trong sự yếu đuối ngu dại, Ngài đã chuẩn bị một chương trình cho con người. Thầy tế lễ thời Cựu Ước có thể cảm thông với tội nhân, vì chính thầy tế lễ cũng là một tội nhân. Thật ra, vào ngày lễ chuộc tội, thầy tế lễ cả phải dâng của lễ chuộc tội cho bản thân mình trước khi có thể chuộc tội cho cả dân sự! (Le 16:1-34 He 9:7).

Có lẽ bạn sẽ cho rằng tội nhân này sẽ thương xót tội nhân khác. Nhưng điều đó không phải lúc nào cũng đúng. Tội lỗi khiến con người trở nên ích kỷ, thậm chí che mắt chúng ta trước nỗi đau kẻ khác. Tội lỗi có thể khiến lòng chúng ta cứng cỏi, khiến chúng ta luôn xét đoán thay vì phải thương xót. Hãy nhớ lại, An-ne cầu xin Đức Chúa Trời ban cho một đứa con trai với lòng tan vỡ nhưng bị thầy tế lễ cả Hê-li cho là người say rượu (ISa 1:9-18). Khi nghe câu chuyện về người giàu tội lỗi, vua Đa-vít không hề thương xót người ấy dù chính ông còn phạm tội trọng hơn (II Sa 12:1-31).

Con người thuộc linh với tấm lòng trong sạch luôn cảm thông với tội nhân mới có thể tìm cách giúp tội nhân (Ga 6:1). Chúng ta đều là kẻ có tội, nên khó lòng giúp được tội nhân khác nhưng vì Chúa Giê-xu Christ là Đấng toàn vẹn, Ngài có thể thoả đáp mọi nhu cầu của chúng ta (sau) khi chúng ta phạm tội.

Chúa đã chuẩn bị đầy đủ cho chức vụ tế lễ thượng phẩm suốt những năm tháng Ngài thi hành chức vụ trên đất (He 5:7-8). Nhóm từ “khi Đấng Christ còn trong xác thịt” nghĩa là thời gian khi Ngài sống trên đất trong thân xác con người. Từ lúc giáng sinh đến khi chịu chết, Chúa chúng ta đã trải qua những yếu đuối của bản hất con người, nhưng không phạm tội. Ngài biết thế nào là lớn lên và trưởng thành (Lu 2:52), từng nếm trải sự đói khát, mệt mỏi, (Gi 4:6-8,31). Ngài cũng đối đầu với sự cám dỗ (Mat 4:1-11) và chịu sự bắt bớ của những kẻ tội lỗi.

Con Đức Chúa Trời đã học cách vâng lời ra sao? Ngài hành động như bất cứ người con nào học cách vâng lời: qua những từng trải của cuộc sống. Chúng ta cần nhớ rằng Chúa đã sống trên đất bởi đức tin nơi ý muốn Cha trên trời. Lời Đức Chúa Trời, Ngài không cần học điều gì cả nhưng là Con Đức Chúa Trời đã đến trong thể xác, Ngài phải trải qua những hoàn cảnh của con người để có thể thi hành chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm của dân Ngài. Ngài phải học cách vâng lời vì sự bất tuân không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Hơn thế, là Con Người từ trời đến trong xác thịt, Ngài phải học mọi điều về sự vâng phục. Bằng cách ấy, Ngài mới có thể đồng cảm với chúng ta.

Sự chuẩn bị này cũng bao gồm cả việc chịu chết nữa, tác giả thư Hê-bơ-rơ (He 5:7) tập trung sự từng trải của Chúa tại vườn Ghết-sê-ma-nê (Mat 26:36-46). Đối diện với thập tự giá không phải là hoạn nạn đè nặng trên Chúa Giê-xu Christ nhưng vấn đề chính ở chỗ Ngài sẽ

trở nên tội lỗi và bị phân cách với Đức Chúa Cha. Những tội tở khác của Đức Chúa Trời từng đối diện với sự chết không hề có cảm xúc mạnh mẽ như vậy. Không một tội tở nào chịu gánh trên mình tội lỗi của cả thế gian như Chúa Giê-xu Christ!

Trong lời cầu nguyện tại Ghết-sê-ma-nê, Chúa Giê-xu không chống lại ý muốn Đức Chúa Trời, nhưng Ngài cầu nguyện: “Xin ý Cha được nên, chớ không theo ý con!” (Lu 22:42). Ngài không cầu xin được miễn cho sự chết, nhưng cầu xin được cứu khỏi sự chết. Ngài cầu nguyện cho sự sống lại từ cõi chết và được Đức Chúa Trời nhậm lời, Ngài phán trước rằng Ngài sẽ chịu chết và cho biết Ngài phó sự sống mình theo ý chí tự do. Điều này khớp với ý trích dẫn từ Thi 2:7 được ghi lại ở He 5:5 nói trước về sự phục sinh của Chúa từ cõi chết.

Tác giả thư Hê-bơ-rơ xác định rằng lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu Christ “được nhậm” (5:7). Vì Ngài chịu chết trên thập tự giá nên đây không phải là điều Ngài cầu xin, vì nếu Đức Chúa Trời nhậm lời, có lẽ Con Ngài đã không bị đóng đinh! Ngài không cầu xin được miễn cho sự chết nhưng được khỏi sự chết. Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện khi khiến Con Ngài sống lại từ cõi chết.

Không hề có người chết như Chúa Giê-xu Christ. Ngài đã bị định tội vì chúng ta (II Co 5:21 I Phi 2:24). Loài người chết vì tội lỗi chính họ, nhưng Chúa Giê-xu Christ đã chết thay cho tội lỗi của cả thế gian. Ngài từng trải đến tột đỉnh sự thương khó nên Ngài có thể cảm thông với dân Ngài khi họ chịu hoạn nạn. Những người nhận thư Hê-bơ-rơ đã trải qua thời kỳ khó khăn, nhưng họ “chưa đến nỗi đổ huyết” He 12:4). Của cải họ bị cướp và bản thân họ phải chịu sỉ nhục (10:32-34), nhưng họ không đến nỗi bị Đức Chúa Trời đóng đinh và từ bỏ.

Dù chúng ta gặp hoạn nạn ra sao, Chúa Giê-xu Christ vẫn biết rõ mọi nhu cầu của chúng ta và cứu giúp chúng ta, Chúng ta không có lý do gì để ngờ vực khả năng cảm thông và cứu giúp của Ngài. Cần lưu ý rằng có những lúc Đức Chúa Trời cũng đặt chúng ta trong những khó khăn để chúng ta hiểu nhu cầu của người khác nhiều hơn và dễ dàng khích lệ họ (II Co 1:8).

Khi Charles Haddon Spurgeon còn là một vị truyền đạo trẻ tại Luân đôn, chức vụ thành công của ông đã khơi dậy lòng ghen tị của một số chức sắc tôn giáo. Họ lên án ông với đủ lời vu khống bịa đặt. Những bài giảng của ông bị gọi là “vô giá trị”, thậm chí bản thân ông cũng bị gọi là “diễn viên”, “anh hề trên bục giảng”. Sau khi chức vụ Spurgeon được công nhận, ông vẫn bị đàm tiếu trên báo (kể cả báo tôn giáo) và điều này khiến ông ngã lòng.

Sau khi xem một bài viết đầy lời lẽ lăng mạ về mình trên báo, Spurgeon quỳ gối cầu nguyện với Chúa: “Ôi lạy Chúa Giê-xu Christ, Ngài đã khiến con mất hết danh dự mình. Con vui lòng từ bỏ danh dự con vì có Ngài”. Kể từ lúc đó, Spurgeon có sự bình an trong lòng luôn. Ông biết Thầy tế lễ Thượng phẩm của ông hiểu rõ nhu cầu ông và sẽ ban ơn cho ông trong “giờ có cần”.

4. Chúa Giê-xu Christ đã dâng một của lễ cao trọng (He 5:3,9-10)

Chủ đề đã được đề cập đến và tác giả triển khai chi tiết ở He 9:1-10:39. Ở đây có hai vấn đề đáng nêu ra.

Thứ nhất, Chúa Giê-xu Christ không cần dâng bất cứ của lễ nào cho chính Ngài. Vào ngày lễ chuộc tội hằng năm, thầy tế lễ cả trước tiên phải chuộc tội cho bản thân mình, sau đó mới có thể dâng của lễ cho dân sự (Le 16:1-34) Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời vô tội, nên Ngài không cần chuộc tội cho mình. Ngài có mối liên hệ trọn vẹn với Cha trên trời nên không cần tẩy uế cho mình.

Vấn đề thứ 2, của lễ của Chúa được dâng lên một lần đủ cả, chứ không như những của lễ thời Cựu Ước được dâng nhiều lần. Hơn nữa, những của lễ ấy chỉ có thể che đậy tội lỗi mà không bao giờ tẩy sạch được tội lỗi. Cần phải có một của lễ là Chiên Con không tì vết của Đức Chúa Trời để rửa sạch và cất tội lỗi đi.

Vì là Con Đức Chúa Trời thánh khiết, vô tội và vì đã dâng một của lễ trọn vẹn, Chúa Giê-xu Christ là “cội rễ của sự cứu rỗi đời đời” (He 5:9). Không thầy tế lễ nào ở thời Cựu Ước có thể ban cho con người sự cứu rỗi đời đời giống như sự cứu rỗi chúng ta có trong Chúa Giê-xu Christ. Nhóm từ “được làm nên trọn vẹn” không mang ý nghĩa Chúa Giê-xu Christ trước đó “bất toàn”! Nhóm từ này được hiểu như “được trọn lành”, được mô tả ở He 2:10. Bởi những hoạn nạn Chúa từng trải trên đất, Chúa Giê-xu Christ được chuẩn bị để làm chức tế lễ thượng phẩm của chúng ta trên trời. Ngài có thể cứu rỗi, bảo vệ và ban ơn cho dân Ngài.

Nhóm từ “...cho kẻ vâng lời Ngài” (He 5:9) phải chăng có nghĩa là: nếu chúng ta không vâng lời Ngài, chúng ta có thể đánh mất sự cứu rỗi đời đời? Vâng lời Đức Chúa Trời cũng đồng nghĩa với tin cậy Đức Chúa Trời, vì vậy “...kẻ vâng lời Ngài” (5:9) nói về những người đã đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu Christ. “cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa” (Cong 6:7). “Nhưng chẳng phải mọi người đều nghe theo Phúc Âm đâu” (Ro 10:16). “Anh em đã vâng theo chân lý làm sạch lòng mình” (Iphi 1:22) Một khi chúng ta đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu Christ, vâng theo tiếng Ngài, chúng ta sẽ kinh nghiệm sự cứu rỗi đời đời của Ngài.

Không dễ gì bác bỏ được 4 lý lẽ bày tỏ qua giai đoạn này. Chúng ta phải đồng thanh với tác giả thư Hê-bơ-rơ rằng Chúa Giê-xu Christ là Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng ơn A-rôn. Thật đại đột cho những ai quay lại với hình thức của luật pháp cũ, khi người ấy có thể vui hưởng những sự cao trọng của Chúa Giê-xu Christ, vậy tại sao các tín hữu Hê-bơ-rơ này có khuynh hướng trở lại với luật pháp? Bởi họ không trưởng thành trong Đấng Christ. Kết thúc lý do này, tác giả dùng lại để khuyên các tín hữu tăng trưởng trong Chúa và đó là chủ đề cho đoạn Kinh Thánh kế tiếp.

5. HÃY TĂNG TRƯỞNG (He 5:11-6:20)

“Chúng ta mong rằng mỗi người trong anh em... không trễ nãi, nhưng cứ học đòi những kẻ bởi đức tin và lòng nhịn nhục mà được hưởng lời hứa” (He 6:12).

Câu Kinh Thánh này tóm tắt sự điệp chính của đoạn thư tín khó hiểu này. Dân Y-sơ-ra-ên muốn trở lại Ai Cập nên cả dòng dõi họ không hưởng được những điều Đức Chúa Trời hứa ban. Tuy họ được giải cứu bình an khỏi Ai Cập, nhưng chưa bao giờ hưởng sự yên nghỉ được hứa ban ở xứ Ca-na-an. Chúng ta hôm nay cũng có thể phạm những sai lầm tương tự.

Nếu bạn nhớ rằng trọng tâm của phân đoạn này nói về sự tăng trưởng thuộc linh, bạn sẽ lái bài học vượt qua những nan đề phát sinh từ những giải nghĩa sai lầm. Ở phân đoạn này, tác giả nói về 3 chủ đề có liên quan đến sự tăng trưởng thuộc linh.

1. Những đặc điểm của sự non nớt về thuộc linh (He 5:11-14)

Tác giả muốn giải thích về chức tế lễ trên trời của Đấng Christ, nhưng ông không chắc người nghe sẵn sàng đón nhận điều ông chia sẻ. Vấn đề không ở chỗ ông là giáo sư giỏi hay dở, nhưng ở chỗ người nghe trở nên “chậm hiểu”. Chữ “chậm hiểu” ở He 5:11 được dịch là “trễ nãi” ở 6:12 để chỉ về tình trạng thuộc linh lãnh đạm và uể oải làm cản trở sự tăng trưởng.

Vậy 4 đặc điểm về sự non nớt thuộc linh là gì? Đó là:

a. *Chậm hiểu Lời Chúa* (5:11). Những tín hữu này bắt đầu “đi lùi” do bị “trôi dạt” khỏi Lời Chúa (2:1-4) và nghi ngờ Lời Ngài (3:7-4:13). Kết quả là họ trở nên “chậm hiểu” không

thể nghe được Lời Chúa để có thể tiếp nhận và làm theo. Họ không có thái độ như các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca: “Bởi vậy, chúng tôi tạ ơn Đức Chúa Trời không thôi về sự anh em tiếp nhận lời của Đức Chúa Trời mà chúng tôi đã truyền cho, không coi như lời của loài người, bèn coi như lời của Đức Chúa Trời, vì thật là lời Đức Chúa Trời, cũng hành động trong anh em có lòng tin” (ITe 2:13).

Một trong những dấu hiệu đầu tiên của sự sa sút thuộc linh là sự chậm hiểu đối với Lời Chúa. Lớp học trường Chúa nhật trở nên tẻ ngắt, bài học khô khan, mọi điều thuộc linh như không còn sức thu hút bản thân. Nan đề này thường không ở phía giáo viên Kinh Thánh hay mục sư, nhưng do bản thân của Cơ Đốc nhân.

b. *Không có khả năng chia sẻ* (He 5:12a). Khả năng chia sẻ chân lý thuộc linh với người khác là một đặc điểm của sự trưởng thành. Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều có ơn dạy dỗ, nhưng mỗi Cơ Đốc nhân đều có thể chia sẻ điều mình học từ Lời Chúa. Một trong những bài học khó nhất đối với trẻ con là bài học chia sẻ. Đối tượng đọc thư tín này đã tin Chúa một thời gian dài đủ để họ có thể chia sẻ chân lý của Đức Chúa Trời cho người khác. Thế nhưng, thay vì giúp nhau tăng trưởng, những tín hữu Hê-bơ-rơ này lại phải học những điều sơ đẳng trong đời sống Cơ Đốc. Họ muốn trải qua thời “thơ ấu” lần thứ hai!

c. *Ăn thực phẩm của con trẻ* (He 5:12-13). “Sữa” là thực phẩm đặc biệt dành cho con trẻ. Những ai có răng có thể thưởng thức “đồ ăn đặc”. Tác giả định nghĩa “sữa” như “những điều sơ học của Lời Đức Chúa Trời” (He 5:12). “Đồ ăn đặc” của Lời Chúa là bài học về chức vụ của Chúa chúng ta trên trời: Thầy tế lễ Thượng phẩm. Tác giả muốn gọi đến cho người đọc “đồ ăn đặc” nhưng họ chưa sẵn sàng nhận lấy.

“Sữa: của Đạo chỉ về những điều Chúa Giê-xu Christ đã làm trên đất – đó là sự giáng sinh, sự sống, chức vụ rao giảng, sự chết, chôn và sống lại của Ngài. “Đồ ăn đặc” của Đạo là những điều Chúa Giê-xu Christ đang thực hiện trên trời hôm nay. Chúng ta bắt đầu đời sống Cơ Đốc trên nền tảng công tác đã hoàn tất trên đất của Chúa. Giờ đây, chúng ta tăng trưởng trong đời sống Cơ Đốc dựa trên công việc Chúa đang thực hiện trên trời.

Dĩ nhiên, cả người lớn đã trưởng thành toàn diện cũng không bỏ sữa. Là người tin Chúa, chúng ta có thể vẫn học được rất nhiều về công việc Chúa làm trên đất. Nhưng chúng ta không nên dừng lại tại chỗ ấy, mà phải tăng trưởng về thuộc linh và chúng ta sẽ thực hiện được nếu tìm hiểu về chức vụ tế lễ của Chúa Giê-xu Christ nơi thiên đàng vì cơ chúng ta (xem He 13:20-21 nói về điều Chúa muốn làm cho dân Ngài hôm nay).

d. *Không biết sử dụng Lời Chúa* (He 5:14). Khi tăng trưởng trong Lời Chúa, chúng ta biết cách áp dụng vào đời sống thường nhật. Khi làm vậy, chúng ta đã rèn luyện được những cảm biết thuộc linh và nâng cao sự khôn ngoan thuộc linh. Con trẻ luôn nhét vào miệng bất cứ thứ gì chúng vớ được. Cơ Đốc nhân chưa trưởng thành sẽ nghe mọi bài giảng nhưng không nhận biết mình đang sống đúng với Lời Chúa hay không.

Cũng như thân thể hữu hình của chúng ta có những giác quan mà nếu mất đi chúng ta sẽ không thể hoạt động được, vậy con người thuộc linh trong chúng ta cũng có những giác quan thuộc linh. Chẳng hạn như: “Khá nếm thử xem Đức Giê-hô-va tốt lành dường bao!” (Thi 34:8). “Nhưng phước cho mắt các ngươi, vì thấy được phước cho tai các ngươi, vì nghe được!” (Mat 13:16). Khi chúng ta sống bởi Lời Đức Chúa Trời, áp dụng lời ấy vào đời sống thì những “giác quan thuộc linh” trong chúng ta sẽ được vận động và trở nên phát triển, nhạy cảm. Phao-lô gọi tiến trình này là “tập tành sự tin kính” (ITi 4:7-8).

Khả năng phân biệt điều lành và dữ là đặc điểm quan trọng nhất trong sự trưởng thành của Cơ Đốc nhân. Ở thời Môi-se, dân Y-sơ-ra-ên không có khả năng phân biệt lành dữ nên đánh

mắt cơ nghiệp đã được hứa ban cho họ. Các tín hữu Hê-bơ-rơ cũng ở trong nguy cơ phạm sai lầm tương tự. Không thể có tình trạng “dậm chân tại chỗ” trong đời sống Cơ Đốc. Chúng ta hoặc tăng trưởng để hưởng ơn phước Chúa, hoặc sa sút để đi vơ vẩn không mục đích.

Có lần tôi nghe một vị truyền đạo nói: “Hầu hết các Cơ Đốc nhân đều là người đứng giữa hai ranh giới!”.

Tôi hỏi: “Anh muốn nói điều gì?”

Ông ta đáp: “Họ ở giữa ranh giới Ai Cập và Ca-na-an đã ra khỏi nơi nguy hiểm nhưng vẫn chưa vào được nơi yên nghỉ để hưởng cơ nghiệp. Họ đang ở giữa “thứ sáu thương khó” và “chủ nhật phục sinh”, được cứu bằng huyết nhưng vẫn chưa kinh nghiệm sự sống phục sinh.

Còn bạn có phải bạn cũng đang ở giữa hai ranh giới?

2. Lời kêu gọi tiến đến sự trưởng thành thuộc linh (He 6:1-12)

Ai cũng đều được sinh ra là một em bé vì đó là cách duy nhất để có mặt trên đời! Nhưng thật đáng tiếc nếu một em bé không tăng trưởng. Cho dù bé được ông bà, cha mẹ yêu thương, nâng niu, ẵm bồng thế nào đi nữa, những người thân vẫn mong ước bé lớn lên để hưởng một đời sống trọn vẹn ý nghĩa như kẻ thành nhon. Đức Chúa Trời cũng có một ước muốn tương tự đối với con cái Ngài. Đó là lý do Ngài kêu gọi chúng ta: “Hãy tấn tới sự trọn lành” (He 6:1).

a. *Tăng trưởng thuộc linh* (He 6:1-3). Nếu chúng ta muốn tăng trưởng, phải bỏ lại đằng sau những điều sơ học của trẻ con để tiến về phía trước trong sự phát triển thuộc linh. “Áy vậ, chúng ta phải bỏ qua các điều sơ học về Phúc Âm của Đấng Christ”. Khi vào mẫu giáo, chúng ta được cô giáo dạy cho những chữ A,B,C để có thể đọc được từ ngữ, câu văn, rồi sách báo văn chương. Nhưng bạn không chỉ học những điều sơ đẳng mà còn phải sử dụng những điều sơ đẳng ấy để biết nhiều hơn.

Đức Chúa Trời là Đấng có thể giúp chúng ta tăng trưởng khi chúng ta đầu phục Ngài, tiếp nhận Lời Ngài và làm theo. Một đứa trẻ không tự nhiên lớn lên. Nó sẽ lớn lên khi nó chịu ăn, ngủ, hoạt động. Theo luật tự nhiên, em bé dần dần phát triển, theo năm tháng trở thành người lớn. Cơ Đốc nhân nào tăng trưởng, người đó mới đúng là người ở tình trạng tự nhiên. Thật bất thường nếu một Cơ Đốc nhân ở tình trạng thuộc linh bị đứng lại!

Tác giả liệt kê 6 chân lý nền tảng của đời sống Cơ Đốc nhân cũng là những chân lý nền tảng đối với niềm tin của người Do Thái. Nói chung, niềm tin Cơ Đốc của chúng ta được xây dựng trên nền tảng niềm tin Do Thái và là sự thành toàn của niềm tin ấy. “Sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Gi 4:22). Nếu các tín hữu Hê-bơ-rơ trở lại với Do Thái giáo, để thoát khỏi sự bắt bớ, vậy họ đã từ bỏ sự trọn lành để đến với sự chưa trọn lành, sự trưởng thành bị thay thế bởi sự chưa trưởng thành.

Hai chân lý đầu tiên (ăn năn và tin nhận) đánh dấu bước khởi đầu sống thuộc linh hướng về Đức Chúa Trời. Ăn năn là thay đổi suy nghĩ mình. Đó không chỉ đơn giản là một cảm nhận “xấu hổ về tội lỗi” vì như vậy có thể là “hồi hận”. Ăn năn là thay đổi những tư tưởng về tội lỗi và từ bỏ nó. Một khi tội nhân ăn năn (đây là sự ban cho của Đức Chúa Trời, Cong 5:31 11:18), người ấy có thể đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời. Sự ăn năn và đức tin luôn đi đôi nhau (Cong 20:21).

Hai chân lý kế tiếp (phép báp-têm và phép đặt tay) có liên quan đến mối liên hệ của cá nhân với tập thể tín hữu. Trong Hội Thánh. Trong Tân Ước, người ăn năn tin nhận Đấng Christ được làm báp-têm và trở thành một tín hữu của Hội Thánh (Cong 2:41-47). Từ “báp-

têm” ở He 6:2) được dịch là “rửa sạch” ở 9:10. Nước tự nó không thể rửa sạch tội lỗi (IPhi 3:21), nhưng phép báp-têm là ảnh tượng của sự rửa sạch về thuộc linh (“Hãy chớ dấy, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp-têm và làm sạch tội lỗi mình đi” – Cong 22:16) cũng như ảnh tượng về sự đồng công của chúng ta với Đấng Christ qua sự chết, chôn và sống lại (Ro 6:1-4). “Phép đặt tay” (He 6:2) tượng trưng cho sự ban phước (Lu 24:50 Cong 19:6) hoặc biệt riêng một người trong chức vụ (ITi 4:14).

Hai chân lý sau cùng là sự sống lại (Cong 24:14-15) và sự đoán xét cuối cùng (Cong 17:30-31) có liên quan với tương lai. Người Do Thái chính thống và các Cơ Đốc nhân đều tin nơi những giáo lý này Thánh Kinh Cựu Ước có dạy về sự sống lại theo ý nghĩa chung, nhưng không rõ ràng. Thánh Kinh dạy về sự sống lại của những kẻ được cứu và sự sống lại của kẻ hư mất (Gi 5:24-29 Kh 20:4-6,12-15).

Bài học của phân đoạn Kinh Thánh này (He 6:1-3) thật rõ ràng: “Bạn đã đứng trên nền tảng vững chắc ban đầu. Vậy bây giờ hãy tiến về phía trước! Hãy để Đức Chúa Trời đưa bạn đến sự trưởng thành!”.

b. *Tiến trình này không ảnh hưởng sự cứu rỗi* (He 6:4-6). Những câu Kinh Thánh này cùng với lời khuyên ở He 10:26-39 khiến con người lo lắng và quan tâm nhiều, chủ yếu vì những câu Kinh Thánh này đã bị hiểu sai và ứng dụng sai. Tôi đã nhận một cú điện thoại đường dài của những người lo âu vì tưởng rằng (hoặc bị Sa-tan thuyết phục) mình là kẻ hư mất vô phương cứu chữa và đã phạm một tội không thể tha thứ. Tôi không muốn đưa ra một lời yên ủi sai lầm cho những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng chưa được sinh lại, cũng không muốn gây cho những Cơ Đốc nhân thật vấp ngã và đánh mất những từ nơi Chúa.

Những năm qua, có một số học giả Kinh Thánh nghĩ ra nhiều cách tiếp cận với đoạn Kinh Thánh quan trọng này. Một quan điểm cho biết tác giả muốn kêu gọi chúng ta đừng phạm tội bội đạo, cố ý nghịch lại với Chúa Giê-xu Christ và quay lại đời sống cũ. Theo họ, một con người như vậy sẽ bị hư mất đời đời, cách giải nghĩa này tạo ra nhiều vấn đề. Thứ nhất, từ Hy văn “apostasia” (bội đạo) không được dùng trong đoạn này. Động từ “vấp ngã” (He 6:6) theo Hy Lạp là “parapipto”. Thứ hai, chúng ta luôn giải nghĩa những điều khó hiểu bằng những điều rõ ràng dễ hiểu. Có nhiều câu Kinh Thánh đảm bảo với Cơ Đốc nhân thật rằng họ sẽ không thể bị hư mất. Thật vậy, một trong những lập luận mạnh mẽ nhất cho sự đảm bảo này nằm trong phần cuối của đoạn này! (6:13-20 Gi 5:24 10:26-30 Ro 8:28-39).

Những ai dạy rằng chúng ta có thể đánh mất sự cứu rỗi, cũng dạy rằng người như vậy có thể được phục hồi. Nhưng đoạn Kinh Thánh này (He 6:4-6) dạy điều ngược lại! Ở đoạn này, nếu chỉ đọc 6:6 sẽ thấy viết “nếu lại vấp ngã thì không thể khiến họ lại ăn năn nữa”. Nói cách khác, nếu câu này chỉ về sự bội đạo, vậy một khi người được cứu chối bỏ Đấng Christ, người ấy không thể được cứu. Người ấy sẽ hư mất đời đời.

Một số khác cho rằng những người được nói đến ở đây không phải là tín đồ thật. Họ được dự phần trong Đức Thánh Linh nhưng không thật sự được tái sinh. Vậy chúng ta hãy chú ý cách mô tả những người này để biết họ có sự cứu rỗi thật hay không.

Họ “đã được soi sáng” (He 6:4). “Một lần” nghĩa là “được soi sáng một lần đủ cả”. Từ “soi sáng” cũng được dùng ở He 10:32 chỉ về kinh nghiệm của sự cứu rỗi thật (ICo 4:4-6).

Họ “đã ném sự ban cho từ trên trời” (He 6:4b) và “ném đạo lành Đức Chúa Trời và quyền phép của đời sau” (6:5). Nếu tuyên bố rằng những người này “ném chớ không ăn” nghĩa là đã giải thích dựa trên một nghĩa từ mà thôi Đức Chúa Trời cho phép Con Ngài “vì mọi người ném sự chết” (2:9). Chắc hẳn Chúa Giê-xu Christ không đơn giản chỉ chết mẫu trên thập tự! Từ “ném” mang ý nghĩa về sự từng trải”. Những tín hữu Hê-bơ-rơ này đã kinh nghiệm ơn

cứu rỗi, Lời Đức Chúa Trời và quyền năng Ngài. Những điều này không mô tả sự cứu rỗi thật đó sao?

Họ là những người được “dự phần về Đức Thánh Linh” (6:4c). Nếu cho rằng họ chỉ dự phần với Đức Thánh Linh ở một mức độ nào đó, vậy chúng ta đã bỏ qua ý nghĩa cơ bản của từ này. “Dự phần” là trở nên “người được hưởng phần”. Họ không chỉ là những người “dự phần về Đức Thánh Linh” mà còn là những người “dự phần ơn trên trời gọi” (3:1) và “dự phần với Đấng Christ” (3:14).

Với quan điểm này tôi kết luận rằng những người được nói đến đều là Cơ Đốc nhân thật chứ không chỉ là người xưng nhận bằng môi miệng. Hơn nữa, người không được cứu làm sao có thể ghét bỏ Chúa Giê-xu Christ và đặt trên Ngài sự “sỉ nhục tở tường”?

Một quan điểm thứ 3 cho rằng tội lỗi này (hay bất cứ tội nào) có thể chỉ là tội lỗi của các tín hữu Hê-bơ-rơ vào thế kỷ thứ nhất, khi những lễ nghi đền thờ vẫn đang tiếp diễn. Nếu vậy, tại sao tác giả tiếp nối lời khuyên với chức tế lễ trên trời của Đấng Christ và tầm quan trọng của sự tăng trưởng thuộc linh? Nếu những điều tác giả viết không xảy ra trong thời đại hôm nay, vậy ông đưa ra lời khuyên với động cơ gì? Theo tôi, thật vô nghĩa nếu chúng ta giới hạn những câu Kinh Thánh này đối với các tín hữu Do Thái ở thế kỷ đầu tiên!

Vậy tác giả thư tín muốn nói điều gì với chúng ta? Có thể rằng ông muốn mô tả một tình trạng có tính giả thuyết để chứng minh quan điểm một Cơ Đốc nhân thật không thể đánh mất sự cứu rỗi. Lời ông nói ở 6:9 dường như hỗ trợ cho cách giải nghĩa này: “Hỡi những kẻ rất yêu dấu chúng ta nói vậy vẫn còn đương trông đợi những việc tốt hơn từ nơi anh em, là những việc đưa đến sự cứu rỗi”. Lý lẽ của tác giả có thể được hiểu như sau: “Giả sử anh em không đạt đến sự tăng trưởng, không lẽ có nghĩa là anh em sẽ bị kết án và mất sự cứu rỗi mình có? Không thể như vậy! Nếu anh em đánh mất sự cứu rỗi thì không thể lấy lại được và đây là điều sỉ nhục cho Chúa Giê-xu Christ. Ngài sẽ phải bị đóng đinh lần nữa vì có anh em. Điều này không thể xảy ra”.

Ở He 6:1, tác giả thay đổi đại danh từ “chúng ta” thành “những kẻ”. Sự thay đổi này chứng tỏ ông đang nghĩ đến một giả thuyết.

Tuy nhiên, cũng có một cách giải nghĩa khác không cần giả thuyết. Bạn cần chú ý từ “đóng đinh” và “làm cho” ở He 6:6 theo nguyên văn tiếng Hy Lạp ở thời hiện tại “vì họ (đang) đóng đinh Con Đức Chúa Trời... (đang) làm cho Ngài sỉ nhục tở tường”. Tác giả không nói rằng những người này không thể ăn năn nhưng ông nói rằng họ không thể ăn năn khi đang đối xử với Chúa Giê-xu Christ một cách sỉ nhục như thế. Một khi họ thôi không làm cho Chúa bị sỉ nhục theo cách ấy, họ có thể ăn năn và lập lại mối giao thông với Đức Chúa Trời.

Bằng cách nào đi nữa, bạn cần nhớ mục đích của tác giả không phải nhằm “hù dọa” người đọc, nhưng nhằm làm cho họ vững lòng. Nếu ông hù dọa, có lẽ ông đã kể ra bất cứ tội lỗi nào khiến Chúa bị sỉ nhục, nhưng ông đã không làm vậy. Thật ra, ông tránh dùng từ “bội đạo” nhưng thay vào từ “vấp ngã” (xem Ga 6:1 để có được từ tương tự).

Cơ Đốc nhân có thể phạm “tội đến nỗi chết” (IGi 5:16-17 ICo 11:30-32). Đây là sự sửa phạt của Chúa, một chủ đề sẽ được tác giả nói đến ở He 12:1-29.

c. *Tiến trình này đem lại kết quả* (He 6:7-10). Hình ảnh “đám đất” nhắc chúng ta nhớ đến ví dụ của Chúa Giê-xu Christ về người gieo giống (Mat 13:1-9,18-23) cũng như lời dạy dỗ của Phao-lô về lửa thử công việc chúng ta (ICo 3:6-23). Đất bày tỏ giá trị của nó qua mùa màng, và Cơ Đốc nhân thật khi tăng trưởng thuộc linh sẽ kết quả cho vinh hiển Đức Chúa Trời “Cỏ rạ, gai gộc” sẽ bị đốt cháy chứ không phải “mảnh đất”. Đức Chúa Trời không bao giờ rửa sạch những kẻ thuộc về Ngài!

Mùa “phước lành của Đức Chúa Trời” là hình ảnh ở He 6:7 gọi là “những điều cặp theo sự cứu rỗi” trong He 6:9. Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều kết quả như nhau (“một hột ra 100, hột khác 60, hột khác 30” – Mat 13:23) nhưng mọi Cơ Đốc nhân đều sinh một loại quả giống nhau, chứng minh họ đều là con cái Đức Chúa Trời (Mat 7:15-20). Đây là “trái” nhân cách và đạo đức của Cơ Đốc nhân (Ga 5:22-26) được Đức Thánh Linh sản sinh ra khi chúng ta tăng trưởng trong Đấng Christ.

Tác giả kể ra một số “trái” ông nhìn thấy trong đời sống của các tín hữu (He 6:10) bởi tình yêu thương họ đã làm việc, chịu khó nhọc vì danh Chúa, vì các thánh đồ khác (ITe 1:3-10 Kh 2:2). Đây là “những việc cặp theo sự cứu rỗi”.

Tuy nhiên, tác giả vẫn quan tâm để không ngủ yên trên những thành quả của các tín hữu rồi quên nhấn mạnh về sự trưởng thành mọi mặt cũng như ơn phước được hưởng cơ nghiệp giàu có nơi Đức Chúa Trời.

d. *Tiến trình này đòi hỏi một lòng sốt sắng* (He 6:11-12). Đúng là Đức Chúa Trời sẽ đem chúng ta đến sự trọn lành (He 6:1,3), nhưng chính chúng ta phải dự phần mình. Chúng ta không nên lười biếng (5:11) nhưng hãy bước vào nguồn phước thuộc linh Đức Chúa Trời đã ban cho. Chúng ta có lời hứa của Đức Chúa Trời, nên phải đặt niềm tin, sự trông cậy và gìn giữ những lời hứa ấy cho mình! Như Ca-lép và Giô-suê, chúng ta phải tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời để hưởng cơ nghiệp mình. Hình ảnh minh họa về “đám đất” ở He 6:7-8) và lời khuyên về sự sống luôn khiến tôi nhớ đến lời khuyên cáo của Sa-lô-môn ở Ch 24:30-34. Hãy đọc và chú ý!

3. Nền tảng của sự yên ủi thuộc linh (He 6:13-20).

Để mọi người không hiểu sai lời khuyên về sự tăng trưởng thuộc linh, tác giả kết thúc phân đoạn này bằng một lập luận chân lý kỳ diệu về sự đảm bảo của sự cứu rỗi. Là Cơ Đốc nhân chúng ta đều chưa có sự tăng trưởng thuộc linh đúng mức, nhưng cũng không nên lo sợ Đức Chúa Trời sẽ kết án mình. Tác giả nêu lên 3 lập luận về sự cứu rỗi chắc chắn dành cho những Cơ Đốc nhân thật:

a. *Lời hứa của Đức Chúa Trời* (He 6:13-15). Lời hứa quan trọng của Đức Chúa Trời đối với Áp-ra-ham được chép trong sách Sa 22:16-17. Dù Áp-ra-ham có những thất bại lỗi lầm, Đức Chúa Trời vẫn giữ lời hứa Ngài và Y-sác đã được sinh ra. Có rất nhiều lời hứa Đức Chúa Trời không phụ thuộc vào bản chất chúng ta, nhưng dựa trên sự thành tín của Ngài. Nhóm từ “nhịn nhục chờ đợi” (He 6:15) hoàn toàn trái nghĩa với “trễ nải” (6:12). Các độc giả của thư tín là những tín hữu sắp sửa ngã lòng và mất kiên nhẫn nhịn nhục trong hoạn nạn (12:1-2). Tác giả muốn nói: “Anh em sẽ hưởng nhiều điều Đức Chúa Trời hứa ban nếu kiên trì phát triển đời sống thuộc linh mình”.

Hôm nay, Cơ Đốc nhân chúng ta còn có nhiều lời hứa của Đức Chúa Trời hơn những gì Áp-ra-ham có khi xưa! Điều gì đang cản trở chúng ta tăng trưởng thuộc linh? Đó là do chúng ta không sống bởi đức tin. Trở lại với hình ảnh đồng áng, người làm ruộng sẽ không thu hoạch được gì nếu chỉ ngồi trước cửa nhà nhìn hạt giống. Người ấy phải bận rộn với việc gieo trồng, cày xới, tía sửa, nhổ cỏ, tưới tiêu,... Cơ Đốc nhân nào không quan tâm đến việc sinh hoạt trong Hội Thánh xao lãng việc học Lời Chúa, không có thói quen cầu nguyện hẳn sẽ không thể thu hoạch được vụ mùa lớn.

b. *Lời thề của Đức Chúa Trời* (He 6:16-18). Đức Chúa Trời không chỉ ban lời hứa cho Áp-ra-ham, Ngài còn xác định lời hứa Ngài bằng lời thề khi một nhân chứng thề trước toà, người ấy thường nói “xin Chúa chứng cho tôi”. Người ấy đã nhờ một Đấng làm chứng cao

trọng hơn. Không ai lớn hơn Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời phải lấy chính danh Ngài mà thề!

Đức Chúa Trời không chỉ làm điều này cho riêng Áp-ra-ham. Ngài ban lời hứa và lời thề cho “những kẻ hưởng lời hứa” (He 6:17). Áp-ra-ham và con cháu ông là những người đầu tiên kể tự lời hứa của Đức Chúa Trời (He 11:9), nhưng mọi Cơ Đốc nhân đều thuộc dòng dõi Áp-ra-ham (về thuộc linh) (Ga 3:29). Vì vậy sự cứu rỗi chắc chắn được đảm bởi lời hứa và lời thề của Đức Chúa Trời, là “hai điều chẳng thay đổi” (He 6:18) có liên hệ đến “sự hy vọng đã đặt trước mặt chúng ta”! Thư tín Hê-bơ-rơ đúng là sách của sự yên ủi chớ không phải sự nản lòng.

Nhóm từ “trốn đến nơi ẩn náu” (He 6:18) nói về những thành đê ẩn náu ở thời Cựu Ước, được mô tả trong sách Dan 35:9-11 Gios 20:1-9 Đức Chúa Trời chỉ định 6 thành mỗi bên bờ sông Giô-đanh có ba thành để kẻ sát nhân bất ý giết ai có thể ẩn náu. Các trưởng lão trong thành phải xem xét tình hình. Nếu kẻ sát nhân không cố ý giết người sẽ được sống trong thành ẩn náu cho đến khi thầy tế lễ đương chức qua đời, và phạm nhân có thể trở về nhà mình. Thân nhân của người bị hại không thể trả thù khi phạm nhân ẩn náu trong thành.

Chúng ta là những kẻ ẩn náu nơi Chúa Giê-xu Christ, Ngài là nơi ẩn náu đời đời của chúng ta. Là Thầy tế lễ Thượng phẩm của chúng ta, Ngài sẽ tồn tại đời đời (He 7:23-25) nên chúng ta có sự cứu rỗi đời đời. Không một kẻ báo thù nào có thể đụng đến chúng ta, vì Chúa là Đấng đã chết và sống lại.

c. *Con Đức Chúa Trời* (He 6:19-20). Sự trông cậy của chúng ta nơi Đấng Christ cũng giống như cái neo của linh hồn. “cái neo” là một biểu tượng phổ biến trong Hội Thánh ban đầu. Có ít nhất 66 hình ảnh về cái neo được phát hiện trong cái hầm mộ. Triết gia phái Khắc kỷ người Hy Lạp tên Epictetus nói rằng “Con người không nên cột thuyền vào một cái neo đơn độc, cũng không nên neo đời mình nơi một hy vọng duy nhất nào đó!” Cơ Đốc nhân chỉ có một sự trông cậy – là Chúa Giê-xu Christ hy vọng của chúng ta (Co 1:5 ITi 1:1).

Dù thế nào đi nữa, chiếc neo thuộc linh vẫn khác hẳn với những chiếc neo hữu hình trên các con thuyền. Trước hết, chúng ta được neo về phía trên vào nơi thiên đàng chớ không phải ở phía dưới. Chúng ta được neo không phải để đứng một chỗ, nhưng để đi tới! Neo của chúng ta rất “bền chặt” nên không thể bị đứt, rất “vững vàng” nên không thể bị trôi dạt”. Không một cái neo nào trên thế gian có thể giữ được tính an toàn như vậy!

Tác giả xác định dứt khoát một lý lẽ: Đấng Christ chúng ta là “Đấng đi trước” đến thiên đàng để chúng ta có thể đến với Ngài (He 6:20). Các thầy tế lễ thời Cựu Ước không phải là “Đấng đi trước” vì không ai có thể thay họ vào nơi chí thánh. Thế nhưng Chúa Giê-xu Christ đã đến thiên đàng để một ngày nào đó chúng ta cũng có thể đến với Ngài ở nơi ấy.

Tiến sĩ H.A.Ironside nhận định rằng hai nhóm từ “thầu vào phía trong màn” (He 6:19) và “ra ngoài trại quân” (13:13) đã tóm tắt ý nghĩa của thư tín Hê-bơ-rơ. Chúa Giê-xu Christ đã “vào phía trong màn” với cương vị Thầy tế lễ Thượng phẩm của chúng ta. Đó là lý do chúng ta có thể dạn dĩ đến trước ngôi Ngài để nhận ơn có cần. Tuy nhiên, chúng ta đừng như những “thánh đồ ẩn dật”, mà phải dẫn sàng đồng công với Chúa trong sự sỉ nhục Ngài đã chịu và hãy “ra ngoài trại quân, đứng đi tới cùng Ngài, đồng chịu điều sỉ nhục” (13:13). Các tín hữu Hê-bơ-rơ tìm cách tránh né để thoát khỏi sự sỉ nhục ấy. Nhưng nếu chúng ta sống “phía trong màn”, chúng ta sẽ không khó khăn gì khi “ra ngoài trại quân”.

Dù bạn hưởng ứng với lời khuyên trong phân đoạn Kinh Thánh này theo hình thức nào chăng nữa, hãy nắm vững bài học chính yếu đó là: Cơ Đốc nhân phải tận tụy sự trọn lành và Đức Chúa Trời giúp chúng ta làm được điều đó. Nếu khởi đầu từ chỗ trôi dạt khỏi Lời Chúa

(2:1-4), chúng ta sẽ nghi ngờ Lời Ngài (3:7-4:13), dần dần sẽ trở nên lười biếng trong việc học Lời Chúa (5:11-6:20) và trở thành những Cơ Đốc nhân biếng nhác. Cách hữu hiệu nhất để không bị “trôi dạt” là hãy giữ lấy “cái neo” của linh hồn mình!

Hãy neo về phía Thiên đàng! Bạn sẽ được an toàn biết bao!

6. MỘT MÊN-CHI-XÊ-ĐÉC BÍ ẨN (He 7:1-28)

Mấy năm trước kể từ khi tôi được một nhân viên thư viện giới thiệu về những câu chuyện Sherlock Holmes, tôi trở thành độc giả chuyện trinh thám giả tưởng. Tôi biết được một điều: đừng bao giờ nhìn lướt qua bất cứ nhân vật nào trong truyện, dù là những nhân vật phụ, không mấy quan trọng. Người này, hoặc người kia có thể là tội phạm.

Nếu có ai yêu cầu bạn kể tên những nhân vật quan trọng nhất trong Kinh Thánh Cựu Ước, tôi chắc rằng bạn sẽ kể đến tên Mên-chi-xê-đéc trong danh mục liệt kê của mình. Mên-chi-xê-đéc xuất hiện một lần ở sách Sa 14:17-24 và một lần nữa ở Thi 110:4. Có thể bạn hầu như không liệt tên này vào đầu bảng. Thế nhưng, Đức Thánh Linh khi quay về với Kinh Thánh Cựu Ước đã chọn hai đoạn trên để bày tỏ một chân lý quan trọng nhất: Chức tế lễ của Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn của A-rôn vì “ban Mên-chi-xê-đéc” cao trọng hơn ban Lê-vi.

Đoạn 7 của thư tín Hê-bơ-rơ giới thiệu về chức tế lễ cao trọng của Đấng Christ (He 7:1-10:39 như đã trình bày ở phần đại cương thư tín. Ở đoạn 7, tác giả giải thích rằng chức tế lễ của Đấng Christ giống như chức tế lễ của Vua Mên-chi-xê-đéc, là chức cao trọng trong dòng dõi cao trọng. Ở đoạn 8, tập trung vào giao ước cao trọng của Đấng Christ. Ở đoạn 9 nói về một nơi thánh cao trọng và đoạn 10 kết thúc chủ đề chức tế lễ cao trọng của Đấng Christ bằng luận điểm về của lễ cao trọng của Ngài.

Dân tộc Do Thái đều biết rõ về chức tế lễ của dòng Lê-vi. Đây là chi phái được Đức Chúa Trời chọn lựa để hầu việc trong đền thờ (Xu 29:1-46 Dan 18:1-32). A-rôn được Đức Chúa Trời lập làm thầy tế lễ thượng phẩm. Dù đã phạm nhiều lỗi lầm, các thầy tế lễ vẫn được hầu việc Đức Chúa Trời bao thế kỷ qua. Nhưng giờ đây tác giả thư tín xác định chức tế lễ của họ đã chấm dứt! Để bảo vệ luận điểm này, và để chứng minh ban Mên-chi-xê-đéc là ban cao trọng, tác giả trình bày 3 luận chứng (Xem phần giải nghĩa của He 7:1-28)

1. Luận chứng lịch sử - Mên-chi-xê-đéc và Áp-ra-ham (He 7:1-10)

Câu chuyện về Mên-chi-xê-đéc và Áp-ra-ham được chép trong Sa 14:17-24 vậy bạn hãy dành thời gian đọc qua. Tác giả thư tín muốn chúng ta chú ý đến nhiều đặc điểm về con người bí ẩn này: Mên-chi-xê-đéc.

a. *Người vừa là vua, vừa là thầy tế lễ* (He 7:1). Như chúng ta đã biết vào thời Cựu Ước, ngôi vua và đền thờ được phân biệt rõ ràng. Những ai muốn xâm phạm vào chức tế lễ, đều bị Đức Chúa Trời hành phạt. Nhưng Mên-chi-xê-đéc được kiêm cả hai chức vụ: làm vua và làm thầy tế lễ! A-rôn chưa từng hưởng đặc quyền như thế. Cần để ý rằng Mên-chi-xê-đéc không phải là thầy tế lễ giả hiệu: ông là “thầy tế lễ của Đức Chúa Trời chí cao” (Sa 14:18,22). Chức vụ của ông mang tính hợp pháp.

b. *Tên của Mên-chi-xê-đéc là tên có ý nghĩa* (He 7:2). Trong Kinh Thánh, tên gọi và ý nghĩa của nó rất quan trọng. Thời nay, chúng ta đặt tên cho con cái mình đôi lúc không hề để tâm đến ý nghĩa của tên chúng, nhưng vào thời Cựu Ước thì khác hẳn. Đôi lúc một cuộc khủng hoảng lớn về thuộc linh là một dịp để thay đổi tên (Sa 32:24-32 Gi 1:35-42). Tên Mên-chi-xê-đéc nghĩa là “vua sự công bình” theo ngôn ngữ Hê-bơ-rơ. “Sa-lem” nghĩa là “bình an” vì vậy Mên-chi-xê-đéc là “vua bình an” cũng như “vua Công bình”.

Trong Kinh Thánh, “Công bình” và “bình an” thường đi với nhau. “Công bình sẽ sanh ra bình an, trái của sự công bình sẽ là yên lặng và an ổn mãi mãi” (Es 32:17). “Sự thương xót và sự chân thật đã gặp nhau sự công bình và sự bình an đã hôn nhau” (Thi 85:10). “Trong ngày vua ấy, người công bình sẽ hưng thịnh, cũng sẽ có bình an dư dật cho đến chừng mặt trăng không còn” (Thi 72:7). “Nhưng sự khôn ngoan từ trên mà xuống, thì trước hết là thanh sạch,... bông trái của điều công bình thì gieo trong sự hoà bình, cho những kẻ nào làm sự hoà bình vậy” (Gia 3:17-18). Dĩ nhiên, mục đích Đức Chúa Trời dành cho dân Ngài là họ “sanh bông trái công bình và bình an” (He 12:10-11).

Sự bình an thật chỉ có được trên nền tảng của sự công bình. Nếu muốn hưởng sự bình an của Đức Chúa Trời, chúng ta phải được “xung công bình bởi đức tin” (Ro 5:1). Con người không thể làm nên sự công bình bằng cách tuân giữ luật pháp thời Cựu Ước (Ga 2:21). Chính bởi công tác của Chúa Giê-xu Christ trên thập tự giá đã khiến sự công bình và sự bình an “hôn nhau”.

c. *Vua Mên-chi-xê-đéc nhận phần mười của Áp-ra-ham* (He 7:2a). Sự kiện quan trọng này được giải thích ở He 7:4-10. Theo luật Do Thái, dân sự phải dâng cho Đức Chúa Trời 1/10 huê lợi từ mùa màng, gia súc, bầy chiên (Le 27:30-32). Mọi phần mười được nộp cho dòng Lê-vi (Dan 18:21) tại hội mạc hoặc đền thờ (Phu 12:5). Nếu đường đi quá xa xôi không thể chuyên chở thổ sản hay súc vật được, vậy phần mười đó có thể đổi thành tiền mặt (Phu 14:22-27).

Tuy nhiên, việc nộp phần 10 không khởi phát từ Môi-se. Áp-ra-ham đã thực hiện việc dâng phần 10 này rất lâu trước khi luật pháp được ban ra. Thật ra, các nhà khảo cổ học khám phá rằng những dân tộc khác cũng dâng phần 10 vào thời đó, như vậy đây là một thông lệ có từ trước.

d. *Gia phả của Mên-chi-xê-đéc rất đặc biệt* (He 7:3). Là con người nên Mên-chi-xê-đéc hẳn phải có cha mẹ (7:4). Nhưng Kinh Thánh Cựu Ước không ghi lại gia phả của ông. Sự kiện này rất có ý nghĩa, vì hầu hết những nhân vật nổi tiếng trong Kinh Thánh đều có dòng dõi tổ tiên rõ ràng. Các thầy tế lễ phải chứng minh được gia phả mình mới có thể thi hành chức vụ (Exo 2:61-63 Ne 7:63-65). Ở đây tác giả thư tín Hê-bơ-rơ sử dụng một luận chứng từ sự yên lặng, nhưng là một luận chứng có căn cứ.

Mên-chi-xê-đéc không phải là một thiên sứ hay một siêu nhân, cũng không phải là sự xuất hiện của Chúa Giê-xu Christ trong thời Cựu Ước. Ông là một con người thật một vị vua thật, một thầy tế lễ thật trong một thành phố có thật. Theo Kinh Thánh ghi lại, ông không có ngày sanh, cũng không có ngày qua đời. Với ý nghĩa đó, ông là hình ảnh của Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời hằng hữu. Dù Chúa Giê-xu Christ thật đã chết, nhưng đời Gô-gô-tha không phải là nơi kết thúc cuộc đời Ngài, vì Ngài đã phục sinh từ cõi chết và hôm nay Ngài đang sống trong “sự sống chẳng hay hư hay hết” (sự sống bất tận) (He 7:16). Do Kinh Thánh không ghi lại sự chết của Mên-chi-xê-đéc, nên ông dường như vẫn đang thi hành chức vụ của vua và thầy tế lễ. Với ý nghĩa này, Mên-chi-xê-đéc giống với Con Đức Chúa Trời hằng hữu.

Thực tế cho thấy: A-rôn hay bất cứ hậu tự nào của người không thể xưng mình là người “không gia phả” (He 7:3). Họ cũng không thể giữ chức vụ đời đời, và họ không thể vừa là vua vừa là thầy tế lễ như Chúa Giê-xu Christ.

e. *Mên-chi-xê-đéc có quyền nhận phần 10 và chúc phước cho Áp-ra-ham* (7:4-10). Sự cao trọng của vua Mên-chi-xê-đéc được thể hiện qua sự kiện Áp-ra-ham dâng cho vua 1/10 tài vật chiếm được sau khi thắng trận. Áp-ra-ham biết quyền hạn của Mên-chi-xê-đéc. Hơn nữa, Mên-chi-xê-đéc đã chúc phước cho Áp-ra-ham một cách đặc biệt, “người bậc cao chúc

phước cho kẻ bậc thấp” (7:7). Khi dâng cho Mên-chi-xê-đéc phần 10 và được chúc phước, Áp-ra-ham đã công nhận sự cao trọng của vị tế lễ ngự ngôi vua này.

Điều này có liên hệ gì với A-rôn? Nói theo cách dí dỏm, A-rôn và dòng Lê-vi thời bấy giờ chưa sinh ra, vẫn còn trong lòng Áp-ra-ham! Vì vậy khi Áp-ra-ham là tổ phụ họ nhận biết sự cao trọng của Mên-chi-xê-đéc, thì dòng Lê-vi cũng có liên quan. Dân Do Thái rất tin nơi sự đoàn kết chủng tộc và đây là một điển hình. Việc dâng phần 10 không chỉ được thánh tổ Áp-ra-ham thực hiện mà còn được tiếp nối bởi dòng dõi chưa sinh ra của ông.

Chúa Giê-xu Christ đến từ dòng dõi Áp-ra-ham (He 2:16), vậy phải chăng điều này có nghĩa là Ngài cũng từng ở “trong lòng” Áp-ra-ham? Không phải vậy, vì Ngài là Con Đức Chúa Trời hằng hữu. Ngài thuộc dòng Áp-ra-ham khi “còn trong xác thịt” (5:7). Chúa Giê-xu Christ đã hiện hữu trước khi có Áp-ra-ham (Gi 8:58), nên Ngài không thể ở trong lòng Áp-ra-ham như A-rôn và cả nhà người.

2. Luận chứng về giáo lý: Đấng Christ và A-rôn (He 7:11-25)

Ở phân đoạn này, tác giả đi một bước sâu hơn vào luận điểm mình. Mên-chi-xê-đéc không chỉ cao trọng hơn A-rôn, mà còn thay thế cho chức vụ A-rôn! Đã không còn tồn tại “dòng A-rôn” hay “dòng Lê-vi”. Chỉ có “ban Mên-chi-xê-đéc” tồn tại đời đời. Vì sao Đức Chúa Trời tác động đến sự thay đổi triệt để như vậy?

a. *Vì có chức tế lễ và luật pháp chưa trọn vẹn* (He 7:11-14). Chữ “trọn vẹn” hay “trọn lành” là từ có ý nghĩa quan trọng trong thư tín này (He 2:10 5:9 6:1 7:11,19 9:9 10:1,14), có thể hiểu là “được hoàn tất, được làm trọn”. Thầy tế lễ thời Cựu Ước không thể cậy chức vụ để làm trọn công việc của Đức Chúa Trời trong lòng người tin thờ Ngài “Bởi chưng luật pháp không làm trọn chi hết (7:19). Của sinh tế không thể khiến con người được trọn lành trước mặt Đức Chúa Trời (10:1-3). Nhưng nghi thức của thánh luật Môi-se không thể tồn tại lâu dài. Luật pháp được “đặt thêm” như “thầy giáo” dọn đường cho sự đến của Đấng Christ (Ga 3:19-4:7).

Vì các thầy tế lễ nhận quyền hạn từ luật pháp Cựu Ước (He 7:28) và vì chức tế lễ đã thay đổi, nên luật pháp cũng thay đổi. Tổng thống Hoa-kỳ không thể xưng mình là vua Hoa-kỳ vì quốc gia này không có luật lập “vua”.

Luật Môi-se không lập chức tế lễ từ dòng Giu-đa (He 7:14). Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta đến từ chi phái Giu-đa theo gia phả Ngài trên đất, vậy hẳn phải có sự thay đổi trong luật Môi-se! Mọi hình thức luật pháp Cựu Ước đã được làm trọn trong Chúa Giê-xu Christ và đã được “truất bỏ”! (Co 2:13-14). Cơ Đốc nhân được buông tha khỏi luật pháp (Ga 5:1-6) và đã “chết về luật pháp” (Ro 7:1-4)

Sự đổi thay này không có nghĩa là Cơ Đốc nhân có quyền sống vô luật pháp. “Được buông tha khỏi luật pháp” không mang ý nghĩa như “được tự do phạm tội”. Trái lại, điều đó nghĩa là chúng ta được tự do làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Chúng ta vâng lời không phải vì sự thúc ép bên ngoài nhưng vì lòng thôi thúc bên trong (II Co 5:14 Eph 6:6). Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong lòng có thể giúp chúng ta làm trọn sự công bình do luật pháp đòi hỏi khi chúng ta chịu đầu phục Ngài (Ro 8:1-4).

b. *Vì chức tế lễ và luật pháp chưa trọn vẹn nên không thể tồn tại lâu dài* (He 7:15-19). Chữ “khác” ở 7:15 nghĩa là “mang tính chất khác” Những thầy tế lễ dòng Lê-vi được lập lên bởi quyền hạn của luật pháp chưa trọn vẹn và có giá trị tạm thời. Chúa Giê-xu Christ được lập làm thầy tế lễ bởi lời phán của Đức Chúa Trời. Bởi luật pháp vốn “không quyền không ích” (7:18) nên không thể tồn tại mãi mãi. Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời hằng

hữu, Ngài sống bởi “quyền năng của sự sống chẳng hay hư hay hết” (7:16). Luật pháp vô ích và sự sống vô tận thật khác xa nhau hoàn toàn!

Bởi có Chúa Giê-xu Christ là Thầy tế lễ đời đời và vì Ngài có bản chất phù hợp với chức tế lễ đời đời đó, Ngài chẳng bao giờ bị thế chỗ. Luật pháp bị huỷ bỏ (7:18) cũng đồng nghĩa với chức tế lễ bị huỷ bỏ, nhưng không ai có thể huỷ bỏ quyền năng của sự sống đời đời! Tóm lại, Chúa Giê-xu Christ là Thầy tế lễ đời đời!

Tác giả luôn nhớ rằng các tín hữu Hê-bơ-rơ có xu hướng trở lại với những nghi thức đền thờ cũ. Đây là lý do ông nhắc họ (7:19) rằng Chúa Giê-xu Christ đã làm trọn những điều luật pháp chẳng bao giờ thực hiện nổi Ngài đã đem đến cho chúng ta một hy vọng tốt hơn và giúp chúng ta đến gần Đức Chúa Trời. Sự hy vọng duy nhất của Do Thái giáo là sự đến của Đấng Christ và các tín hữu Hê-bơ-rơ đã hưởng được phước hạnh này.

c. *Vì lời thề Đức Chúa Trời không thể bị phá vỡ* (He 7:20-22). Không một thầy tế lễ nào thuộc dòng A-rôn được lập lên bởi lời thề của Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ dòng A-rôn hầu việc “theo luật lệ của điều răn xác thịt” (7:16). Không ai có thể kiểm tra được tình trạng thuộc linh hay đạo đức của họ. Theo luật lệ, thầy tế lễ phải thuộc dòng tế lễ, nhưng phải đáp ứng mọi yêu cầu về thân thể và các hình thức lễ nghi (Le 21:16-24).

Chức tế lễ thượng phẩm trên trời của Chúa Giê-xu Christ được lập lên trên nền tảng công tác Ngài trên thập tự giá, bản tính Ngài và lời thề của Đức Chúa Trời (He 2:10 5:5-10). “Người là thầy tế lễ đời đời tùy theo ban Mên-chi-xê-đéc” (Thi 110:4 He 7:21). Bạn hãy để ý đến câu mở đầu của lời thề này “Đức Giê-hô-va đã thề, không hề đổi ý, rằng...” Đây là lời thề được phán ra và không thể bị thay đổi.

Lời thề này khiến cho chức tế lễ của Chúa chúng ta đạt đến mức cao hơn về sự trường tồn và tính bảo đảm. Ngài đã trở nên “Đấng bảo lãnh cho một giao ước rất tôn trọng hơn cái trước” (He 7:22). Từ “Đấng bảo lãnh nghĩa là “Đấng chịu trách nhiệm thực hiện mọi điều khoản của giao ước”. Giu-đa muốn làm người bảo lãnh trước mặt cha để em ông là Bên-gia-min sẽ trở về nhà bình an (Sa 43:1-14). Phao-lô cũng muốn bảo lãnh cho Ô-nê-sim (Phil 1:18-19). Hôm nay, cũng có những người bỏ tiền ra để bảo lãnh cho những bị cáo được tại ngoại bảo đảm rằng bị cáo sẽ ra hầu toà để chịu xét xử.

Là Đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người (ITi 2:5) Chúa Giê-xu Christ cũng là Đấng bảo lãnh cao trọng của Đức Chúa Trời. Đấng Christ của chúng ta là Đấng phục sinh và hằng sống bảo đảm rằng mọi điều khoản trong giao ước Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện trọn vẹn. Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi dân Ngài. Chúa không chỉ đảm bảo với chúng ta rằng Đức Chúa Trời sẽ làm trọn lời hứa Ngài, là Đấng đại diện cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời, Ngài thay chúng ta thoả đáp trọn vẹn mọi điều khoản của giao ước. Bản thân chúng ta chẳng bao giờ làm được những điều khoản ấy, nhưng nhờ tin cậy Chúa, chúng ta được Ngài cứu rỗi và bảo đảm rằng Ngài sẽ luôn gìn giữ bảo vệ chúng ta.

Ở đoạn He 7:2 chúng ta thấy một từ Hê-bơ-rơ đầy ынghĩa: “giao ước” được sử dụng nhiều lần trong thư tín. Chúng ta sẽ nghiên cứu từ này chi tiết hơn ở 8:1-13.

Tác giả đã nêu 3 lý do Đức Chúa Trời thay đổi dòng tế lễ từ A-rôn sang Mên-chi-xê-đéc: 1. Chức tế lễ và luật pháp chưa trọn vẹn. 2. Vì chưa trọn vẹn, nên chức tế lễ và luật pháp không thể tồn tại lâu dài 3. Đức Chúa Trời dùng lời thề Ngài phán rằng dòng tế lễ mới sẽ được lập lên. Đến đây tác giả kết thúc phân đoạn này với một lý do thứ 4:

d. *Vì là con người các thầy tế lễ đều chết* (He 7:23-25). Chức tế lễ không những chưa trọn vẹn mà còn bị sự chết ngăn trở. Đã có rất nhiều thầy tế lễ thượng phẩm được lập lên, vì không thầy tế lễ nào trường thọ cả. Thế nhưng Hội Thánh Đức Chúa Trời có một Thầy tế lễ

Thượng phẩm, là Chúa Giê-xu Christ. Con Đức Chúa Trời, Đấng sống đời đời! Thầy tế lễ không thay đổi cũng đồng nghĩa với chức tế lễ không thay đổi, đây là sự đảm bảo và tin tưởng của con cái Đức Chúa Trời “Đức Chúa Giê-xu Christ hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi” (13:8). “Con làm thầy tế lễ đến đời đời” (Thi 110:4).

Chúng ta đôi lúc cũng từng biết những mẩu chuyện trên báo nói về sự thực hiện thư cách phi pháp. Có lẽ một người họ hàng vô lương tâm, hay một đối tác kinh doanh tìm cách chiếm đoạt chúc thư và dùng nó cho mục đích vị kỷ của bản thân. Nhưng điều không bao giờ có thể xảy ra co chúc thư cuối cùng của Chúa chúng ta và giao ước trong huyết Ngài. Ngài viết chúc thư và chịu chết để làm trọn chúc thư ấy. Ngài đã sống lại từ cõi chết, thăng thiên và ở đó Ngài xác thực chúc thư của chính Ngài?

Đấng Christ chẳng hề thay đổi khi thi hành chức tế lễ thượng phẩm, vậy đương nhiên chức tế lễ cũng không thay đổi (He 7:24). Theo tiếng Hy Lạp “không hề đổi thay” nghĩa là “vững bền và không thể bị đổi dời”. Từ này cũng được sử dụng và được ghi ở cuối những hợp đồng có tính pháp lý, chức tế lễ của Chúa chúng ta ở trên trời cũng là chức vị “vững bền và không thể bị đổi dời”. Vì vậy chúng ta có thể vững vàng giữa thế giới đang chao đảo và hỗn loạn này.

Vấn đề được kết thúc ở 7:25 “Bởi đó, Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy”. Thật vậy, Đấng Christ có thể cứu mọi tội nhân ở bất kỳ hoàn cảnh nào, nhưng đó không phải là ngụ ý của câu Kinh Thánh trên. Vấn đề quan trọng là Ngài cứu trọn vẹn và đời đời những ai chịu đặt niềm tin nơi Ngài. Ngài có thể ban cho con người sự cứu rỗi đời đời, bởi Ngài là Thầy tế lễ thượng phẩm đời đời!

Nền tảng cho sự cứu rỗi trọn vẹn này là sự cầu thay của Đấng Christ ở trên trời. “Cầu thay” nghĩa là “gặp, đến gần, cầu xin, kiến nghị”. Chúng ta đừng tưởng tượng rằng Đức Chúa Trời nổi giận với chúng ta nên Con Ngài phải nài xin Cha đừng đoán phạt chúng ta! Cha và Con hoàn toàn hiệp nhất trong kế hoạch cứu rỗi con người (13:20-21). Chúng ta cũng không nên cho rằng Chúa Giê-xu Christ đang cất tiếng lớn để cầu nguyện thay chúng ta nơi thiên đàng, hoặc liên tục dâng huyết Ngài làm của lễ. Công việc này đã được hoàn tất trên thập tự giá một lần đủ cả.

Sự cầu thay có liên quan đến việc Chúa Giê-xu Christ đại diện dân Ngài trước ngai Đức Chúa Trời. Nhờ Đấng Christ, người tin nhận Ngài có thể đến gần Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện và có thể dâng cho Đức Chúa Trời những của lễ thuộc linh (He 4:14-16 IPhi 2:5). Có thể nói chính xác rằng sự sống của Đấng Christ nơi thiên đàng là sự cầu thay của Ngài dành cho chúng ta. Bản chất của Ngài sẽ đi đôi với những việc Ngài làm.

Khi xem lại luận chứng trong phân đoạn này (He 7:11-25), chúng ta bị lôi cuốn bởi sự suy luận logic của tác giả. Chức tế lễ của Chúa Giê-xu Christ theo dòng Mên-chi-xê-đéc là chức vụ cao trọng hơn chức vụ A-rôn cũng như thay thế cho chức vụ A-rôn. Cả luận chứng lịch sử và luận chứng giáo lý đều có sức thuyết phục. Đến đây, tác giả nêu tiếp một luận chứng thứ ba:

3. Luận chứng thực tiễn: Đấng Christ và người tin nhận (He 7:26-28)

Cho dù các thầy tế lễ dòng A-rôn có tận tụy và đạo đức đến đâu, họ cũng không thể đáp ứng mọi nhu cầu của dân sự. Nhưng Chúa Giê-xu Christ là Đấng thoả đáp được mọi nhu cầu chúng ta Ngài đã trở nên như chúng ta, nghĩa là đã trải qua những kinh nghiệm con người nên Ngài đáp ứng trọn vẹn những nhu cầu chúng ta. Là Đấng Thánh Khiết, vô tội, Ngài có thể thi hành chức vụ một cách trọn vẹn cho dân Ngài. Bởi tội lỗi mình, một số thầy tế lễ thời Cựu

Ước đã không thể hầu việc và cầu thay cho dân sự, lại còn trách mắng dân sự. Điều này chẳng bao giờ xảy ra với Chúa Giê-xu Christ và dân sự Ngài.

Các thầy tế lễ Cựu Ước được biệt riêng ra để thi hành chức vụ, điều này khiến họ có vẻ như “thánh khiết” trước mọi người khác. Nhưng thực tế, không phải lúc nào bản chất họ cũng “thánh khiết”. Họ cũng không hơn gì những tội nhân được họ cầu thay. Không thầy tế lễ nào đạt đến bản chất “ô ứ” (He 7:26) hay “không tì không vết”. Chỉ duy Chúa Giê-xu Christ mới có bản chất này. Khi sống trên đất, Ngài từng làm bạn với những kẻ thù thuế và người có tội (Mat 9:10-11:19), nhưng cách Ngài tiếp xúc với họ không làm ô ứ bản chất hay phẩm cách Ngài. Cũng có sự tiếp xúc mà không hề gây ô ứ! Ngài đã không bị cô lập hay xa cách với con người. Hôm nay, Ngài “biệt khỏi kẻ có tội” (He 7:26) vì có chức vụ Ngài (“được cất lên cao hơn các tầng trời”) nhưng Ngài không hề xa cách với những kẻ Ngài cầu thay. Ngài luôn ở gần chúng ta tại ngôi ơn phước.

Một chứng cứ khác cho thấy Chúa Giê-xu Christ là Đấng vô tội: Ngài chẳng bao giờ phải dâng của lễ chuộc tội cho chính mình khi hành chức tế lễ. Vào ngày lễ chuộc tội hằng năm, các thầy tế lễ trước tiên phải dâng của lễ chuộc tội cho chính mình trước khi có thể cầu thay cho dân sự (Le 16:1-34). Cũng có nghi thức dâng của lễ hằng ngày trong đền thờ: Khi thầy tế lễ phạm tội, phải dâng cho Đức Chúa Trời của lễ chuộc tội (Le 4:3 Xu 29:38-46).

Chúa Giê-xu Christ là một mẫu mực thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta cần! Chúng ta có xu hướng phạm tội mỗi ngày, mỗi giờ nên cần chạy đến với Ngài để nhận được sự cứu giúp thuộc linh. Là Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, Chúa Giê-xu Christ ban cho chúng ta ơn phước và sự thương xót để không phạm tội nhưng nếu chúng ta phạm tội, Ngài là Đấng cầu thay chúng ta tại Ngôi Đức Chúa Trời (IGi 2:1-2), tha thứ và phục hồi địa vị chúng ta (IGi 1:9).

Bài học ứng dụng thật rõ ràng: Tại sao chúng ta không chạy đến với một thầy tế lễ thượng phẩm lý tưởng như vậy? Bạn tìm thấy ở ai điều gì tốt đẹp hơn? Các thầy tế lễ hầu việc dưới luật pháp Môi-se đều là những người bất toàn yêu đuối và luôn vấp ngã. Thầy tế lễ thượng phẩm trên trời của chúng ta là “Đấng nên trọn lành đời đời” (He 7:28), nơi Ngài chẳng có tì vết chi. Một thầy tế lễ thượng phẩm như thế sẽ khiến chúng ta được thoả đáp mọi nhu cầu một cách trọn vẹn!

Bạn có lợi dụng mọi cơ hội để đến gần ngôi ơn phước của Ngài?

7. GIAO ƯỚC TỐT HƠN (He 8:1-13)

Có lần tôi làm diễn giả tại buổi họp của các phát thanh viên tôn giáo, trong 10 phần đó một người bạn của tôi. Anh là người đánh đàn piano thật tuyệt vời, lại có ơn giải thích về âm nhạc Cơ Đốc. Tôi rất thích nghe anh diễn giảng về âm nhạc. Thế nhưng hôm đó tôi chẳng đồng cảm với anh chút nào. Anh đã sử dụng chiếc đàn piano cũ rích mà tôi chưa từng thấy. Có lẽ chiếc đàn này được một ban nhạc nào đó tặng. Dù anh bạn của tôi đã chơi đàn hết tâm huyết, nhưng vẫn không hay bằng lúc anh sử dụng chiếc đàn tốt hơn.

Chức Giê-xu Christ là Thầy tế lễ cao trọng của Đức Chúa Trời, không điều gì có thể hạ thấp giá trị sự cao trọng này, vì Ngài thi hành chức vụ dựa trên một giao ước tốt hơn (He 8:1-13) ở nơi thánh khiết hơn (He 9:1-28) và vì một của lễ tốt hơn (He 10:1-39). Giao ước tốt hơn là chủ đề của đoạn Kinh Thánh này. Tác giả trình bày 3 chứng cứ về sự cao trọng của giao ước này:

1. Giao ước này được một Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng thực hiện (He 8:1-2)

Phải chăng tác giả đang lập luận lòng vòng? Trước tiên, ông chứng minh sự cao trọng của Đấng Christ và nói “vì Ngài là Đấng cao trọng nên giao ước Ngài lập lên cũng cao trọng!”? Không phải vậy, đây không phải là một tập luận lòng vòng, vì kết luận rất lôgic. Một thầy tế lễ cao trọng thì không thể thi hành chức vụ dựa trên một giao ước chưa trọn vẹn. Một luật sư tài giỏi sẽ không sử dụng lý lẽ thiếu sức thuyết phục khi bào chữa. Chúa chúng ta không thể thi hành chức vụ dựa trên một giao ước chưa trọn vẹn. Ông trình bày nhiều luận chứng tổng quát để bày tỏ rằng Chúa chúng ta thật sự là Thầy tế lễ Thượng phẩm cao trọng.

a. *Sự đạo đức thích hợp của Ngài* (He 8:1). “Chúng ta có một thầy tế lễ thượng phẩm”. Câu Kinh Thánh này đưa chúng ta trở về với He 7:22-28 “Ấy đó thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng” (7:26). Bản chất trọn lành của Chúa Giê-xu Christ cùng sự đồng cảm của Ngài đối với những nhu cầu và những cảm dỗ chúng ta trải qua đã khiến Ngài trở nên cao trọng hơn bất cứ thầy tế lễ nào. Những tín hữu Hê-bơ-rơ nào muốn quay lại với chức tế lễ thời Cựu Ước hẳn đã không quan tâm đến Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng này.

b. *Công tác đã được hoàn tất của Ngài* (He 8:1). Hôm nay Chúa chúng ta đang ngự trên ngôi sao vì công tác Ngài đã hoàn tất. Trong đền tạm thời Cựu Ước chẳng có chiếc ghế nào, vì công việc của các thầy tế lễ chưa hề được hoàn tất. Mỗi của lễ lần lượt được dâng lên chỉ càng nhắc nhở rằng không một của lễ nào có thể đem lại một sự cứu rỗi trọn vẹn. Huyết của những con sinh tế không thể tẩy sạch tội lỗi hay xóa mờ ký ức tội lỗi, nó chỉ che đậy tội lỗi cho đến khi Chúa Giê-xu Christ chịu chết để cất bỏ tội lỗi của thế gian (Gi 1:29).

c. *Sự ngự trên ngôi của Ngài* (He 8:1). Chúa Giê-xu Christ không chỉ “ngôi” bên hữu Đức Chúa Trời, nhưng chính nơi Ngài ngự đã tôn lên sự vinh hiển của thân vị Ngài và công tác Ngài. Ngài ngự trên ngôi thiên đàng, bên hữu Đức Chúa Trời. Chân lý quan trọng này đã được trình bày từ đầu tư tín (1:3) và cũng được nhắc lại ở 10:12 12:2. Sự kiện Ngài ngự trên ngôi là sự ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Con Ngài: “Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch người làm bệ chân cho ngươi” (Thi 110:1). Thầy tế lễ thượng phẩm của dân Y-sơ-ra-ên chẳng bao giờ được ngồi, cũng không ngự trên ngôi vua. Chỉ có một thầy tế lễ ban “Mên-chi-xê-đéc” có thể ngự ngôi Vua, vì Mên-chi-xê-đéc vừa là vua, vừa là thầy tế lễ (He 7:1).

d. *Sự tôn cao tuyệt đối của Ngài* (He 8:1). Ngài đang ở trong các tầng trời. Trong sự thăng thiên và tôn cao của Ngài, Chúa Giê-xu Christ đang trải qua các tầng trời (4:14). Ngài đang được tôn cao trên hết mọi danh (Eph 1:20-23 Phi 2:5-11). Sự kiện Ngài thi hành chức vụ ở nơi thánh trên trời rất có ý nghĩa đối với luận chứng được trình bày trong đoạn này.

Khi xem lại 4 luận chứng tổng quát trên, chúng ta có thể thấy tính hợp lý của sự kiện Chúa Giê-xu Christ thi hành chức vụ dựa trên một giao ước cao trọng. Bạn có cho rằng một thầy tế lễ có bản chất trọn lành sẽ thi hành chức vụ dựa trên một giao ước không thay đổi được lòng người? Một thầy tế lễ đã hoàn tất công việc mình lại có thể tuân theo một giao ước không thể làm trọn việc chi hết sao? (He 7:19). Sự hiện diện của Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng trên thiên đàng đòi hỏi một giao ước cao trọng để Ngài có thể thi hành chức vụ cho dân Ngài một cách hiệu quả.

2. Giao ước này được thực hiện ở một nơi tốt hơn (He 8:3-5)

Ở phần này, tác giả triển khai chân lý kỳ diệu, Chúa Giê-xu Christ hôm nay đang thi hành chức vụ ở nơi thánh trên trời. Vấn đề này xuất phát từ lý do thật đơn giản: tác giả biết rằng có

một đền thờ thật ở Giê-ru-sa-lem, nơi các thầy tế lễ dâng các sinh tế. Thật dễ có xu hướng quay lại với những giáo nghi truyền thống của Môi-se! Và lại, làm sao chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu Christ đang thi hành chức vụ ở nơi thánh? Có ai thật sự đã chứng kiến Ngài thi hành công việc của thầy tế lễ thượng phẩm?

Đây là những câu hỏi xác đáng và cũng có những giải đáp xác đáng!

a. *Giải đáp theo lô-gic* (He 8:3). Chúa Giê-xu Christ đã được xác định là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm. Mọi thầy tế lễ thượng phẩm đều phục vụ người khác. Tước vị này không phải là tước vị danh dự. Mỗi thầy tế lễ thượng phẩm thời Cựu Ước phải dâng lễ vật và của tế lễ vì vậy Chúa Giê-xu Christ cũng phải dâng lễ vật và của tế lễ (5:1 7:27). Nhưng của lễ không thể dâng lên ở nơi tùy tiện, mà phải được dâng ở nơi Đức Chúa Trời đã định (Phu 12:13-14). Nơi Đức Chúa Trời định là nơi thánh. Vì vậy nếu Chúa Giê-xu Christ là một Thầy tế lễ thượng phẩm có nhiệm vụ dâng lễ vật và của tế lễ, Ngài cũng phải thi hành chức vụ ở nơi thánh. Ngài đang hiện diện trên trời, nên nơi thánh đó hẳn phải ở trên trời.

Tuy nhiên, chúng ta không nên nghĩ rằng Chúa dâng những của lễ trên trời để tương xứng với những của lễ thời Cựu Ước, Từ “vật gì” ở He 8:3 được viết ở dạng số ít và động từ “dâng” theo gốc trong Hy Lạp nghĩa là “dâng lên một lần đủ cả”. Trên thập tự giá, Chúa đã dâng chính mình Ngài làm của lễ chuộc tội đời đời (9:24-28). Nói cách khác, Ngài là một “của lễ sống” trên trời. Ngài không cần phải dâng chính mình nhiều lần.

b. *Giải đáp theo phả hệ* (He 8:4). Chúng ta đã thấy chân lý này ở He 7:11-14. Nếu nói về gia phả của Chúa khi Ngài ở thế gian, Ngài thuộc dòng Giu-đa. Đức Chúa Trời phán trước rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến từ dòng vua Giu-đa (Sa 49:8-10). Nhưng theo luật pháp, các thầy tế lễ phải thuộc dòng Lê-vi. Vì vậy, nếu Chúa Giê-xu Christ vẫn còn trên đất, Ngài không thể thi hành chức tế lễ được, Ngài có thể làm thầy tế lễ thượng phẩm trên trời vì ở đó ban Mên-chi-xê-đéc đảm trách chức việc này, chớ không phải ban A-rôn.

Một lần nữa cho thấy, lập luận này rất hợp lý Đa-vít cũng nói tiên tri rằng Chúa Giê-xu Christ sẽ là Thầy tế lễ (Thi 110:4). Phả hệ thuộc dòng Giu-đa của Chúa trên đất không cho phép Ngài làm thầy tế lễ trên đất. Vì vậy Ngài phải làm thầy tế lễ trên trời. Ngài không được chấp nhận bước vào nơi thánh trên đất, nên Ngài phải thi hành chức vụ ở nơi thánh trên trời.

c. *Giải đáp theo biểu tượng* (He 8:5). “Kiểu mẫu” thời Cựu Ước là hình ảnh minh họa cho chân lý ở Tân Ước. Các thầy tế lễ hầu việc trong đền thờ tức là hầu việc trong một nơi thánh, tượng trưng cho “kiểu mẫu” của nơi thánh trên trời. Câu Kinh Thánh Xu 25:40 được ghi lại ở He 8:5 đề cập gián tiếp đến một nơi thánh trên trời. Môi-se nhìn thấy “kiểu mẫu” trên núi và áp dụng cho đền tạm trên đất. Điều này không có nghĩa là đền tạm trên trời cũng được lập ra bằng vải, da... Kiểu mẫu cơ bản và ý nghĩa của nơi thánh là điều được nhấn mạnh ở đây. Nơi thánh thật ở trên trời, còn đền tạm và đền thờ chỉ là hình bóng mà thôi.

Đây là một luận chứng được nêu lên nhằm củng cố đức tin con người nơi Chúa Giê-xu Christ, chớ không phải để con người trở lại với những nghi thức Do Thái giáo. Chức tế lễ và nơi thánh trên đất dường như hoàn toàn thật và vững bền, nhưng đó chỉ là bản sao của những điều đã có từ trước! Nghi thức Cựu Ước chỉ là “bóng của các việc sẽ tới” (Co 2:17), luật pháp chỉ là “bóng của” sự tốt lành ngay sau” (He 10:1) ánh sáng rạng rỡ của chân lý đã đến trong Chúa Giê-xu Christ. Vậy tại sao con người cứ phải ngó lại những cái bóng?

Trong sách Khải huyền, chúng ta sẽ thấy hình ảnh trên trời được mô tả giống với đền tạm thời Cựu Ước. Giăng xác quyết rằng có một đền thờ của Đức Chúa Trời ở trên trời (Kh 11:19). Dĩ nhiên sẽ không có đền thờ nào như trên đất vì cả thành Đức Chúa Trời sẽ là đền thờ (21:22). Nơi đó, có một bàn thờ bằng vàng (6:9-11) cũng như bàn thờ xông hương... (8:3-5). “Biển

trong ngàn giống thủy tinh” (4:6) nhắc chúng ta nhớ đến chậu nước trong đền thờ và “bảy ngọn đèn” (4:5) chỉ chân đèn 7 ngọn trong đền tạm.

Chúa Giê-xu Christ đang thi hành chức vụ trong nơi thánh trọn vẹn hơn. Vậy tại sao con người lại chạy đến với thầy tế lễ là những người thi hành chức vụ trong nơi thánh “được sao chép” trong khi có thể đến với Đấng Christ trong nơi thánh thật trên trời? Đường như con người cứ cố gắng sống theo một “bản thiết kế” thay vì chính ngôi nhà thật!

Tác giả đã cho chúng ta biết hai chứng cứ về sự cao trọng của giao ước mới: Giao ước được Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng thực hiện, là Chúa Giê-xu Christ và giao ước này được thực hiện một nơi cao trọng trên trời. Tác giả kết thúc đoạn Kinh Thánh này bằng chứng cứ thứ 3:

3. Giao ước này được lập lên trên lời hứa tốt hơn (He 8:6-13)

Môi-se làm người trung bảo của giao ước cũ trong việc ban ra luật pháp cho dân sự (Ga 3:19-20). Tại núi Si-na-i, dân Y-sơ-ra-ên khiếp sợ đến nỗi nài xin Môi-se nói với họ để họ không phải nghe lời phán của Đức Chúa Trời (Xu 20:18-21). Tiếc thay, sự kính sợ Đức Chúa Trời của dân sự không duy trì được lâu dài vì sau đó họ đã không tuân theo luật pháp mà họ từng hứa gìn giữ. Đấng Trung bảo của giao ước mới là Chúa Giê-xu Christ và Ngài là Đấng Trung bảo duy nhất (ITi 2:5). Trong vai trò này, chức vụ của Ngài trọn vẹn hơn chức vụ của các thầy tế lễ Cựu Ước, vì chức vụ ấy được thực hiện trên nền tảng của một giao ước tốt hơn giao ước Ngài được lập trên lời hứa tốt hơn.

“Giao ước tốt hơn” đề cập trong đoạn Kinh Thánh này đã được tiên tri Giê-rê-mi rao ra từ trước (Gie 31:31-34). Lời hứa được ban ra qua lời tiên tri đảm bảo cho dân Do Thái về sự phục hưng trong tương lai. Tiên tri Giê-rê-mi thi hành chức vụ suốt những năm cuối của lịch sử Do Thái, trước khi dân Do Thái bị lưu đày qua Ba-by-lôn. Giữa lúc tương lai của dân tộc này dường như đi đến điểm khánh tận, Đức Chúa Trời đã ban lời hứa sẽ phục hồi và ban phước cho họ.

Trước khi đến đồi Gô-gô-tha, Chúa chúng ta đã dự lễ Vượt qua cùng các môn đệ Ngài tại phòng cao. Trong bữa ăn tối, Ngài lập ra Tiệc thánh mà chúng ta thường kỷ niệm hôm nay. cầm chén trong tay, Ngài phán: “Chén này là giao ước mới trong huyết ta vì các ngươi mà đổ ra” (Lu 22:20 Mac 14:22-24). Sứ đồ Phao-lô đã nhắc lại những lời này và áp dụng vào Hội Thánh (ICo 11:23-27). Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ khẳng định rằng Chúa Giê-xu Christ hiện nay là “Đấng trung bảo của giao ước mới” (He 9:15) và lập lại chân lý ấy ở He 12:24.

Giao ước mới này được lập ra vì dân Y-sơ-ra-ên nhưng hôm nay đã trở nên kinh nghiệm của Hội Thánh. Làm sao Đức Chúa Trời có thể hứa ban những phước hạnh này cho dân Do Thái và lại ban cho Hội Thánh?

Một số học viên Kinh Thánh giải quyết vấn đề bằng cách kết luận rằng Hội Thánh là “dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh” và giao ước mới thuộc về “con cháu Áp-ra-ham thuộc linh” hôm nay Ga 3:13-29 cho biết Cơ Đốc nhân hôm nay là con cháu thuộc linh của Áp-ra-ham, nhưng không phải là cùng một cách nói rằng Hội Thánh là Y-sơ-ra-ên thuộc linh. Lời hứa được ghi lại ở He 8:8 gọi tên cụ thể rằng: “...nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa...”.

Những học giả Kinh Thánh khác cho rằng: “Giao ước mới” này chưa được làm trọn trong Hội Thánh hôm nay nhưng sẽ được trọn khi dân Do Thái trở về lập quốc, cũng sẽ là lúc Chúa trở lại thế gian trong vinh hiển! Nhưng, như vậy chúng ta gặp nan đề về cách giải nghĩa (He 9:15 12:24 là những câu Kinh Thánh xác định Chúa Giê-xu Christ hôm nay là Đấng Trung

bảo của giao ước mới. Nếu khẳng định có hai “giao ước mới” (một cho dân Y-sơ-ra-ên và một cho Hội Thánh), nghĩa là đã tạo ra nhiều vấn đề!

Có lẽ giải pháp cho vấn đề này được bày tỏ trong nguyên tắc của Đức Chúa Trời: “trước là người Do Thái” (Ro 1:16). Đức Chúa Trời hứa ban một giao ước mới cho dân sự Ngài, nhưng những ơn phước của giao ước này được gói trọn trong Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng trung bảo của Giao ước mới. Khi bắt đầu thi hành chức vụ trên đất, Chúa đến với dân Ngài trước tiên (Mat 15:24). Khi sai phái môn đệ ra đi, Ngài chỉ sai họ đến với dân Y-sơ-ra-ên (Mat 10:5-6). Khi truyền cho Hội Thánh nhiệm vụ rao giảng, Chúa bảo họ phải khởi sự từ thành Giê-ru-sa-lem (Lu 24:46-48 Cong 1:8). Bài giảng của Phi-e-rơ trong ngày lễ Ngũ tuần được rao ra cho dân Do Thái và dân ngoại theo Do Thái giáo (Cong 2:14,22,36). Vào lần rao giảng kế tiếp, Phi-e-rơ khẳng định Phúc Âm dành cho dân Do Thái trước tiên (Cong 3:25-26).

Tiếc thay, dân Do Thái đã chối bỏ sứ điệp này cũng như không tin những người rao sứ điệp. Trong khi hằng ngày người đặt niềm tin nơi Đấng Christ và được cứu, thì cũng là lúc dân Do Thái đa số đều chối bỏ lời Chúa, các chức sắc tôn giáo cũng chống đối công việc của Hội Thánh Chúa. Một kết quả điển hình là Ê-tiên bị ném đá (Cong 7:1-60). Phản ứng của Đức Chúa Trời ra sao? Phúc Âm từ Giê-ru-sa-lem đã lan rộng đến xứ Giu-đê và xứ Sa-ma-ri (Cong 8:1-40), cuối cùng đến với dân ngoại (Cong 10:1-48).

Hôm nay, Hội Thánh Chúa bao gồm người Do Thái và cả người ngoại. Họ được phục hưng để trở thành một thân trong Đấng Christ (Eph 2:11-22 Ga 3:27-29). Tất cả những ai trong Đấng Christ đều có thể dự phần giao ước mới được thực hiện trên thập tự giá. Hôm nay, ơn phước của giao ước mới dành cho mọi người. Khi Chúa Giê-xu Christ ngự đến trong sự vinh hiển để cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên, lúc ấy những ơn phước của giao ước mới sẽ dành cho dân tộc “ngỗ nghịch” này. Bạn hãy đọc trọn sách Giê-rê-mi để biết kế hoạch Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.

Trước khi suy gẫm về “lời hứa tốt hơn” của giao ước mới, chúng ta không nên kết luận rằng sự xuất hiện của giao ước mới có nghĩa là giao ước cũ sai trật hay luật pháp không được thực thi hôm nay. Cả hai giao ước đều do Đức Chúa Trời ban ra, vì ích lợi của con người. Cả hai giao ước đều có phước hạnh kèm theo. Nếu dân sự vâng theo mọi điều hoãn của giao ước cũ, Đức Chúa Trời có lẽ đã ban phước cho họ để họ sẵn sàng tiếp đón Đấng Mê-si-a. Phao-lô cho biết giao ước cũ đã có phần trong sự vinh hiển (ITi 3:7-11), chúng ta không nên chỉ trích hay đánh giá thấp giao ước cũ.

Mặc dù giao ước mới của ân điển đem đến sự tự do so với luật Môi-se (Ga 5:1), nhưng không phải là sự tự do để bất tuân Đức Chúa Trời và phạm tội. Đức Chúa Trời vẫn luôn mong muốn “sự công bình mà luật pháp buộc phải làm” sẽ được trọn trong chúng ta bởi công việc của Đức Thánh Linh (Ro 8:1-4). Luật pháp vẫn có một ích lợi chính đáng (ITi 1:8-11).

Đến đây, chúng ta hãy bắt đầu suy gẫm về “lời hứa tốt hơn” của giao ước mới.

a. *Lời hứa về ân điển của Đức Chúa Trời* (He 8:7-9). Trọng tâm của giao ước mới chính là những lời Đức Chúa Trời phán “Ta sẽ”. Tại núi Si-na-i, dân Y-sơ-ra-ên nói: “Chúng tôi sẽ làm mọi lời Đức Giê-hô-va phán dạy” (Xu 24:3). Thế nhưng họ đã không vâng theo Lời Đức Chúa Trời. Nói rằng “chúng tôi sẽ” và thực hiện lời nói đó là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Giao ước mới không hề lệ thuộc nơi sự trung tín của con người đối với Đức Chúa Trời nhưng tùy thuộc nơi lời hứa thành tín của Đức Chúa Trời với con người. Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ xác nhận: lời Đức Chúa Trời phán “Ta sẽ” đối với những ai tin nhận Chúa Giê-xu Christ (He

8:10). Thật vậy, lời Đức Chúa Trời phán “Ta sẽ” được khẳng định 4 lần trong một câu (He 8:10) và 6 lần trong 8:8-12.

Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập như người cha dắt con mình đi. Ngài ban cho dân tộc này luật pháp thánh vì lợi ích họ, để biệt riêng họ với các dân tộc khác và để bảo vệ họ khỏi những lẽ thói tội lỗi của dân ngoại đạo. Nhưng dân tộc này đã sa ngã: “vì họ không bền giữ lời ước ta” (8:9). Trước sự bất tuân của dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời phải liên tục sửa phạt họ và cuối cùng đưa họ vào chốn lưu đày.

Đức Chúa Trời không tìm thấy sai sót nào trong giao ước của Ngài, nhưng chỉ thấy nơi dân Ngài. “Ấy vậy, luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành” (Ro 7:12). Nan đề không ở tại luật pháp, nhưng ở tại bản chất tội lỗi của chúng ta, vì bản thân chúng ta không thể cậy sức riêng để gìn giữ luật pháp Đức Chúa Trời. Luật pháp “không làm trọn chi hết” (He 7:19) vì không thể hoán cải được lòng người. Chỉ có ân điển Đức Chúa Trời mới có thể làm được điều ấy.

Giao ước mới thuộc về ân điển Đức Chúa Trời, nên không một tội nhân nào có thể dự phần vào giao ước này nếu không tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Ân điển và đức tin đi đôi với nhau cũng như luật pháp đi đôi với việc làm (Ro 11:6). Luật pháp lên tiếng rằng: “Người nào vâng giữ các điều răn thì sẽ nhờ đó mà sống” (Ga 3:12), nhưng ân điển cất tiếng nói: “Việc làm đã được trọn người nào tin sẽ được sống!”.

b. *Lời hứa về sự hoán cải bên trong* (He 8:10). Luật pháp Môi-se rao ra tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời, nhưng không thể ban cho con người quyền năng để vâng phục. Con người tội lỗi cần có một tấm lòng đổi mới và tâm tính mới. Đó là những điều chỉ có nơi giao ước mới (Exe 36:26-27), khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy nhận được bản tánh thiên thượng bên trong (IIPhi 1:1-4), Bản tánh thiên thượng này sẽ tạo nên một ước muốn yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời. Con người tội lỗi vốn hung ác, tham lam, bội nghịch (Tit 3:3-7), nhưng khi được ban cho bản tánh mới con người sẽ có cả ước muốn lẫn năng lực để sống một đời sống tin kính.

Luật pháp có tính chất bên ngoài, đó là những mạng lệnh Đức Chúa Trời được chép ra trên những bảng đá. Nhưng giao ước mới giúp Lời Đức Chúa Trời được ghi tạc vào tâm trí và lòng người (II Co 3:1-3). Ân điển Đức Chúa Trời đem đến sự thay đổi bên trong, giúp người vâng phục ngày càng trở nên giống Chúa Giê-xu Christ (3:18).

Tiếc thay có nhiều Cơ Đốc nhân nghĩ rằng họ được cứu bởi ân điển, nhưng rồi sẽ phải tập tành đời sống Cơ Đốc theo luật Cựu Ước. Họ cần giao ước mới để được cứu rỗi và giao ước cũ để được thánh hoá! Sứ đồ Phao-lô mô tả tình trạng này là “mất ân điển” (Ga 5:4). Đây không phải là tình trạng mất sự cứu rỗi, nhưng là tình trạng mất phần phước hạnh của Đức Chúa Trời trong ân điển. Không phải chúng ta sẽ trở nên thánh khiết khi vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời bằng sức riêng. Sự đầu phục Đức Thánh Linh trong tâm lòng sẽ giúp chúng ta làm trọn sự công bình của luật pháp (Ro 8:1-4) và điều này là phần cốt lõi của ân điển.

c. *Lời hứa về sự tha thứ* (He 8:11-12). Không có sự tha thứ dưới luật pháp, vì luật pháp không có quyền tha thứ. “Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Ro 3:20). Luật pháp không thể ban sự tha thứ cho dân Y-sơ-ra-ên huống chi cả nhân loại! Chỉ bởi của lễ do Chúa Giê-xu Christ dâng lên có thể khiến sự tha tội được dành cho những ai kêu cầu Ngài. Của lễ thời Cựu Ước nhắc nhở lại tội lỗi, chớ không bôi xóa tội lỗi (He 10:1-3,18).

He 8:11 được trích từ Gie 31:34 nói về thời điểm dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa sẽ nhóm hiệp nhau (He 8:8) vui mừng về vương quốc đã được hứa ban (Gie 31:1-14). Vào ngày đó, người ta sẽ không cần chia sẻ Phúc Âm vì mỗi người đều biết Chúa rõ ràng. Tuy nhiên đến ngày ấy, đặc quyền và trách nhiệm của chúng ta là phải rao ra Phúc Âm cho thế giới hư mất.

Thế nào gọi là Đức Chúa Trời không nhớ đến tội lỗi của chúng ta nữa? (He 8:12). Câu Kinh Thánh này cũng được nhắc lại ở He 10:16-17. Phải chăng điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời toàn tri sẽ quên những điều chúng ta đã làm? Nếu Đức Chúa Trời “quên” mọi sự, Ngài sẽ chẳng là Đức Chúa Trời nữa! Nhóm từ “chẳng còn nhớ đến” nghĩa là “không chấp nê nữa”. Đức Chúa Trời nhớ lại mọi vi phạm của chúng ta, nhưng Ngài không chấp nê chúng ta. Ngài đối đãi với chúng ta bằng ân điển và sự thương xót, chứ không phải bằng pháp luật và việc lành. Một khi tội lỗi đã được tha thứ, chúng ta sẽ không bị kể tội nữa. Vấn đề này được giải quyết có giá trị vĩnh cửu.

Là mục sư có nhiệm vụ khuyên bảo kẻ khác, tôi thường nghe người ta nói rằng: “ừ thì tôi có thể tha thứ được chứ nhưng tôi không thể quên được!” Tôi đáp: “Dĩ nhiên, bạn không thể quên. Bạn càng cố gắng xua đuổi ý tưởng ra khỏi tâm trí, bạn sẽ càng nhớ rõ hơn. Như vậy không có nghĩa là “quên”. Quên nghĩa là không chấp nê người đã phạm lỗi với mình”. Chúng ta có thể nhớ những điều người khác xúc phạm mình, nhưng chúng ta phải đối xử với họ như thể họ chưa từng phạm lỗi.

Làm sao có thể như vậy? Việc này có thể làm được, vì cơ thập tự giá, nơi mà Đức Chúa Trời đã đối xử Con Ngài như một phạm nhân! Từng trải về sự tha thứ của Đức Chúa Trời sẽ giúp chúng ta có thể tha thứ cho người khác.

d. *Lời hứa về ơn phước đời đời* (He 8:13). Khi thư tín này được viết ra, giao ước cũ vẫn đang “có hiệu lực” đối với dân Y-sơ-ra-ên. Đền thờ vẫn tồn tại và các thầy tế lễ vẫn đang dâng của lễ của mình. Dân Do Thái mộ đạo có lẽ nghĩ rằng các tín hữu của họ thật “dại dột” khi xoá bỏ một “tôn giáo vững mạnh” như thế để sống vì một niềm tin dường như “không rõ ràng”. Những người Do Thái vô tín này không nhận biết rằng “tôn giáo vững mạnh” của họ đã trở nên “già cỗi” và sắp bị tiêu mất. Vào năm 70 SC thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ đã bị người Rô-ma tàn phá. Từ đó, dân Do Thái không còn đền thờ cũng không có thầy tế lễ hầu việc và cầu thay cho họ (Os 3:4).

Giao ước mới đã đem đến ơn phước. Chúa Giê-xu Christ chính là “cội rễ của sự cứu rỗi đời đời” (He 5:9) và “sự chuộc tội đời đời” (9:12). Giao ước mới sẽ chẳng bao giờ trở nên già cỗi và tiêu mất. Chữ “mới theo ngôn ngữ Hy Lạp nghĩa là “mới về tính chất” chứ không phải” mới về thời gian”. Giao ước mới này mang tính chất đó và sẽ không cần có sự thay thế nào khác.

Vâng, Chúa chúng ta là Đấng thi hành chức vụ dựa trên một giao ước cao trọng hơn, đó là giao ước mới khiến chúng ta trở nên kẻ dự phần bốn tánh mới và đời sống mới kỳ diệu mà chỉ có Ngài mới có thể ban cho.

8. NƠI THÁNH CAO TRỌNG (He 9:1-28)

Cơ Đốc nhân là công dân của hai thế giới: thế giới trên đất và thế giới trên trời. Người đó phải “trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời” (Mat 22:21). Vì là công dân của hai thế giới, Cơ Đốc nhân phải học cách bước đi bằng đức tin giữa một thế giới bị chi phối bởi ngoại cảnh. Để thắng hơn hấp lực của thế gian, Cơ Đốc nhân phải nhìn thấy những điều không thấy được gương như Môi-se (He 11:24-27). Người thực dụng sẽ nói: “Thấy mới tin!”, nhưng người có đức tin đáp: “Tin mới thấy!”.

Nguyên tắc đức tin này phải được ứng dụng vào mối liên hệ của chúng ta với nơi thánh trên trời. Dù chưa bao giờ chiêm ngưỡng nơi thánh ấy, nhưng chúng ta vẫn tin rằng Kinh Thánh cho biết có một nơi thánh như thế. Chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời không ở trong những đền thờ do tay người làm ra (Cong 7:46-50) hôm nay. Ngài không ngự vào bất cứ nơi đặc biệt nào trên đất (Gi 4:19-24 Es 57:15 66:1-2). Chúng ta có thể gọi nhà thờ là “Nhà Chúa”, nhưng đó không phải là nơi Ngài ngự. Ngôi nhà được dâng hiến cho Đức Chúa Trời và công việc Ngài chớ không phải nơi ngự của Ngài.

He 9:1-28 của thư tín trình bày một tương phản rõ nét giữa nơi thánh thời Cựu Ước (đền tạm) với nơi thánh trên trời của giao ước mới, nơi Chúa Giê-xu Christ hiện đang thi hành chức vụ Ngài. Sự tương phản này bày tỏ rằng nơi thánh của giao ước mới là nơi thánh cao trọng.

1. Nơi thánh của Cựu Ước thấp kém hơn (He 9:1-10)

Thư tín Hê-bơ-rơ nhắc người đọc nhớ rằng các quy định và thực hành trong đền tạm đã được Đức Chúa Trời lập ra, Vì vậy, nếu có sự thấp kém nào trong chức vụ tại đền thờ, thì đó không phải là Đức Chúa Trời chưa lập ra nghi thức! Trong lúc Cựu Ước có hiệu lực, nhiệm vụ của các thầy tế lễ được Đức Chúa Trời chỉ định và hoàn toàn hợp cách.

Vậy điều gì đã khiến đền tạm chưa đạt đến mức cao trọng? Sau đây là 5 giải đáp cho câu hỏi trên:

a. *Đền tạm là nơi thánh dưới đất* (He 9:1). Đây là nơi do tay người tạo dựng ra (9:11 8:2). Dân Do Thái dâng rời rộng cho Môi-se những lễ vật họ có và đền tạm được dựng lên từ những vật chất này. Đức Chúa Trời cũng ban cho Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp sự khôn ngoan cũng như kỹ năng để thực hiện công việc tỉ mỉ trong các phần của đền tạm và việc trang trí (Xu 35:1-36:38). Sau khi việc xây cất đã hoàn tất, nơi thánh được đặt vào chỗ và dâng hiến cho Đức Chúa Trời (Xu 40:1-38). Mặc dù vinh quang Đức Chúa Trời đầy dẫy đền tạm, nhưng đền tạm vẫn là công trình dưới đất bởi tay người dựng nên từ những vật liệu thuộc về đất.

Vì là công trình thuộc về đất, nên đền tạm này có nhiều khiếm khuyết. Trước hết, đền tạm cần phải được gia cố nhiều. Nó còn bị giới hạn về địa lý: nếu được dựng lên ở một nơi, vậy sẽ không thể hiện diện ở nơi khác. Đền tạm có thể bị tháo dỡ và dời dời từ chỗ này sang chỗ khác. Đền tạm cũng chỉ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên chớ không thuộc về cả thế giới.

b. *Đền tạm là kiểu mẫu của một điều cao trọng hơn* (He 9:2-5). Tác giả liệt kê các phần và đồ dùng của đền tạm, vì mỗi phần mang một ý nghĩa thuộc linh. Đó là những kiểu mẫu “chỉ về các vật trên trời” (He 9:23). Dưới đây là sơ đồ mô tả hình ảnh tổng quát của đền tạm.

Nhóm từ “phần thứ nhất” (9:2) và “phần thứ hai” (9:7) chỉ về ranh giới thứ nhất và ranh giới thứ hai của đền tạm. Phần thứ nhất gọi là nơi thánh, còn phần thứ hai gọi là nơi chí thánh. Mỗi phần của đền tạm đều có các vật dụng riêng. Mỗi vật dụng mang một ý nghĩa đặc biệt. Trong nơi thánh có một chân đèn bằng vàng ròng với 7 ngọn đèn (Xu 25:31-40 27:20-21 37:17-24). “chân đèn” là thuật ngữ chính xác được dùng trong Kinh Thánh (chớ không phải “cây nến”), vì ánh sáng phát ra từ các tim dầu chớ không từ cây nến nào. Đền tạm không có cửa sổ, nên chân đèn này cung cấp ánh sáng cần thiết để các thầy tế lễ hành sự trong nơi thánh. Dân Y-sơ-ra-ên được xem là “sự sáng cho các dân ngoại” (Es 42:6 49:6). Chúa Giê-xu Christ là “sự sáng của thế gian” (Gi 8:12) nên người tin nhận Ngài cũng phải “chiếu sáng như đuốc trong thế gian” (Phi 2:14-15).

Nơi thánh còn có một cái bàn, trên đó để 12 ổ bánh gọi là bàn bánh trần thiết (Xu 25:23-30 37:10-16 Le 24:5-9). Mỗi kỳ lễ Sa-bát các thầy tế lễ sẽ cất những ổ bánh cũ và dâng lên những ổ bánh mới. Họ ăn những ổ bánh cũ này. Những ổ bánh dâng lên được gọi là “bánh trần thiết” nên bàn để bánh cũng được gọi là “bàn bánh trần thiết”. Chỉ những thầy tế lễ mới được phép ăn bánh và họ phải ăn trong nơi thánh. Mười hai ổ bánh được dâng lên cho Đức Chúa Trời để kỷ niệm 12 chi phái đã được Ngài chọn. Bánh đó cũng cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu Christ hôm nay là “Bánh của sự sống” ban cho cả thế gian (Gi 6:1-71).

Bàn thờ xông hương bằng vàng trong nơi thánh được đặt ngay trước bức màn phân cách hai phần của đền tạm. Từ “lư hương” (dụng cụ để đốt hương liệu) được đề cập ở He 9:4 thật ra là “bàn thờ”. Bàn thờ xông hương bằng vàng này không ở trong nơi chí thánh, nhưng chức việc ở bàn thờ có liên quan đến nơi chí thánh. Bằng phương cách nào? Vào ngày lễ chuộc tội hằng năm, thầy tế lễ cả phải dùng than đỏ hực nơi bàn thờ này để đốt hương trước nắp thi ân phía trong bức màn (Le 16:12-14). Môi-se (Xu 40:5) liên hệ bàn thờ xông hương bằng vàng với hòm bằng chứng và tác giả sách I Các Vua (IVua 6:22) cũng vậy. Mỗi buổi sáng và buổi chiều, thầy tế lễ đều đốt hương trên bàn thờ xông hương. Đa-vít ví sánh hành động này như sự cầu nguyện thấu đến Đức Chúa Trời (Thi 141:2). Hình ảnh dâng hương có thể là ý nghĩa nhắc rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng cầu thay chúng ta (Ro 8:33-34). Để biết thêm chi tiết về bàn thờ xông hương, mời bạn xem Xu 30:1-10 37:25-29. Hương liệu thánh được mô tả ở sách Xu 30:34-35

Nơi chí thánh chỉ có một hòm giao ước bằng gỗ bè dài 3 ¾ feet (1m,14), bè ngang và bè cao đều 2 ¼ feet (0m,68). Phía trên hòm là nắp thi ân bằng vàng ròng rực rỡ, có gắn tượng Chê-ru-bin ở mỗi đầu. Đây chính là nơi ngự của Đức Chúa Trời trong đền tạm (Thi 80:1 99:1 Xu 25:10-22). Vào ngày lễ chuộc tội, huyết con sinh tế được rưới trên nắp thi ân, bao phủ hai bảng luật trong hòm. Đức Chúa Trời không nhìn vào luật pháp đã bị vi phạm, nhưng Ngài nhìn vào huyết. Đấng Christ là “nắp thi ân của chúng ta (là “của lễ chuộc tội” trong I Gi 2:2 Ro 3:25). Nhưng huyết Ngài đổ ra không chỉ che đậy tội lỗi, mà còn cất đi tội lỗi.

Hắn có nhiều chân lý thuộc linh ẩn chứa trong từng vật dụng của đền tạm và có giá trị. Nhưng chân lý thuộc linh quan trọng nhất là: Mọi hình thức này chỉ là hình bóng, chớ không phải là hiện thực thuộc linh. Điều này khiến cho đền tạm thời Cựu Ước chưa đạt đến mức cao trọng.

c. *Đền tạm là nơi dân sự không thể vào* (He 9:6-7). Chúng ta đừng tưởng dân sự tập trung trong đền tạm để thờ phượng Đức Chúa Trời. Chỉ có thầy tế lễ và những người Lê-vi mới được phép vào khu vực này ngoài họ ra, người thuộc các chi phái khác không thể vào được. Hơn thế, dù các thầy tế lễ hằng ngày hành sự trong nơi thánh, nhưng chỉ có thầy tế lễ thượng phẩm mới có thể bước vào nơi chí thánh và chỉ bước vào một lần trong năm. Khi phục sự, thầy tế lễ thượng phẩm phải dâng của lễ chuộc tội cho mình cũng như của lễ chuộc tội cho dân sự. Trái lại, đền thánh trên trời luôn mở cửa cho dân Chúa bước vào (10:19-25)!

d. *Đền tạm không tồn tại lâu dài* (He 9:8). Phần thứ nhất của đền tạm (He 9:6) là chứng cứ công tác cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho con người chưa được hoàn tất. Phần thứ nhất của đền tạm đã phân cách con người với nơi chí thánh. Bao lâu các thầy tế lễ còn thi hành chức vụ trong nơi thánh, con đường dẫn đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời vẫn chưa được mở ra. Nhưng, khi Chúa Giê-xu Christ chịu chết trên thập tự giá, bức màn trong đền thờ bị xé toạc từ trên chí dưới (Mat 27:50-51) mở đường vào trong nơi chí thánh. Giờ đây, nơi thánh, nơi chí thánh không còn cần thiết nữa, bởi tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu Christ có thể bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

e. *Lễ nghi trong đền thờ là hình thức bên ngoài* (He 9:9-10). Những của lễ được dâng lên hay huyết con sinh tế rưới trên nắp thi ân chẳng bao giờ có thể biến cải lòng người hay lương tâm kẻ thờ phượng. Mọi nghi thức diễn ra trong đền tạm có liên quan đến sự thanh sạch về hình thức, chứ không phải sự thanh sạch về đạo đức. Đó chỉ là “mạng lưới của xác thịt” (c.10) dành cho con người bên ngoài, nhưng không thể thay đổi con người bên trong.

2. Nơi thánh cao trọng trên trời (He 9:11-28)

Năm nhược điểm của nơi thánh thời Cựu Ước đã được nêu trên bày tỏ 5 tính ưu việt của nơi thánh trong Giao ước mới. Ở bất cứ phương diện nào nơi thánh trong hiện tại luôn là nơi thánh cao trọng:

a. *Ở trên trời* (He 9:11). Tác giả nhấn mạnh sự kiện này trước tiên, vì ông muốn người đọc dồn sự chú ý vào những điều trên trời chứ không phải những điều dưới đất. Mọi điều thuộc về đất (kể cả ngôi đền thờ Do Thái uy nghi kia) rồi cũng mau chóng tiêu tan, nhưng những điều hiện thực thuộc về trời sẽ tồn tại mãi mãi).

Đền tạm thời Cựu Ước do tay người dựng nên (Xu 35:30-35). Nơi thánh của giao ước mới không do tay người tạo dựng. “Không thuộc về đời này” (He 9:11) nghĩa là “không thuộc về sự sáng tạo này”. Đền tạm của Môi-se được làm ra từ những vật liệu thuộc về đất, nhưng nơi thánh trên trời chẳng cần đến những vật liệu ấy (He 9:24). Vì đền thánh trên trời không thuộc về tạo vật, nên không phụ thuộc vào sức tàn phá của thời gian.

“Những sự tốt lành sau này” đã đến rồi! Mọi điều được báo trước qua kiểu mẫu trong đền tạm giờ đã trở thành hiện thực, vì Đấng Christ đang thi hành chức tế lễ trên trời. Đền tạm được thiết kế theo mẫu của nơi thánh trên trời, nhưng hôm nay chúng ta không cần đến. Chúng ta có một đền thánh thật ở trên trời!

b. *Chức vụ ở nơi thánh trên trời có hiệu lực giải quyết tội lỗi* (He 9:12-15). Ở đây chúng ta sẽ thấy những điểm tương phản chứng minh một lần nữa sự cao trọng của chức vụ tế lễ trên trời.

- *Con sinh tế và của lễ chuộc tội của Đấng Christ* (He 9:12). Tác giả sẽ luận về sự khiếm khuyết của con sinh tế trong He 10:1-39 nhưng ở đây ông bắt đầu đặt nền móng cho luận chứng. Chúng ta không cần chứng cứ nào để chứng minh huyết Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn nhiều so với huyết các con sinh tế. Làm sao huyết súc vật có thể giải quyết được nan đề về tội lỗi con người? Chúa Giê-xu Christ đã trở nên một con người để Ngài có thể chịu chết thay cho tội lỗi nhân loại. Sự chết của Ngài mang ý nghĩa tự nguyện. Không thể tin rằng con sinh tế thời Cựu Ước làm được việc ấy! Huyết con sinh tế được thầy tế lễ đem vào nơi chí thánh. Nhưng Chúa Giê-xu Christ đã dâng chính Ngài trước mặt Đức Chúa Trời như của lễ chuộc tội sau cùng và trọn vẹn. Dĩ nhiên, các con sinh tế được dâng lên nhiều lần nhưng Chúa Giê-xu Christ dâng chính Ngài chỉ một lần. Tóm lại, không con sinh tế nào có thể đem lại “sự chuộc tội đời đời”. Huyết chúng chỉ có thể che đậy tội lỗi cho đến kỳ huyết Đấng Christ “cắt tội lỗi thế gian đi” (Gi 1:29). Chúng ta có “sự chuộc tội đời đời” không tùy thuộc nơi công đức hay việc thiện của riêng chúng ta, nhưng được bảo đảm một lần đủ cả bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu Christ.

- *Làm sạch phần xác thịt và làm sạch lương tâm* (He 9:13-14). Những nghi thức thời Cựu Ước không thể thay đổi được lòng người. Điều này không có nghĩa là người thờ phượng Đức Chúa Trời chưa có từng trải về thuộc linh (trong khi họ thực sự tin Đức Chúa Trời). Trọng tâm được đề cập ở đây là sự làm sạch về phần xác thịt (theo nghi thức bên ngoài). Khi người thờ phượng Đức Chúa Trời vâng theo những luật định, người ấy được xưng là tinh sạch. Đây

là sự tinh sạch về xác thịt, chớ không phải sự thanh sạch về lương tâm (về “tro của bò cái to” Dan 19:1-22).

Ở He 8:1-13 của thư tín, chúng ta biết rằng công việc của giao ước mới còn lại đời đời. “Ta sẽ để luật pháp ta trong trí họ và ghi tạc vào lòng” (8:10). Đây là công việc đã được thực hiện bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời (II Co 3:1-3). Nhưng Đức Thánh Linh không thể ngự trong chúng ta nếu Chúa Giê-xu Christ chưa chuộc tội cho chúng ta. Việc làm sạch lương tâm chúng ta không thể được thực hiện bởi nghi thức bên ngoài, nhưng đòi hỏi một quyền năng bên trong. Vì Chúa Giê-xu Christ là Đấng “không tì tích” nên Ngài có thể dâng lên của lễ chuộc tội trọn vẹn.

- *Ơn phước tạm và ơn phước đời đời* (He 9:15). Ơn phước thời Cựu Ước tùy thuộc vào sự đầu phục của con người đối với Đức Chúa Trời. Nếu họ vâng lời Ngài, sẽ được Ngài ban phước. Nhược bằng họ bất tuân, sẽ bị Ngài rút lại phước hạnh. Những ơn phước đó không chỉ mang tính tạm thời mà còn thuộc về thể tục, chẳng hạn như: mưa, mùa bội thu, thoát khỏi kẻ thù, vượt qua bệnh tật, v.v... Cơ nghiệp ở Ca-na-an dành cho dân Y-sơ-ra-ên là ơn phước gắn liền với vật chất. Cơ nghiệp đời đời chúng ta có hôm nay là cơ nghiệp thuộc linh (Eph 1:3). Bạn hãy để ý từ trọng tâm ở đây là “đời đời” – “sự chuộc tội đời đời” (He 9:12) và “cơ nghiệp đời đời” (9:15). Người tin Chúa có thể vững lòng vì mọi sự người ấy có trong Đấng Christ sẽ còn lại đời đời.

He 9:15 khẳng định rằng chẳng hề có sự chuộc tội sau cùng và trọn vẹn dưới thời Cựu Ước. Những vi phạm được che phủ bởi huyết của nhiều con sinh tể, nhưng không thể xoá sạch tội lỗi cho đến kỳ Đấng Christ dâng chính Ngài làm của lễ chuộc tội trên thập tự giá (Ro 3:24-26). Đấng Christ đã hoàn tất sự chuộc tội đời đời, nên chúng ta cũng được dự phần trong cơ nghiệp đời đời.

Khi xem lại 3 điểm tương phản trên, chúng ta có thể hiểu rằng chức vụ của Đấng Christ có hiệu lực giải quyết tội lỗi chúng ta. Công tá trọn vẹn của Ngài trên đất và chức vụ cầu thay Ngài đang thi hành trên trời là những công việc hoàn hảo và hiệu lực.

c. *Chức vụ ở nơi thánh trên trời dựa trên một của lễ đất giá* (He 9:16-23). Từ “giao ước” không chỉ có nghĩa như “hiệp ước”, nhưng cũng mang ý nghĩa “chức vụ và di chúc cuối cùng”. Khi một người viết chúc thư, chúc thư ấy chỉ có giá trị khi người viết chết đi. Cũng một lẽ ấy, Chúa Giê-xu Christ cần phải chịu chết để những điều khoản của giao ước mới có hiệu lực giá trị. “Chén này là giao ước mới trong huyết ta vì các ngươi mà đổ ra..” (Lu 22:20)

Ngay cả giao ước cũ cũng đã được lập ra bằng huyết. Đoạn Kinh Thánh He 9:19-21 được trích từ sách Xu 24:3-8 thuật lại việc Môi-se công bố giao ước cũ cho dân Y-sơ-ra-ên. Sách luật pháp, dân sự, đền thờ và mọi vật dụng trong đó đều được rưới huyết. Đây hẳn là một sự kiện quan trọng.

Huyết không chỉ được sử dụng từ lúc bắt đầu chức vụ của giao ước cũ, mà còn được dùng trong mọi lễ nghi thường xuyên ở đền tạm. Dưới giao ước cũ, con người và các vật dụng phải được tẩy uế bằng huyết, nước hoặc lửa (Dan 31:21-24). Dĩ nhiên đây chỉ là nghi thức làm sạch bên ngoài, nó có nghĩa là con người và các vật dụng đó đã được Đức Chúa Trời chấp nhận. Sự tẩy uế này không thay đổi được bản chất con người hay các vật dụng. Theo nguyên tắc của Đức Chúa Trời, huyết phải bị đổ ra trước khi tội lỗi được tha thứ (Le 17:11). Vì Đức Chúa Trời đã quy định rằng sự tha tội phải qua sự đổ huyết và vì sự thanh tẩy cũng chỉ có được qua sự rảy huyết, như vậy giao ước mới chỉ có hiệu lực qua việc đổ huyết và ứng dụng huyết đó. Kiểu mẫu (đền tạm Cựu Ước) được thanh tẩy bởi sự rảy huyết. Nhưng những nguyên bản

cũng phải được tẩy sạch. Huyết Chúa Giê-xu Christ không chỉ làm sạch lương tâm người tin nhận (He 9:14) mà còn làm sạch chính “các vật trên trời” (He 9:23).

Nơi thánh ở trên trời được sạch như thế nào? Chúng ta có thể hiểu mức độ nơi thánh dưới đất bị ô uế ra sao khi con người tội lỗi đụng đến. Mỗi kỳ lễ chuộc tội hằng năm đền tạm đều được tẩy uế bằng cách rưới huyết (Le 16:12-19). Nhưng làm sao nơi thánh trên trời có thể bị ô uế? Chắc chắn là không vật gì trên trời bị ô uế theo nghĩa đen, vì tội lỗi không thể làm ô nhiễm nơi thánh của Đức Chúa Trời. Nhưng cũng không có vật gì trong đền tạm dưới đất bị ô uế bởi tội lỗi theo nghĩa đen. Vấn đề này có liên quan đến mối liên hệ của con người với Đức Chúa Trời. Huyết rưới trên một vật dụng nào hẳn đã không thay đổi được bản chất của vật đó, nhưng thay đổi được mối liên hệ của Đức Chúa Trời với nó. Đức Chúa Trời có thể bước vào sự tương giao với con người vì có huyết được rưới ra.

Nhờ Chúa Giê-xu Christ, những tội nhân như chúng ta có thể bước vào nơi chí thánh trên trời (He 10:19-22). Đương nhiên, chúng ta đang ở dưới đất về mặt thuộc thể, nhưng về thuộc linh, chúng ta đang ở trong mối tương giao với Đức Chúa Trời tại nơi chí thánh trên trời. Để Đức Chúa Trời có thể tiếp nhận chúng ta vào chỗ đứng trên trời này, huyết Chúa Giê-xu Christ đã phải đổ ra. Chúng ta bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời “nhờ huyết Đức Chúa Giê-xu Christ” (He 10:19)

Đến đây chúng ta có thể tóm tắt luận đề của tác giả. Giao ước cũ được lập bởi huyết và giao ước mới cũng vậy. Nhưng giao ước mới được lập trên cơ sở của một cửa lễ cao trọng, dâng lên ở nơi thánh cao trọng! Những “kiểu mẫu” (thời Cựu Ước) được tẩy uế bằng huyết các con sinh tế, nhưng nơi thánh thật được làm sạch bởi huyết Con Đức Chúa Trời. Đây chính là một cửa lễ đắt giá bội phần!

d. *Chức vụ ở nơi thánh trên trời bày tỏ sự hoàn tất* (He 9:24). Cơ Đốc nhân trong giao ước mới đã nhìn thấy hiện thực. Chúng ta không cậy nhờ thầy tế lễ thượng phẩm trên đất hằng năm vào nơi chí thánh trong đền tạm một lần. Chúng ta đã có thầy tế lễ thượng phẩm trên trời là Đấng bước vào nơi thánh đời đời một lần đủ cả. Ở đó, Ngài cầu thay chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời và Ngài sẽ luôn giữ chức vụ ấy.

Hãy cẩn thận khi tin cậy nơi điều gì kéo đời sống thuộc linh bạn rơi vào tình trạng “bởi tay người làm ra” (9:24). Nó sẽ không tồn tại lâu dài. Đền tạm đã được thay thế bằng đền Salô-môn. Đền thờ ấy bị dân Ba-by-lôn tàn phá khi dân Do Thái thoát khỏi ách nô lệ và trở về quê hương, họ xây dựng lại đền thờ. Nhiều năm sau đó, vua Hê-rôt đã nối rộng và trang trí đền thờ. Nhưng rồi người La Mã lại tàn phá đền thờ ấy và đền thờ từ đó đến nay chưa được xây dựng lại. Hơn nữa, kể từ lúc những bản ghi chép gia phả bị thất lạc hoặc bị huỷ, dân Do Thái không biết rõ ai có thể nhận chức vụ thầy tế lễ. Những điều “bởi tay người làm ra” có thể bị hư mất, nhưng những điều “không bởi tay người làm” sẽ còn lại đời đời.

e. *Chức vụ ở nơi thánh trên trời là công tác sau cùng và trọn vẹn* (He 9:25-28). Không thể có tình trạng chưa trọn vẹn hay tạm thời đối với chức vụ của Chúa chúng ta ở nơi thánh trên trời. Một lần nữa, tác giả lại nêu ra những điểm tương phản rõ nét giữa chức vụ thời Cựu Ước và chức vụ của giao ước mới:

- *Giao ước cũ:*

Những sinh tế dâng lên nhiều lần

Huyết của con sinh tế khác

Che đậy tội lỗi

Rời khỏi nơi chí thánh

Bước ra ngoài chúc phước dân sự

- Giao ước mới:

Một cửa lễ duy nhất

Huyết của Chúa

Cắt tội lỗi đi

Bước vào nơi chí thánh trên trời và ở đó

Sẽ đến đem dân Chúa lên trời

Tóm lại, công việc của Đấng Christ là công tác cuối cùng đã hoàn tất và còn lại đời đời. Trên cơ sở này, Ngài đang cầu thay chúng ta trên trời.

Bạn có để ý thấy từ “hiện ra” được đề cập 3 lần trong He 9:24-28 không? Ba lần sử dụng từ ấy cho chúng ta một tóm tắt về công tác Đấng Christ, Ngài đã “hiện ra” để cắt tội lỗi đi bằng cách chịu chết trên thập tự giá (9:26). Hôm nay Ngài đang “hiện ra” để đem những người tin nhận đến quê hương trên trời (9:28). ba ý nghĩa của sự hiện ra này đều dựa trên cơ sở công tác Ngài đã hoàn tất.

Sau khi đọc đoạn Kinh Thánh này, chắc hẳn các tín hữu Hê-bơ-rơ phải nhận biết rằng sẽ không thể có tư tưởng trung lập. Họ phải có một sự chọn lựa giữa những điều thuộc về đất hoặc thuộc về trời, những điều tạm bợ hoặc những điều còn lại đời đời, sự chưa trọn vẹn hoặc sự trọn vẹn. Vì sao họ không nên trở lại với đền thờ mà phải sống bởi đức tin Cơ Đốc? Tại sao không được chọn sự ưu việt của cả hai thế giới? Bởi vì, hành động đó mang tính thoả hiệp và chối từ “ra ngoài trại quân đặng đi tới cùng Ngài, đồng chịu điều sỉ nhục” (He 13:13). Vì vậy không thể có lối sống trung lập!

Nơi thánh của Cơ Đốc nhân là nơi thánh trên trời. Cha của chúng ta và Đấng Christ của chúng ta đều ở trên trời. Cha của chúng ta và Đấng Christ của chúng ta đều ở trên trời. Quyền công dân của chúng ta ở trên trời (Phi 3:20) nên của cải chúng ta cũng phải để trên trời (Mat 6:19). Vì vậy, sự trông cậy chúng ta ở trên trời. Cơ Đốc nhân thật phải bước đi bằng đức tin chớ không bởi ngoại cảnh, bất chấp điều gì có thể xảy ra trên đất, Cơ Đốc nhân vẫn có thể vững vàng, bởi mọi sự đã được chuẩn bị ở trên trời.

9. CỬA LỄ CAO TRỌNG (He 10:1-39)

Mẹ của một thiếu niên kia phải đi thăm viếng xa, nên cậu cảm thấy thời giờ trôi qua thật chậm chạp. Cậu quyết định đọc một cuốn sách trong tủ sách gia đình. Mẹ cậu vốn là một Cơ Đốc nhân sốt sắng, nên cậu thừa biết trong sách sẽ có bài giảng luận mở đầu và phần ứng dụng ở cuối sách, nhưng chắc cũng có kèm theo mấy mẩu chuyện hấp dẫn trong phần nội dung.

Trong khi đọc sách, cậu gặp phải nhóm từ “công tác đã được trọn của Đấng Christ”, tạo cho cậu một ấn tượng kỳ lạ. Cậu tự hỏi: “Tại sao không nói sự chuộc tội hay tế lễ văn hời của Đấng Christ nhỉ?” (Bạn thấy đấy, cậu ta cũng biết thuật ngữ Kinh Thánh nữa, nhưng không biết Đấng Christ!). Rồi những chữ “mọi sự đã được trọn” thoáng loé lên trong đầu cậu, và cậu nhận biết ngay đó là công tác cứu rỗi đã được hoàn tất.

“Nếu cả công tác này đã được hoàn tất và mọi nợ tội đã được trả xong, vậy tôi còn phải làm chi nữa?” Cậu biết lời giải đáp nên quỳ xuống tiếp nhận Đấng Christ để được Ngài tha thứ. Đó là kinh nghiệm được Chúa cứu rỗi của J.Hudson Taylor, người sáng lập ra Hội truyền giáo Trung Hoa lục địa.

He 10:1-39 của thư tín Hê-bơ-rơ nhằm luận về của lễ trọn vẹn của Chúa so với những của lễ chưa trọn vẹn được dâng lên dưới thời Cựu Ước. Chức tế lễ cao trọng của Chúa chúng ta thuộc về một dòng cao trọng: ban Mên-chi-xê-đéc chứ không phải ban A-rôn. Chức tế lễ của Ngài được thực hiện dựa trên một giao ước cao trọng – giao ước mới, trong một nơi thánh cao trọng ở trên trời. Nhưng tất cả điều này tùy thuộc vào một của lễ tốt hơn, là chủ đề của đoạn Kinh Thánh này.

Tác giả trình bày 3 lợi ích giải thích lý do tế lễ của Chúa Giê-xu Christ cao trọng hơn mọi của lễ thời Cựu Ước.

1. Tế lễ của Đấng Christ cất tội lỗi đi (He 10:1-10)

Tội lỗi đương nhiên là một nan đề lớn nhất của con người. Dù con người khhoác lên mình một lớp áo tôn giáo nào đi nữa, vẫn không có ích lợi gì nếu tôn giáo ấy không có khả năng giải quyết tội lỗi. Về bản chất, con người vốn là tội nhân và sự lựa chọn của con người chứng tỏ bản chất con người là tội lỗi. Thật hữu lý khi có người nói: “Không phải chúng ta là tội nhân vì phạm tội. Chúng ta phạm tội vì chúng ta vốn là tội nhân”.

a. *Nhu cầu về một của lễ cao trọng hơn* (He 10:1-4). Vì sao của lễ thời Cựu Ước chưa đạt đến mức cao trọng? Xét cho cùng, đó là những của lễ được Đức Chúa Trời chỉ định và được thực hiện hằng trăm năm qua. Có những lúc của lễ dân Do Thái dâng lên bị xem là những lễ nghi trống rỗng (Es 1:11-15), nhưng cũng có nhiều người chân thành dâng của lễ cho Đức Chúa Trời và được Ngài ban phước.

Chính bản chất của những của lễ thời Cựu Ước đã khiến chúng ta chưa đạt đến mức cao trọng. Luật pháp chỉ là “bóng của sự tốt lành ngày sau” chứ không có “hình thật”. Nghi thức tế lễ là “kiểu mẫu” hoặc hình ảnh công tác Đấng Christ sẽ thực hiện trên thập tự giá. Như vậy, nghi thức ấy có tính chất tạm thời, nên không thể hoàn tất được điều gì bền vững. Việc lập lại việc dâng sinh tế ngày này sang ngày nọ, lễ chuộc tội năm này sang năm kia đã bày tỏ sự khiếm khuyết của mọi nghi thức này.

Con sinh tế không bao giờ có thể giải quyết dứt điểm tội lỗi con người. Đức Chúa Trời hứa ban sự tha thứ cho những người thờ phượng Ngài có lòng tin thật (Le 4:20,26,31,35), nhưng đây là sự tha thứ thuộc về luật pháp, chứ không thể cất bỏ tội lỗi khỏi lòng người. Con người không có chứng cứ trong lòng về sự tha thứ trọn vẹn. Họ không thể tuyên bố “tôi không còn biết tội nữa”. Nếu kẻ thờ phượng Đức Chúa Trời đã một lần được sạch (khỏi tội) rồi”, có lẽ họ đã không cần dâng những của lễ khác!

Vì vậy, đại lễ chuộc tội hằng năm đã không thực hiện được điều gọi là “không nhớ đến tội lỗi”, mà chỉ càng “nhắc cho nhớ lại tội lỗi”. Việc lặp đi lặp lại các nghi lễ hằng năm là chứng cứ cho thấy những sinh tế của bao năm trước đã không làm được nhiệm vụ trên. Thật vậy, tội lỗi dân sự dù được che đậy, nhưng không được tẩy sạch. Dân sự không có chứng cứ nội tâm về việc Đức Chúa Trời đã tha thứ và chấp nhận họ.

Vâng, nhất thiết cần có một của lễ cao trọng hơn, vì huyết của bò đực và dê đực không thể cất đi tội lỗi. Huyết con sinh tế có thể che đậy tội lỗi và trì hoãn sự đoán phạt, nhưng chẳng bao giờ có thể làm cho sự chuộc tội có hiệu lực một lần đủ cả. Chỉ có tế lễ cao trọng của Con Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện được điều đó.

b. *Của lễ cao trọng được cung ứng* (He 10:5-9). Chính Đức Chúa Trời đã ban ra của lễ này, chứ không phải con người. Đoạn Kinh Thánh này được trích từ Thi 40:6-8 ứng dụng cho Chúa Giê-xu Christ khi Ngài hiện thân trên đất (“Đấng Christ khi vào thế gian...”). Đoạn trích dẫn này cho thấy Chúa Giê-xu Christ là sự ứng nghiệm về những của lễ thời Cựu Ước.

Từ”của lễ” chỉ về bất cứ con sinh tế nào. Việc dâng của lễ bao gồm vật thực cùng thức uống. Của lễ thiêu và của lễ chuộc tội cũng được đề cập đến (He 10:5,8). Lễ vật được dâng lên vì sự vi phạm được bao gồm trong từ ngữ “của lễ” (10:5). Mỗi lễ vật đều tiêu biểu cho tế lễ của Đấng Christ và bày tỏ một khía cạnh nào đó của công tác Ngài trên thập tự giá (Le 1:1-7:38).

Câu “Chúa đã sắm sửa một thân thể cho tôi” (He 10:5) không có trong bản gốc. Thi 40:6 chép: “Chúa đã mở tai tôi”. Tác giả Hê-bơ-rơ muốn trích dẫn câu Kinh Thánh trên theo bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp (bản dịch Septuagint). Chúng ta giải thích sự khác biệt này ra sao? Câu “Chúa đã mở tai tôi” có liên hệ với đoạn Kinh Thánh Xu 21:1-6 mô tả hành động của chủ khi kẻ tội tở của mình không muốn được trả tự do. Chủ sẽ sờ lỗ tai đầy tở làm dấu hiệu cho biết đầy tở này muốn ở lại với chủ. Đây cũng là ý nghĩa Chúa Giê-xu Christ như một tội tở sẵn sàng chịu “sờ lỗ tai”.

Có lẽ việc “mở tai” (Es 50:4-6) là dấu hiệu của sự sẵn sàng nghe và vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã ban cho Con Ngài một thân thể đã được chuẩn bị trước để có thể hầu việc Đức Chúa Trời và thực hiện ý muốn Ngài trên đất. Chúa chúng ta cũng thường liên hệ đến chân lý này (Gi 4:34 5:30 6:38 17:4).

Dĩ nhiên, chính Đức Thánh Linh là Đấng hà hơi trên Thi 40:1-17 có quyền sử dụng và giải thích Lời Ngài qua He 10:1-39. “Tai được mở” chỉ về một thân thể được chuẩn bị để hầu việc.

Hai lần trong đoạn này tác giả xác định rằng Đức Chúa Trời “chẳng muốn” của lễ thời Cựu Ước (He 10:6,8). Điều này không có nghĩa là những của lễ trước kia không hợp cách hay kẻ thờ phượng thật tâm không được hưởng ích lợi gì từ luật pháp Đức Chúa Trời. Nhưng ý nghĩa được bày tỏ ở đây là: Đức Chúa Trời không hài lòng những của lễ được dâng lên không bởi tấm lòng vâng phục của kẻ thờ phượng. Không một con sinh tế nào có thể thay thế cho sự vâng phục (ISa 15:22 Thi 51:16-17 Es 1:11,19 Gie 6:19-20 Os 6:6 Am 5:20-21).

Chúa Giê-xu Christ đã đến để làm theo ý Cha Ngài, ý muốn này chính là giao ước mới thay thế cho giao ước cũ. Bởi sự chết và sự sống lại, Chúa Giê-xu Christ đã bỏ giao ước trước để lập giao ước sau. Đối tượng đọc thư tín Hê-bơ-rơ có lẽ đã nhận được sứ điệp: tại sao phải quay lại với một giao ước đã bị cất bỏ? Tại sao phải dâng những của lễ chưa được cao trọng?

c. *Hiệu lực về của lễ cao trọng* (He 10:10). Người tin Chúa được biệt riêng ra (được “nên thánh”) bởi Đấng Christ đã dâng chính Ngài một lần đủ cả: Người thờ phượng Đức Chúa Trời thời Cựu Ước phải được tẩy uế nhiều lần khỏi sự ô uế về mặt hình thức. Nhưng thánh đồ của giao ước mới được nên thánh trọn vẹn đời đời.

2. Tế lễ của Đấng Christ không cần dâng nhiều lần (He 10:11-18)

Một lần nữa, tác giả so sánh thầy tế lễ thượng phẩm thời Cựu Ước với Chúa Giê-xu Christ, thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta. Sự kiện Chúa Giê-xu Christ thăng thiên và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời đã chứng minh rằng công tác Ngài được hoàn tất (He 1:3,13 8:1). Chức vụ của các thầy tế lễ trong đền tạm chẳng bao giờ chấm dứt và không có gì khác biệt: họ đều dâng lên cùng một của lễ hết ngày này sang ngày khác. Lễ nghi lặp đi lặp lại này chứng tỏ của lễ họ dâng lên đã không thể cất đi tội lỗi. Điều mà muôn vàn của lễ không thể thực hiện được, thì Chúa đã làm trọn bởi một của lễ đời đời!

Động từ “ngồi” (He 10:12) nhắc ta nhớ đến Thi 110:1 “Hãy ngồi bên hữu ta cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch ngươi làm bệ chân cho ngươi”. Đấng Christ hiện ở nơi vinh hiển cao trọng. Khi Ngài tái lâm, Ngài sẽ chiến thắng mọi kẻ thù và lập vương quốc công bình của Ngài. Những ai tin nhận Ngài không hề sợ hãi, vì họ đã “được trọn vẹn đời đời” (He 10:14)

và “nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự” (Co 2:10). Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta có một địa vị trọn lành bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu Christ.

Làm sao chúng ta biết mình có một địa vị trọn lành trước mặt Đức Chúa Trời? Vì lời chứng của Đức Thánh Linh qua Kinh Thánh (He 10:15-18). Lời chứng của Đức Thánh Linh dựa trên nền tảng của công tác Con Đức Chúa Trời đã thực hiện và được bày tỏ qua Lời Kinh Thánh. Tác giả (He 10:16-17) trưng dẫn sách Gie 31:33-34 làm một phần cho bài giảng của ông (cũng được ông nêu ở He 8:7-12). Tín hữu thời Cựu Ước không thể nói rằng mình “không còn biết tội nữa” (He 10:2). Nhưng tín hữu thời có thể tuyên bố rằng tội lỗi cùng những vi phạm mình không còn bị nhớ đến nữa. “Không cần dâng của lễ vì tội lỗi nữa” (He 10:18) và chẳng còn sự nhắc nhớ về tội lỗi nữa.

Tôi có dịp tiếp xúc với một chuyên gia tâm thần học vốn là người tin Chúa. Những bài thuyết trình của ông rất hợp với tư tưởng Kinh Thánh. Ông cho tôi biết: “Nạn đề của tâm thần học chính ở chỗ nó chỉ có thể xử lý các triệu chứng. Một bác sĩ về tâm thần có thể giúp bệnh nhân thoát khỏi cảm giác về tội lỗi, nhưng không thể cất đi tội lỗi. Tội lỗi giống như người lái xe tải tháo lỏng tám chắn trên xe nên không nghe tiếng va đập của động cơ. Bệnh nhân có thể đi đến chỗ có cảm giác khá hơn, nhưng rơi vào hai nạn đề thay vì một nạn đề!”.

Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ mọi tội lỗi người ấy được tha thứ Tội lỗi đã được cất đi và nạn đề được giải quyết trọn vẹn một lần đủ cả.

3. Tế lễ của Đấng Christ mở đường đến Đức Chúa Trời (He 10:19-39)

Không một tín đồ nào ở thời Cựu Ước đủ can đảm bước vào nơi chí thánh trong đền tạm. Ngay cả thầy tế lễ thượng phẩm cũng chỉ bước vào đó một lần duy nhất trong năm. Bức màn dày phân cách nơi thánh với nơi chí thánh là một rào chắn giữa Đức Chúa Trời và con người. Chỉ có sự chết của Đấng Christ mới có thể xé toang bức màn ấy (Mac 15:38) và mở đường vào nơi thánh trên trời, là nơi ngự của Đức Chúa Trời.

a. *Lời mời gọi ân cần* (He 10:19-25) “Chúng ta ... (hãy) đến gần Chúa... hãy cầm giữ... hãy coi sóc nhau”. Ba lời kêu gọi này giục chúng ta dạn dĩ bước vào nơi chí thánh. Và sự dạn dĩ này dựa trên công tác đã hoàn tất của Đấng Christ. Vào ngày lễ chuộc tội, thầy tế lễ thượng phẩm không thể bước vào nơi chí thánh nếu không dâng huyết con sinh tể (He 9:7). Nhưng, con đường dẫn chúng ta vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời không nhờ huyết con sinh tể, mà bởi huyết của Đấng Christ đã đổ ra.

Con đường rộng mở dẫn đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời là con đường “mới (nghĩa là “gần đây, vừa mới có”) chứ không thuộc về giao ước cũ “đã già” và “gần tiêu mất đi” (He 8:13). Đây là con đường “sống” vì Đấng Christ là Đấng “hằng sống để cầu thay” cho chúng ta (7:25) Đấng Christ là con đường “mới và sống”! Chúng ta đến với Đức Chúa Trời nhờ Ngài. Thầy tế lễ thượng phẩm trông coi nhà Đức Chúa Trời (tức Hội Thánh 3:6). Khi thân thể Ngài tan nát trên thập tự giá và sự sống Ngài bị hy sinh, Đức Chúa Trời bèn xé toang bức màn trong đền thờ. Sự kiện này đánh dấu giai đoạn con đường mới và sống giờ đây được mở ra cho mọi kẻ tin nhận.

Trên cơ sở những điều chắc chắn này, chúng ta có sự dạn dĩ để bước vào nơi chí thánh, vì chúng ta có một thầy tế lễ thượng phẩm hằng sống và nhận được một lời mời ân cần để bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Thầy tế lễ Cựu Ước vào nơi chí thánh chỉ một lần trong năm, nhưng chúng ta được mời gọi ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời mọi ngày mọi lúc. Thật là một đặc quyền kỳ diệu biết bao! Bạn hãy suy gẫm những điều có liên quan đến 3 lời mời gọi sau:

- *Hãy “đến gần”* (He 10:22). Dĩ nhiên, chúng ta phải sửa soạn tâm linh mình để giao thông với Đức Chúa Trời. Thầy tế lễ thời Cựu Ước phải thực hiện các thủ tục tẩy rửa khác nhau và rưới huyết vào ngày lễ chuộc tội (Le 16:1-34). Trong chức vụ hằng ngày, thầy tế lễ cũng phải rửa tay chân trong thùng nước trước khi bước vào nơi thánh (Xu 30:18-21). Cơ Đốc nhân trong giao ước mới phải đến với Đức Chúa Trời bằng một tấm lòng thật thà và một lương tâm thanh sạch. Mỗi giao thông với Đức Chúa Trời đòi hỏi sự thanh sạch (IGi 1:5-2:2).

- *Hãy “cầm giữ”* (He 10:23). Đối tượng đọc thư tín Hê-bơ-rơ là những tín hữu bị cám dỗ từ bỏ niềm tin nơi Chúa Giê-xu Christ để trở lại với hình thức thờ phượng thời Cựu Ước. Tác giả không kêu gọi họ cầm giữ sự cứu rỗi vì sự an toàn của họ ở nơi Đấng Christ chớ không ở trong chính bản thân họ (7:25). Tác giả kêu gọi họ cầm giữ “sự làm chứng (sự xưng nhận) về điều trông cậy”. (Bản Kinh Thánh không nói đến từ “đức tin”. Từ Hy Lạp là “hy vọng”).

Chúng ta để ý sẽ thấy bài học về thư tín Hê-bơ-rơ nhấn mạnh đến sự hy vọng vinh hiển của Cơ Đốc nhân. Đức Chúa Trời muốn “đem nhiều con đến sự vinh hiển” (2:10) Cơ Đốc nhân là những “kẻ dự phần ơn trên trời gọi” (3:1) và vì vậy có thể vui mừng trong hy vọng (3:6). Hy vọng là một trong những chủ đề của Hê-bơ-rơ chương 6 (6:11-12,18-20). Chúng ta đang trông đợi Đấng Christ tái lâm (9:28) và đang tìm một thành hầu đến (13:14).

Khi một Cơ Đốc nhân đặt hy vọng mình nơi Đấng Christ và tin tưởng sự thành tín của Đức Chúa Trời, người ấy sẽ không bị dao động. Thay vì quay lại phía sau (như dân Do Thái từng hành động). Chúng ta hãy nhìn về phía trước để trông đợi sự trở lại của Chúa.

- *Hãy coi sóc nhau* (He 10:24-25). Bạn đừng bao giờ để mỗi giao thông của mình với Đức Chúa Trời trở nên ích kỷ. Chúng ta cũng phải giữ mối liên hệ với các tín hữu khác trong Hội Thánh. Trong thực tế, có một số tín hữu yếu đuối muốn tách mình khỏi mỗi thông công với Hội Thánh. Điều đáng chú ý ở đây là trọng tâm nói về những điều mà một tín hữu có thể đóng góp cho Hội Thánh chớ không nói về điều người ấy nhận được từ Hội Thánh. Tinh thần trung tín trong sự nhóm lại khích lệ được kẻ khác và khuyên giục họ về “lòng yêu thương và việc tốt lành”. Sự tái lâm mau chóng của Chúa Giê-xu Christ là một trong những động cơ mạnh mẽ cho sự trung tín. Từ “nhóm lại” (10:25) còn được gọi là “hội hiệp” ở IITe 2:1 để chỉ về sự tái lâm của Đấng Christ.

Ba đức tính cao trọng của Cơ Đốc nhân được thể hiện ở đây là: đức tin (He 10:22) sự hy vọng (10:23) và lòng yêu thương (10:24). Đó là những bông trái từ mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời ở nơi thánh trên trời.

b. *Lời khuyên quan trọng* (He 10:26-31). Đây là lời khuyên thứ 4 thuộc 5 lời khuyên trong thư tín Hê-bơ-rơ. Thư được viết cho những người đã tin Chúa kèm theo những lời khuyên. Tín hữu nào bị “trôi dạt” khỏi Lời Chúa (2:1-4) chẳng bao lâu sẽ bắt đầu nghi ngờ Lời Ngài (3:7-4:13). Sau đó, người ấy sẽ “chậm hiểu” Lời Chúa (5:11-6:20) và trở nên “lười biếng trong đời sống thuộc linh. Tình trạng này sẽ dẫn đến thái độ khinh thường Lời Chúa. Đây cũng là chủ đề của lời khuyên này.

Chúng có về sự khinh thường Lời Chúa là tội lỗi cố phạm. Thì của động từ “cố ý phạm tội” ở He 10:26 có thể hiểu là “Vì nếu chúng ta... tiếp tục cố ý phạm tội”. Lời khuyên răn này không nhằm chỉ về một hành động tội lỗi đặc biệt nào, nhưng nói về một thái độ dẫn đến tình trạng bất tuân tái diễn nhiều lần. Dưới giao ước cũ, không hề có của lễ chuộc tội đã biết nhưng cố ý vi phạm (Xu 21:12-14 Dan 15:27-31). Tội nhân tự phụ nào khi khinh thường luật Môi-se và vi phạm luật ấy, sẽ bị xử tử (Phu 17:1-7). Đây là lý do Đa-vít dặc cầu nguyện như tinh thần Thi 51:1-19. Do cố ý phạm tội, lẽ ra ông phải bị xử tử, nhưng ông khóc lóc cầu xin sự thương xót

của Đức Chúa Trời. Đa-vít biết rằng muôn vàn của lễ vẫn không thể cứu được ông. Những gì ông có thể dâng cho Chúa là của lễ của “lòng đau thương thống hối” (Thi 51:16-17)

Thái độ thiếu khôn ngoan ảnh hưởng ra sao đến mối liên hệ của Cơ Đốc nhân với Đức Chúa Trời? Thái độ ấy khác nào Cơ Đốc nhân “giày đập” Chúa Giê-xu Christ, xem thường huyết báu Ngài đã đổ ra cứu mình (He 10:29) và khinh lờn Đức Thánh Linh. Điều này đi ngược lại ý nghĩa của lời khuyên ở He 10:19-25! Thay vì dạn dĩ bày tỏ đức tin, sự hy vọng và lòng yêu thương, Cơ Đốc nhân sa ngã có hành động và thái độ làm sỉ nhục danh Đấng Christ cũng như Hội Thánh.

Cơ Đốc nhân thuộc dạng như vậy còn có thể trông mong gì nơi Đức Chúa Trời? Người ấy chỉ đợi chờ sự đoán phạt rất nghiêm mà thôi (sự sửa phạt là chủ đề của He 12:1-29). Không cần phải “giảm nhẹ” những từ như “sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét”, “lửa hừng sẽ đốt cháy” (10:27) hay “hình rất nghiêm” (10:29). Qua lịch sử Y-sơ-ra-ên, chúng ta biết rằng hầu như không ai hưởng được cơ nghiệp Đức Chúa Trời hứa ban dù đã được cứu khỏi Ai Cập bởi huyết chiên con. Họ hầu hết đều chết trong đồng vắng. “Cũng có tội đến nỗi chết” (IGi 5:16). Một số tín hữu Cô-rinh-tô đã bị sửa phạt, bị cất khỏi sự sống vì những tội lỗi cố phạm (ICo 11:30 “ngủ” nghĩa là “chết”).

Không phải Đức Chúa Trời lúc nào cũng cất đi sự sống của Cơ Đốc nhân chống nghịch, nhưng Ngài sẽ luôn giải quyết tình trạng của người ấy. Ngài từng phán với dân Y-sơ-ra-ên của Ngài rằng “sự trả thù thuộc về ta”. “Chúa sẽ xét đoán dân mình” (He 10:30 trích từ Phu 32:35). “Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (He 10:31).

Chủ đề chính của thư tín Hê-bơ-rơ nhằm nêu lên vấn đề: “Đức Chúa Trời đã phán ra, còn bạn đang hưởng ứng ra sao đối với Lời Ngài? “Khi dân Y-sơ-ra-ên không tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời, Ngài đã sửa phạt họ. Phao-lô dùng sự kiện này để khuyên răn các tín hữu Cô-rinh-tô trách tội lỗi cố phạm (ICo 10:1-12). Hãy đề ý những gương nêu ra ở đoạn này, nói về những người đã chết vì tội lỗi cố phạm. Khi chúng ta học về chủ đề sự sửa phạt ở He 12:1-29 chúng ta sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về sự sửa phạt kinh khiếp của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài.

Khi xác định rằng lời khuyên này ứng dụng cho Cơ Đốc nhân hôm nay, như không liên quan đến việc mất sự cứu rỗi, tôi không cho rằng sự sửa phạt ấy là vô nghĩa. Ngược lại, mỗi Cơ Đốc nhân càng cần phải vâng lời Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Ngài trong mọi sự. Tấn sĩ William Culbertson, cựu viện trưởng viện thánh Kinh Moody thường khuyên chúng tôi về “những hậu quả đau buồn của tội lỗi đã được tha”. Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi Đa-vít, nhưng Đa-vít vẫn phải chịu hậu quả đau buồn trong những năm sau đó (IISa 12:7-15). Đa-vít phạm tội “khinh bỉ lời Đức Giê-hô-va”, nên Đức Chúa Trời đã sửa phạt ông (IISa 12:9).

Cơ Đốc nhân phải làm gì khi phần thuộc linh bị rơi vào tình trạng nghi ngờ, chậm hiểu và khinh thường Lời Đức Chúa Trời? Người ấy phải ăn năn với Chúa và cầu xin sự thương xót của Ngài. Không có của lễ chuộc tội nào khác ngoài của lễ Đấng Christ đã dâng trọn vì tội lỗi chúng ta. Thật đáng khiếp sợ khi rơi vào bàn tay sửa phạt của Chúa, nhưng cũng thật tuyệt diệu khi rơi vào bàn tay Ngài để được tinh sạch và phục hồi địa vị mình, Đa-vít đã nói: “Ta xin sa vào tay Đức Giê-hô-va, vì sự thương xót của Ngài rất lớn (ISu 21:13).

c. *Lời khẳng định đầy yên ủi* (He 10:32-39). Để người đọc không hiểu sai ý nghĩa của lời khuyên, tác giả tiếp tục dùng lời yên ủi khích lệ họ. Các tín hữu Hê-bơ-rơ tỏ ra chứng cứ cho thấy họ là những Cơ Đốc nhân thật. Tác giả không cho rằng họ khinh thường Lời Chúa và chịu sự sửa phạt của Đức Chúa Trời. Thật ra, như ở He 6:1-20 tác giả chuyển đại danh từ “chúng ta” ở 10:26 thành “người ấy” ở 10:29 và “(những) kẻ” ở 10:39.

Các tín hữu Hê-bơ-rơ từng sẵn sàng chịu sỉ nhục. Bất bớ vì những việc lành. Khi được tha khỏi ngục tù, họ đã dạn dĩ đồng nhất hoá cùng những tín hữu gặp hoạn nạn, thậm chí chịu khổ với những người trong vòng bất bớ. Đó là lúc họ có sự vững vàng và hy vọng lớn, nhưng lúc này họ đang ở trong nguy cơ mất niềm tin và muốn trở lại hình thức tôn giáo cũ.

Bí quyết của sự đắc thắng ở trong đức tin và sự nhịn nhục của họ. Chúng ta đã thấy những ơn phước kèm theo ở He 6:12,15. Ở đây, tác giả giới thiệu một “đề mục” xoay quanh nội dung” người công bình của ta sẽ cậy đức tin mà sống “ (10:38). Câu Kinh Thánh này được trích từ sách Ha 2:4 cũng được ghi lại ở Ro 1:17 và Ga 3:11. Rô-ma nhấn mạnh về “người công bình”, Ga-la-ti luận về việc “sẽ sống” và Hê-bơ-rơ tập trung vào chủ đề “bởi đức tin”. Chúng ta không chỉ được cứu khỏi tội lỗi bởi đức tin, mà còn phải sống bởi đức tin. Đây là chủ đề của He 11:1-13:25

Cơ Đốc nhân nào sống bởi đức tin sẽ “tấn tới sự trọn lành” (He 6:1), nhưng Cơ Đốc nhân nào sống bởi ngoại cảnh sẽ “lui đi cho hư mất” (10:39). Chữ “hư mất” ở đây nghĩa là gì? Từ “hư mất” theo gốc Hy Lạp được sử dụng 20 lần trong Kinh Thánh và được dịch ra bằng những từ khác nhau: “hư mất” (Cong 8:20 Ro 9:22), “phí” (Mat 26:8), “chết” (Cong 25:25). Từ này có nghĩa “sự đoán phạt đời đời” nhưng không nhất thiết áp dụng cho mọi trường hợp. Bản thân tôi cho rằng từ “phí” là từ hợp lý nhất tương đương với nghĩa “hư mất” ở He 10:39 Cơ Đốc nhân nào không bước đi bởi đức tin hẳn sẽ lui đi trong đường lối cũ và làm phí đời mình.

Việc “giữ đức tin cho linh hồn được cứu rỗi” trái nghĩa với việc làm “phí” nó. Bước đi bởi đức tin là làm theo Lời Đức Chúa Trời và sống cho danh Đấng Christ. Chúng ta bỏ sự sống mình vì danh Chúa, nhưng chúng ta sẽ giữ được sự sống! (Mat 16:25-27). Trong chức vụ của tôi, tôi đã từng chứng kiến nhiều người không muốn làm theo ý Chúa và (như dân Y-sơ-ra-ên) họ đã trải qua những năm tháng phí đời mình khi “lang thang trong đồng vắng”.

Tuy vậy, chúng ta hôm nay có thể đứng vững vàng! Khi chúng ta bước đi bởi đức tin, thày tế lễ thượng phẩm cao trọng của chúng ta sẽ dẫn dắt và khiến chúng ta trở nên trọn lành!

10. ĐỨC TIN – NĂNG LỰC VĨ ĐẠI NHẤT TRÊN ĐỜI (He 11:1-40)

Đoạn Kinh Thánh này giới thiệu phần cuối của thư tín Hê-bơ-rơ (He 11:1-13:25) mà tôi gọi là “một nguyên tắc cao trọng – đức tin”. Yếu tố Đấng Christ là Con người cao trọng (1:1-6:20) và việc Ngài thực hiện chức tế lễ cao trọng (7:1-10:39) hẳn khích lệ chúng ta rất nhiều khi đặt niềm tin nơi Ngài. Tín hữu Hê-bơ-rơ, đối tượng của thư tín, bị cám dỗ trở lại với hình thức cũ của Do Thái giáo và đặt niềm tin nơi Môi-se. Niềm tin của họ dựa trên những điều hữu hình của thế gian, chớ không dựa trên những hiện thực vô hình từ nơi Đức Chúa Trời. Thay vì phải “tấn tới sự trọn lành” (trưởng thành), họ lại “lui đi cho hư mất (phí)” (6:1 10:39).

Trong 11:1-40 này tác giả kêu gọi mọi Cơ Đốc nhân phải sống bằng đức tin. Ở đây, tác giả luận đến hai đề tài quan trọng liên quan đến đức tin (Xem phần giải nghĩa He 11:1-40).

1. Sự mô tả về đức tin (He 11:1-3)

Đây không phải là một định nghĩa về đức tin, nhưng là một cách mô tả về việc làm của đức tin và cách hành động của đức tin. Theo tinh thần Kinh Thánh, đức tin thật không phải là thái độ lạc quan mù quáng hay một cảm giác “hy vọng” tự tạo. Cả hai cách giải thích đó đều không thể được chấp nhận đối với một giáo lý. Đức tin dĩ nhiên không đơn giản là tin mà không cần chứng cứ! Đó sẽ là sự mê tín.

Đức tin thật theo Kinh Thánh là sự vâng phục Lời Đức Chúa Trời với lòng tin quyết bất chấp mọi hoàn cảnh và những gì xảy ra quanh mình. Bạn hãy đọc lại câu này và để nó thấm vào lòng và trí bạn.

Đức tin này hành động thật đơn giản. Đức Chúa Trời phán và chúng ta nghe Lời Ngài. Chúng ta phải tin Lời Ngài và làm theo cho dù hoàn cảnh nào hay điều gì sẽ xảy đến có thể gây cho chúng ta sợ hãi và hoang mang, nhưng chúng ta hãy cứ làm theo Lời Đức Chúa Trời bằng sự trung tín và tin rằng Ngài đang làm những điều hợp lẽ có lợi nhất cho chúng ta.

Thế gian hư mất không thể hiểu đức tin thật theo Kinh Thánh, có lẽ vì họ không nhìn thấy đức tin được bày tỏ trong Hội Thánh hôm nay. Chủ biên H.L.Mencken vốn là người có tính hoài nghi đã định nghĩa đức tin như “một niềm tin vô căn cứ về những điều không thể xảy ra”. Thế gian không nhận biết rằng đức tin gần như là mục tiêu của chính nó, vì vậy mục tiêu của đức tin chúng ta là Đức Chúa Trời. Đức tin không phải là “một cảm giác” nào đó được chúng ta tạo ra. Đức tin là sự hưởng ứng trọn vẹn của chúng ta đối với mọi điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua Lời Ngài.

Có 3 từ trong He 11:1-3 tóm tắt ý nghĩa của đức tin thật theo Kinh Thánh: Sự biết chắc vững vàng, bằng cứ và lời chứng. Theo nguyên văn “sự biết chắc vững vàng” nghĩa là “chịu đựng, chống đỡ”. Đối với Cơ Đốc nhân, đức tin giống như nền móng của một ngôi nhà: nó giúp người ấy đứng vững một cách chắc chắn và an toàn. Vì vậy, bạn có thể nói: “Đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đang trông mong...” Khi một Cơ Đốc nhân có đức tin, đức tin đó là cách Đức Chúa Trời ban cho người ấy sự biết chắc vững vàng rằng những điều Ngài đã hứa sẽ được thực hiện.

Bằng cứ đơn giản là “sự biết chắc”. Đây là sự biết chắc trong lòng do Đức Chúa Trời bày tỏ rằng những điều Ngài đã hứa sẽ được thực hiện. Sự hiện diện của đức tin do Đức Chúa Trời gieo vào lòng người chính là sự biết chắc đủ để Cơ Đốc nhân tin rằng Ngài sẽ giữ lời hứa Ngài.

Lời chứng (“được lời chứng tốt”) là từ đầy ý nghĩa trong đoạn Kinh Thánh này. Nó không chỉ xuất hiện ở 11:2 mà còn ở 11:4,39. Đại ý của He 12:1 nhằm gọi những người làm chứng như “đám mây rất lớn”. Họ làm chứng cho chúng ta vì Đức Chúa Trời đã làm chứng cho chính họ trước. Ở mỗi gương điển hình được nêu ra, Đức Chúa Trời đều làm chứng cho đức tin của con người. Lời chứng này là sự tán thành thiêng liêng của Ngài đối với đời sống và chức vụ của họ.

Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ định rõ đức tin là điều có thể nhìn thấy, chứ không như những gì kẻ vô tín suy diễn (11:3). Đức tin giúp chúng ta hiểu công việc Đức Chúa Trời. Đức tin còn giúp ta thấy được những gì kẻ khác không thấy (11:7,13,27). Như một hệ quả, đức tin khiến chúng ta làm được việc kẻ khác bó tay! Người đời cũng từng cười nhạo những Cơ Đốc nhân cao trọng đã bước đi bởi đức tin, nhưng Đức Chúa Trời ở cùng họ và giúp họ đắc thắng, quy vinh hiển cho danh Ngài. Tấn sĩ J.Oswald Sanders diễn đạt một cách trọn vẹn rằng “Đức tin giúp kẻ tin nhận Chúa nhìn tương lai như hiện tại và những điều vô hình như hữu hình”.

Phương cách hữu hiệu nhất để tăng trưởng trong đức tin là phải bước đi bằng đức tin. Phần còn lại của đoạn này tóm tắt về đời sống và công việc của những anh hùng đức tin thời Cựu Ước. Ở mỗi điển hình, bạn sẽ tìm thấy những yếu tố đức tin giống nhau: 1. Đức Chúa Trời phán với họ qua Lời Ngài 2. Con người bên trong của họ được khuấy động theo những phương diện khác nhau 3. Họ vâng lời Đức Chúa Trời 4. Ngài làm chứng về họ.

2. Sự bày tỏ đức tin (He 11:4-40)

a. *A-bên - Đức tin thờ phượng* (He 11:4). Câu chuyện về A-bên được chép trong Sa 4:1-10 A-bên là người được xưng công bình bởi đức tin (Mat 23:35). Đức Chúa Trời bày tỏ cho A-đam cùng hậu tự người cách thờ phượng phải lẽ, và A-bên đã làm theo Lời Đức Chúa Trời bởi đức tin. Thật ra, A-bên đã trả giá cho sự vâng lời của mình bằng mạng sống. Ca-in không phải là con cái Đức Chúa Trời vì đã không sống bởi đức tin (IGi 3:12 Ông chỉ đội lột tôn giáo chứ không phải là người công bình. A-bên “nói” với chúng ta như người tử đạo đầu tiên vì đức tin.

b. *Hê-nóc – Đức tin bước đi* (He 11:5-6). Đức tin chúng ta noi Đức Chúa Trời sẽ tăng trưởng khi chúng ta giữ mối giao thông với Đức Chúa Trời. Chúng ta phải vừa khao khát muốn làm đẹp lòng Ngài, vừa chuyên tâm tìm kiếm Ngài. Cầu nguyện, suy gẫm Lời Chúa, thờ phượng, tiết chế – tất cả những điều này sẽ giúp chúng ta trong bước đường theo Chúa. Hê-nóc bước đi với Đức Chúa Trời giữa một thế giới gian ác trước thời Nươc lụt. Ông vẫn có thể giữ cho đời sống mình luôn thanh sạch. Hê-nóc đã được tiếp lên trời trong một ngày nọ (nghĩa là được cất lên trực tiếp) và không ai nhìn thấy ông kể từ đó. A-bên trải qua một sự chết ghê gớm, nhưng Hê-nóc chẳng hề chết. Đức Chúa Trời có một chương trình riêng cho mỗi người tin cậy Ngài. Một số người nhìn thấy nơi Hê-nóc một hình ảnh tuyệt vời về Hội Thánh khi Đấng Christ tái lâm (ITe 4:13-18).

c. *Nô-ê – Đức tin hành động* (He 11:7). Đức tin của Nô-ê có liên hệ đến cả con người: Trí ông được Đức Chúa Trời khuyên bảo, lòng ông có sự kính sợ Chúa và ý chí ông hành động theo Lời Chúa đã bảo cho mình. Vào thời Nô-ê, chưa có ai nhìn thấy trận nước lụt, thậm chí là một cơn mưa bão. Hành động của Nô-ê hẳn đã gây sự chú ý lớn cũng như sự giễu cợt của người đời. Đức tin của Nô-ê đã ảnh hưởng lớn đến gia đình ông nên họ đều được cứu. Đức tin Nô-ê đã lên án cả thế gian, vì đức tin ông bày tỏ sự vô tín của họ. Sự thật xảy ra đã chứng minh hành động đúng đắn của Nô-ê. Chúa Giê-xu Christ cũng dùng sự kiện này để khuyên mọi người sẵn sàng khi Ngài trở lại (Mat 24:36-42). Vào thời Nô-ê, người ta chỉ quan tâm đến những hoạt động thường nhật chứ không hề để tâm gì đến lời chứng của Nô-ê (IPhi 2:5)

d. *Các Thánh tổ – Đức tin chờ đợi* (He 11:8-22). Trọng tâm của phân đoạn này nói về lời hứa của Đức Chúa Trời và chương trình Ngài dành cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (He 11:9,11,13,17). Dân tộc này được hình thành từ sự kiện Áp-ra-ham được kêu gọi. Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham và Sa-ra một con trai, nhưng họ phải chờ suốt 25 năm để lời hứa được ứng nghiệm. Con trai họ là Y-sác đã trở nên cha của Gia-cốp và Ê-sau, và chính Gia-cốp đã thực sự lập lên dân tộc này bởi sự ra đời của 12 con trai. Giô-sép đã cứu dân tộc này trong đất Ai Cập và sau đó Môi-se giải phóng họ khỏi Ai Cập.

Đối với tôi, sự chờ đợi là một trong những kỷ luật khắc nghiệt nhất trong đời sống. Dầu vậy, đức tin thật có thể sẵn sàng chờ đợi sự ứng nghiệm của chương trình Đức Chúa Trời trong giờ đã định của Ngài. Nhưng trong lúc chờ đợi, chúng ta cũng phải vâng lời: “Bởi đức tin, Áp-ra-ham vâng lời Chúa gọi...” (He 11:8). Ông vâng lời trong lúc không biết rõ mình đi đâu (11:8-10). Ông sống trong những chiếc lều vì là lữ khách giữa thế gian và phải chuẩn bị ra đi bất cứ khi nào Chúa gọi. Hôm nay, Cơ Đốc nhân cũng là những lữ khách trên đất (IPhi 1:1 2:11). Áp-ra-ham chỉ nhìn về thành trên trời và sống cho những điều xảy đến trong tương lai.

Áp-ra-ham cũng vâng lời Chúa dù không biết Đức Chúa Trời sẽ hành động ra sao (He 11:11-12). Cả Áp-ra-ham và Sa-ra đều quá tuổi sinh con, nhưng họ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ làm một phép lạ (Ro 4:13-25). Kẻ vô tín thắc mắc: “Bởi sao tôi biết được điều đó?” (Lu 1:18-

20 (Làm sao điều này có thể xảy ra được?). Người có đức tin chỉ hỏi: “Sự ấy sẽ xảy đến thế nào?” (Lu 1:34-37).

Áp-ra-ham tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời dù không biết thời điểm Đức Chúa Trời sẽ thực hiện lời hứa Ngài (He 11:13-16). Không một thánh tồ nào thấy sự ứng nghiệm trọn vẹn của Lời hứa Đức Chúa Trời, nhưng họ chỉ nhìn thấy những điều Đức Chúa Trời sắp thực hiện “từ đằng xa”. Tiên sĩ George Morrison, một nhà truyền đạo lừng danh người Tô-cách-lan đã nói: “Điều quan trọng không phải là những điều chúng ta đang sống trong đó, nhưng là những điều chúng ta tìm kiếm”. Những nhân vật đức tin này đã sống trong những chiếc lều nhưng họ biết có một thành trên trời chờ đón họ. Đức Chúa Trời luôn luôn thực hiện lời hứa Ngài với những người tin cậy Ngài hoặc nhanh chóng, hoặc vào một thời điểm Ngài định.

Sau hết, Áp-ra-ham đã vâng lời Đức Chúa Trời bởi đức tin dù không biết lý do Đức Chúa Trời hành động (He 11:17-19). Tại sao Đức Chúa Trời muốn Áp-ra-ham phải dâng con trai ông làm của lễ, trong khi chính Ngài đã ban cho ông con trai đó? Mọi lời hứa dành cho dân tộc này trong tương lai đều “tập trung” nơi Y-sác. Những thử thách của đức tin trở nên gay gắt hơn khi chúng ta bước đi với Đức Chúa Trời, nhưng phần thưởng chúng ta sẽ nhận lãnh còn tuyệt vời hơn! Chúng ta cũng đừng quên gương đức tin vâng phục của Y-sác, một người con ở tuổi thiếu niên (Sa 22:1-24).

Trong Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và Giô-sép chúng ta có 4 thế hệ đức tin. Đôi lúc họ cũng trải qua thất bại, nhưng trên cơ bản họ là những anh hùng đức tin. Họ không phải là những người thập toàn, nhưng họ dâng mình cho Đức Chúa Trời và tin nơi Lời Ngài. Y-sác truyền lại những lời hứa của Đức Chúa Trời và chúc phước cho Gia-cốp (Sa 27:1-46). Gia-cốp chúc phước lại cho 12 con trai ông (Sa 48:1-49:33). Gia-cốp là lữ khách cho đến lúc qua đời.

Đức tin của Giô-sép thật đáng chú ý. Có lẽ bạn nghĩ rằng sau khi bị người thân trong gia đình đối xử thậm tệ, Giô-sép sẽ đánh mất đức tin, nhưng trái lại ông càng mạnh mẽ hơn. Ngày cả ảnh hưởng vô tín của dân Ai Cập vẫn không dập tắt được lòng tin cậy của Giô-sép nơi Đức Chúa Trời. Ông không xem tình trạng gia đình, công việc hay hoàn cảnh như một cái cớ cho sự vô tín. Giô-sép biết rõ điều ông tin – rằng Đức Chúa Trời sẽ giải thoát dân Ngài khỏi Ai Cập (Sa 50:24-26). Giô-sép cũng biết nơi ông hưởng cơ nghiệp, đó là vùng đất Ca-na-an chớ không phải Ai-ập. Vì vậy, ông bắt dân sự thê phải đem hài cốt ông ra khỏi Ai Cập vào lúc rời Ai Cập. Và họ đã làm đúng lời hứa! Mời bạn xem Xu 13:19 Gios 24:32

Đức tin của các Thánh tồ xưa thật đáng để chúng ta khâm phục. Họ không có một bộ Kinh Thánh hoàn hảo, nhưng đức tin họ thật mạnh mẽ. Họ truyền lại lời hứa của Đức Chúa Trời cho con cháu đời này sang đời nọ. Dù trải bao thất bại và thử thách, họ vẫn tin cậy Đức Chúa Trời nên Ngài đã làm chứng cho đức tin của họ. Bạn và tôi phải có đức tin mạnh mẽ hơn thế!

e. *Môi-se – Đức tin tranh chiến* (He 11:23-29). Môi-se may mắn có cha mẹ là những người tin kính Chúa. Việc họ giấu con trai mình vượt qua sự kiểm soát của nhà cầm quyền, hẳn là một hành động của đức tin. Câu chuyện này được chép ở sách Xu 2:1-10 Cha mẹ Môi-se là Am-ram và Giô-kê-bết (Xu 6:20). Cha mẹ tin kính có thể tạo một không khí đức tin trong gia đình và làm gương cho con cái noi theo. Gia đình chính là trường đức tin đầu tiên dành cho con cái.

Ba chủ đề lớn về đức tin được thể hiện qua đời sống của Môi-se: Thứ nhất là sự từ chối của đức tin (He 11:24-25). Là con nuôi của công chúa Ai Cập, lẽ ra Môi-se đã có thể hưởng cuộc sống dễ chịu trong cung điện. Nhưng đức tin đã giúp Môi-se từ chối cách sống ấy. Ông chọn con đường chịu khổ cùng dân Đức Chúa Trời. Đức tin thật khiến cho Cơ Đốc nhân biết nắm giữ những giá trị đúng đắn và có những chọn lựa hợp lẽ. Nhóm từ “sự vui sướng của tội

lỗi” không chỉ nói về sự tham muốn của xác thịt hay những tội lỗi gớm ghiếc khác, nhưng mô tả một lối sống mà hôm nay chúng ta gọi là “thành công”: địa vị, danh vọng, quyền thế, của cải cùng những tự do khác.

Sự từ chối của đức tin Môi-se khiến ông sẵn sàng chịu sự sỉ nhục (He 11:26). Bà thị trưởng của một thành phố lớn thuộc nước Mỹ đã dời đến ở khu nhà đổ nát và đầy nguy hiểm để bày tỏ những nan đề và nhu cầu của dân thiểu số ở đây. Nhưng bà cũng giữ cho mình một căn hộ thời thượng và cuối cùng dời khỏi khu ổ chuột ấy. Chúng ta nhìn nhận rằng bà can đảm, nhưng chúng ta càng phải khâm phục Môi-se hơn thế. Ông đã rời khỏi cung điện và mãi mãi không quay lại với cuộc sống cũ! Ông đồng nhất hoá với các nô lệ Do Thái. Những con người có đức tin thường phải chịu hoạn nạn sỉ nhục. Các sứ đồ của Chúa đã chịu khổ vì đức tin. Nếu sự sỉ nhục là bằng chứng của đức tin thật, chúng ta sẽ tự hỏi không biết trong số Cơ Đốc nhân ở đất nước chúng ta hôm nay có bao nhiêu người sống với đức tin thật.

Sau cùng, có một phần thưởng dành cho đức tin (11:26-29). Đức Chúa Trời luôn ban thưởng đức tin thật, hoặc nhanh chóng, hoặc đến kỳ sau rốt. Chẳng màng đến “châu báu xứ Ê-díp-tô”, Môi-se đã nhìn thấy “sự ban thưởng”. Như Tấn sĩ Vance Havner nói: “Môi-se đã chọn điều không hề hư mất, đã nhìn thấy những điều vô hình và đã làm những việc chưa ai từng làm”. Đức tin Môi-se giúp ông dạn dĩ trước mặt Pha-ra-ôn và tin rằng Đức Chúa Trời sẽ thay ông đối địch với kẻ thù. Sự nhẫn nhục của Môi-se không phải là khả năng tự nhiên, vì Môi-se vốn dè dặt và nhút nhát. Sự nhẫn nhục và lòng can đảm này là phần thưởng của đức tin ông.

Đức tin của Môi-se được ban thưởng qua cách Đức Chúa Trời giải cứu ông và dân sự (Xu 11:1-13:22) (Câu chuyện về lễ Vượt qua). Đức tin giúp chúng ta được sống (He 11:28), đưa chúng ta vượt qua khó khăn He 11:29 và đem chúng ta vào nơi bình an He 11:30. Khi tin cậy Đức Chúa Trời, chúng ta tiếp nhận những điều Đức Chúa Trời có thể thực hiện. Nhưng khi tin nơi chính mình, chúng ta chỉ nhận được những gì con người bất toàn có thể làm. Kinh nghiệm của Môi-se là chúng có cho biết đức tin thật theo Kinh Thánh nghĩa là vâng lời Đức Chúa Trời bất chấp mọi hoàn cảnh và hậu quả xảy ra.

Nếu bạn và tôi viết tiếp đoạn này, có lẽ phần kế tiếp sẽ là “Đức tin lạc lối”. Nhưng ở đây không đề cập đến sự thất bại của dân Y-sơ-ra-ên và 40 năm hoang phí. Vì sao? Bởi đó là kinh nghiệm về sự vô tín chứ không phải đức tin! Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ đã dùng kinh nghiệm này ở đoạn He 3:1-4:16 làm minh họa cho tình trạng nghi ngờ Lời Chúa. Nhưng không có chỗ nào trong He 11:1-40 bạn tìm thấy chi tiết về sự thất bại bởi lòng vô tín. Đức tin chỉ ghi lại những đặc thắng mà thôi.

f. *Giô-suê và Ra-háp – Đức tin đặc thắng* (He 11:30-31). Câu chuyện về sự kiện chiếm thành Giê-ri-cô được chép trong Gios 2:1-6:27 Giô-suê là người thay thế Môi-se lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên, và ông cũng đã thành công bởi tin cậy Đức Chúa Trời như Môi-se. Đức Chúa Trời thay đổi kế hoạch Ngài, nhưng không thay đổi nguyên tắc hành động của Ngài. Ngài ban phước cho đức tin và sửa phạt sự vô tín.

Theo quan điểm con người, Giê-ri-cô là một thành phố không dễ gì chiếm được. Dầu vậy, hành động đức tin đầu tiên của Giô-suê không phải là vây hãm thành nhưng là vượt qua sông Giô-đanh. Bởi đức tin, dân tộc này đã vượt qua sông như cha ông họ vượt biển Đỏ vậy. Đây là một bằng chứng, cũng là sự báo trước cho dân Ca-na-an biết rằng dân Y-sơ-ra-ên đang tiến tới trước bằng quyền năng của Đức Chúa Trời.

Ra-háp là một kỹ nữ, không có gì đảm bảo nàng là người có đức tin nơi Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên! Nàng được cứu bởi ân điển, vì mọi cư dân trong thành đều bị định

tội chết. Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và ân điển đã để Ra-háp được sống. Tuy nhiên, nàng được cứu bởi có đức tin. Những điều nàng biết về Đức Chúa Trời được chép trong sách Gios 2:8-14 Ra-háp biết rằng Đức Giê-hô-va đã giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và chính Ngài rẽ biển đỏ ra. Nhưng sự kiện ấy xảy ra 40 năm trước đó! Ra-háp cũng biết rằng Đức Chúa Trời đã đánh bại những dân tộc khác suốt thời gian dân Y-sơ-ra-ên đi trong đồng vắng. “Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ông là Đức Chúa Trời ở trên trời cao kia và ở dưới đất thấp này” (Gios 2:11). Đó là lời chứng cho đức tin của Ra-háp và Đức Chúa Trời đẹp lòng về điều đó.

Ra-háp được cứu bởi việc lành. Đức tin thật phải luôn bày tỏ chính nó qua việc lành (Gia 2:20). Nàng bảo vệ các thám tử, dùng dây đưa họ xuống nơi cửa sổ (Gios 2:15-21). Hành động của nàng cứu được cả gia đình, vì nàng có đức tin thật và trong mọi việc đều vâng theo Đức Chúa Trời (2:13 6:25). Ra-háp không chỉ được giải cứu khỏi sự đoán phạt, nàng còn trở nên một công dân của Y-sơ-ra-ên. Nàng đã kết hôn với Sanh-môn và sinh ra Bô-ô, là tổ phụ của vua Đa-vít (Mat 1:4-6). Bạn hãy hình dung xem, một kỹ nữ vô thần lại trở nên một trong những người thuộc tổ tiên Chúa Giê-xu Christ! Đó là điều đức tin có thể làm được!

Gương Ra-háp hẳn là một sự khiển trách dành cho những kẻ vô tín luôn viện cớ để chối từ Đấng Christ. Tôi thường nghe người ta viện cớ rằng “Tôi không biết nhiều về Kinh Thánh”. Ra-háp biết rất ít về chân lý thuộc linh, nhưng nàng đã hành động theo những gì mình biết. Có một viện cớ khác lên tiếng: “Tôi quá xấu xa nên không được cứu đâu!” Nhưng Ra-háp trước đây vốn là một kỹ nữ ngoại đạo đáng bị lên án! Một viện cớ nữa là “gia đình tôi sẽ nghĩ gì đây?” Mỗi quan tâm đầu tiên của Ra-háp là phải cứu gia đình nàng chớ không phải đối nghịch với họ. Nàng tiêu biểu như một trong những nữ anh hùng đức tin trong Kinh Thánh.

g. *Các anh hùng đức tin khác* (He 11:32-40). - Đức tin có thể hành động trong đời sống của bất cứ ai chịu lắng nghe Lời Đức Chúa Trời và đầu phục ý muốn Ngài. Ở đây chúng ta gặp những con người có cá tính khác nhau. Ghê-đê-ôn vốn là một nông dân nhút nhát với đức tin chưa tăng trưởng mạnh mẽ (Cac 6:11-7:25).

- Ba-rác chiến thắng Si-sê-ra một cách vẻ vang, nhưng vẫn cần nữ tiên tri Ê-đê-bô-ra làm người giúp đỡ và khích lệ ông (Cac 4:1-5:31). Cả Ghê-đê-ôn và Ba-rác là những gương khích lệ chúng ta khi chúng ta nao núng trong đức tin.

- Câu chuyện về Sam-sôn cũng rất quen thuộc (Cac 13:1-16:31). Có lẽ chúng ta không gọi Sam-sôn là con người tin kính, vì ông đã phó mình cho những ham muốn xác thịt. Ông là một Na-xi-rê, nghĩa là người được biệt riêng cho Đức chúa Trời và sẽ không cắt tóc hay uống rượu (không nên nhầm lẫn một Na-xi-rê với một người Na-xa-rét). Sam-sôn tin Đức Chúa Trời luôn giúp đỡ và giải cứu ông. Đến phút cuối cùng, ông vẫn muốn liều mình để đánh bại kẻ thù. Dù vậy chúng ta không nên kết luận rằng Cơ Đốc nhân hôm nay có thể hành động theo hai lối sống mà vẫn hưởng phước Đức Chúa Trời.

- Câu chuyện của Giép-thê có phần hấp dẫn (Cac 11:1-12:7). Dường như không phải ông đã dâng con gái một của mình làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời, vì điều này bị cấm trong Y-sơ-ra-ên. Có lẽ ông dâng con gái cho Đức Chúa Trời trên cơ sở của luật về sự khẩn nguyện (Le 27:1-34), bày tỏ rằng nàng sẽ là trinh nữ trọn đời (Cac 11:34-40).

- Chúng ta không thể xem xét tỉ mỉ từng gương đức tin. Cả tác giả thư tín Hê-bơ-rơ cũng dừng lại sau khi đề cập đến Đa-vít và Sa-mu-ên, hai vĩ nhân của đức tin. Còn có những gương đức tin khác trong Kinh Thánh Cựu Ước nói về những con người sống đắc thắng như đã nêu ra ở He 11:33-35 Đa-vít đã chinh phục được các dân tộc khác và bày tỏ sự công bình. Còn đức tin của Đa-ni-ên có thể “bị tẩm sũ” (Da 6:1-28). Ba người Hê-bơ-rơ đã thắng hơn sức

nóng của lò lửa hực (Da 3:23-28). Câu chuyện về những nữ anh hùng đức tin đề cập trong He 11:35 được chép ở IVua 17:17-24 IIVua 4:18-37

Câu chuyện tiếp ở He 11:35 rất ý nghĩa: không phải mọi người nam hay người nữ có đức tin đều kinh nghiệm sự giải cứu kỳ diệu. Một số người bị hành hạ bắt bớ và chết đi! Từ “kẻ khác” ở 11:36 nghĩa là “những kẻ khác không cùng bản chất”. Những “kẻ khác” này có đức tin, nhưng Đức Chúa Trời không hành động trong đời sống họ theo cách Ngài đối cùng Môi-se, Ghê-đê-ôn và Đa-vít.

Có dịp viếng thăm một bệnh viện kia, tôi thấy một bệnh nhân nằm trên giường khóc thút thít. Tôi hỏi “Bà ơi, có chuyện gì vậy?” Đáp lời tôi, bà trao cho tôi một cuốn sách bà nhận trong số bưu kiện gửi đến. Sách nói về đề tài “Sự chữa lành thiêng liêng” và “Quyền năng của đức tin”. Người vô danh nào đó đã ghi trên bìa sách dòng chữ: “Hãy đọc sách này. Nó sẽ cho bạn một đức tin để được chữa lành”. Bệnh nhân này tình cờ đã trở nên một Cơ Đốc nhân tin nhận Chúa dù đang gặp hoạn nạn. Người gửi thư vô danh nào đó đã nghĩ rằng mọi người có đức tin đều sẽ được cứu giúp một cách “mầu nhiệm”!

Bản thân tôi đã kinh nghiệm phép lạ của Đức Chúa Trời trên thân thể mình, khi những người khác tin chắc tôi sẽ chết. Tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chữa lành tôi. Nhưng tôi cũng hiểu rằng Đức Chúa Trời đã chữa lành tôi không phải để chứng minh rằng tôi có đức tin. Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ (He 11:36-38) kể ra sự kiện nhiều người có đức tin vẫn không được giải cứu khỏi hoạn nạn, dầu vậy Đức Chúa Trời đẹp lòng về đức tin họ. Thật ra, cần phải có đức tin để chịu nhẫn nhục hơn là đức tin để được giải cứu. Noi gương 3 người trai trẻ Hê-bơ-rơ, chúng ta phải tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời cho dù Ngài không giải cứu chúng ta (Da 3:16-18).

Sự đánh giá của người thế gian về những anh hùng đức tin kể trên là một đánh giá thấp kém, nên họ bắt bớ, giam cầm, hành hạ thậm chí giết hại những anh hùng đức tin đó. Dù vậy, cách đánh giá của Đức Chúa Trời hoàn toàn khác hẳn. Ngài phán rằng thế gian không xứng đáng là nơi cư trú của những anh hùng đức tin! Thánh đồ Phao-lô là một gương điển hình cho chân lý này. Phê-tu cho rằng Phao-lô đã lãng trí (Cong 26:24). Dân Do Thái nói rằng Phao-lô chẳng đáng sống (Cong 22:22). Chính Phao-lô xác nhận ông đã bị đối xử như rác rến của thế gian, căn bã của loài người” (ICo 4:13). Nhưng Phao-lô là “chiếc bình” Đức Chúa Trời đã chọn, có lẽ ông là một Cơ Đốc nhân vĩ đại nhất đã sống một cách trọn lành.

Đức tin giúp chúng ta không chiều theo thế gian, nhưng chỉ tìm kiếm những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời được vinh hiển khi giải cứu dân Ngài, vậy Ngài sẽ làm điều đó. Nếu Ngài thấy danh Ngài được vinh hiển nếu không giải cứu người thuộc về Ngài, thì Ngài cũng sẽ làm vậy. Nhưng, chúng ta đừng bao giờ kết luận rằng không có sự giải cứu nghĩa là con cái Đức Chúa Trời không có đức tin.

Đức tin nhìn về tương lai, vì đó là nơi có sẵn những phần thưởng giá trị nhất. Những nhân vật được kể tên trong đoạn này (và cả những người vô danh) đã không nhận lãnh “những điều hứa cho mình” (He 11:13), nhưng họ có lời chứng của Đức Chúa Trời đối với đức tin họ, rằng sẽ có một ngày họ được ban thưởng. Chương trình của Đức Chúa Trời dành cho mọi thánh đồ thời Cựu Ước cũng như thời Tân Ước! Ngày kia, tất cả chúng ta đều sẽ dự phần thành trên trời, nơi các thánh đồ thật đang trông chờ bằng đức tin.

Hôm nay, chúng phải thầm cảm ơn các thánh đồ xưa vì họ đã trung tín suốt những thời kỳ hoạn nạn, và chúng ta là những người được nhận ơn phước tốt hơn. Các thánh đồ xưa chỉ nhìn thấy một vài ơn phước từ xa (Gi 8:56), nhưng chúng ta được hưởng những phước hạnh ấy

trong Chúa Giê-xu Christ. Nếu các thánh đồ xưa không tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời, dân Y-sơ-ra-ên có lẽ đã bị tuyệt diệt, và như thế Đấng Mê-si-a đã không được hạ sinh.

“Vả, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài” (He 11:6). Tuy nhiên, đức tin này sẽ tăng trưởng khi chúng ta lắng nghe lời Chúa (Ro 10:17) và giữ mối giao thông với Ngài qua sự thờ phượng, cầu nguyện. Đức tin có thể hiện diện trong mọi kẻ tin nhận ở mọi hoàn cảnh. Đức tin không phải là “mặt hàng xa xỉ” dành cho số ít “thánh đồ ưu tú”. Đức tin là một nhu cầu thiết yếu của mọi con cái Đức Chúa Trời.

11. HÃY TIẾP TỤC CHẠY (He 12:1-29)

Nếu Phao-lô vẫn đang sống hôm nay, có lẽ ông sẽ đọc các trang báo thể thao và theo dõi tiến độ thi đấu của các đội hoặc các vận động viên. Vì sao? Bởi có nhiều chi tiết về môn điền kinh được sử dụng trong các thư tín Phao-lô, chứng tỏ ông rất quan tâm đến thể thao. Dĩ nhiên cả người Hy Lạp và người La Mã rất quan tâm đến những cuộc tranh tài về môn điền kinh, không chỉ để được mạnh khoẻ về thể chất mà còn vì vinh dự của địa phương hoặc quốc gia họ. Làm vận động viên xuất sắc đem vinh dự về cho quốc gia mình là một hành động ái quốc.

Tác giả thư tín Hê-bơ-rơ kết hợp hai chủ đề về môn điền kinh và quyền công dân trong đoạn He 12:1-29 đầy ý nghĩa này. Ở đây là không khí của cuộc chạy trong đấu trường. Chúng ta có thể nhìn thấy các vận động viên quên hết những gánh nặng khổ luyện của mình và cố gắng chạy đến đích. Một số vận động viên mệt mỏi, kiệt sức nhưng một số khác bền bỉ chạy đến đích và giật giải. Trước tiên, tác giả phác hoạ hình ảnh cuộc đua (12:1-13) và sau đó nhấn mạnh về quyền công dân ở thành trên trời (12:14-29). Trong tâm trí của người đọc, hai chủ đề này luôn đồng hành nhau, vì không ai có thể dự phần vào những cuộc đua chính thức nếu không phải là công dân của bản quốc.

Một chủ đề xuyên suốt trong đoạn Kinh Thánh này là “lòng nhin nhục” (12:1,2,3,7 10:32,36). Các tín hữu Hê-bơ-rơ trở nên “mệt mỏi” và muốn lui đi trong đức tin, nên tác giả khích lệ họ nhìn về phía trước trong đời sống Cơ Đốc, giống như các vận động viên điền kinh trên đường đua (Phi 3:12-14). Ông nêu lên 3 nguồn năng lực thiên thượng khích lệ Cơ Đốc nhân tiếp tục tiến tới khi nghịch cảnh xảy đến.

1. Gương mẫu của Con Đức Chúa Trời (He 12:1-4)

Hồi ở ghế Trung học, có một huấn luyện viên muốn huấn luyện tôi thành vận động viên điền kinh. Bạn bè trong lớp cho ông ta biết rằng ông sẽ hoài công, vì tôi là vận động viên tệ nhất trong lớp, thậm chí có thể là dở nhất trong trường! Tôi đã tham gia cuộc tranh tài giữa các trường trong toàn khu vực về môn chạy vượt rào. Tôi làm sập 6 rào chắn, bị nứt xương mắt cá chân trái, nên ngay sau đó phải từ giã cái nghiệp thể thao này!

Huấn luyện viên Walker dùng vài kỹ thuật để dạy tôi cách tập luyện có hiệu quả nhất. Ông khích lệ tôi rằng: “Các học sinh khác đều làm được, vậy em cũng có thể làm được”. Lần khác, ông cổ vũ: “Chỉ cần nghĩ đến những ích lợi nó đem đến cho thân thể em!” Lời khích lệ thứ 3 của ông là “Nào, hãy nhìn xem bọn trẻ khác, coi chúng làm ra sao!”. Khi nhớ lại từng trải này, tôi thật ngạc nhiên khám phá ra rằng ý nghĩa của ba phương pháp hành động trên đã được sử dụng trong đoạn Kinh Thánh này nhằm khích lệ chúng ta trong cuộc chạy đua của Cơ Đốc nhân:

a. *Nhìn xem những người thắng cuộc!* (He 12:1a). Câu “nhiều người chứng kiến vây lấy như đám mây rất lớn” nói về những người được nhắc đến ở đoạn He 11:1-40. Họ là những anh hùng đức tin. Ở đây, tác giả không muốn nói rằng họ đang trên thiên đàng theo dõi chúng ta chạy đua, giống như khác giả trong sân vận động. “Người chứng kiến” không mang ý nghĩa

nghĩa là “khán giả”, nhưng theo ngôn ngữ Hy Lạp nghĩa là “người tử đạo”. Những người này không phải đang chứng kiến việc chúng ta làm, nhưng họ đang làm chứng cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy chúng ta thấy suốt. Ngài đã làm chứng cho họ (He 11:2,4-5,39) và giờ đây họ đang làm chứng cho chúng ta.

Một tín hữu có lần cho tôi biết. “Tôi ít khi đọc Kinh Thánh Cựu Ước lắm, trừ ra sách Thi Thiên và Châm ngôn”. Tôi đáp: “VẬY là anh đang đánh mất một ích lợi lớn về thuộc linh”.

Đoạn tôi mời anh ta mở Kinh Thánh và đọc lớn Ro 15:4 “Và mọi sự đã chép từ xưa đều để dạy dỗ chúng ta, hầu cho bởi sự nhịn nhục và sự yên ủi của Kinh Thánh dạy mà chúng ta được sự trông cậy”.

Tôi giải thích với anh rằng “nhịn nhục” nghĩa là “nhẫn nại/ bền chí” “sự yên ủi” nghĩa là “sự khích lệ/cổ vũ”. Một trong những phương cách tối ưu để phát huy tính bền chí và can đảm, đó là phải học biết gương của những con người tin kính thời Cựu Ước, những gì đã chạy đua và giết giải. Nếu bạn gặp rắc rối hay mâu thuẫn với gia đình, hãy gọc gương Giô-sép. Nếu bạn nghĩ công việc mình quá nặng nhọc, hãy học cách sống của Môi-se. Nếu bạn bị cảm dỗ trả thù, hãy xem cách Đa-vít giải quyết vấn đề.

b. *Nhìn lại bản thân* (He 12:1b). Các vận động viên thường mang những vật nặng khi luyện tập, nhằm giúp họ xử thế mọi tình huống. Thật ra, không vận động viên nào muốn mang vật nặng cả, vì họ sẽ bị trở ngại (Giống như hôm nay, một vận động viên bóng chày thường vung vẩy cái cái chày với một cái niềng bằng chỗ đánh bóng kim loại nặng trước khi bước đến vạch phát bóng). Sức nặng quá lớn đòi hỏi sự nhẫn nại của con người.

“Gánh nặng” mà chúng ta phải cất bỏ để theo đòi cuộc đua là gì? Đó là những gì ngăn trở tiến độ của chúng ta. Chúng ta có thể là “những việc lành” trong mắt kẻ khác. Một vận động viên chiến thắng sẽ không chọn lựa giữa những điều tốt và xấu, nhưng sẽ chọn giữa cái tốt hơn và tốt nhất.

Chúng ta cũng phải quăng hết “tội lỗi dễ vẩn vương” (He 12:1). Tác giả không kể ra tội lỗi cụ thể nào, có lẽ ông muốn nói đến tội vô tín. Chính sự vô tín đã khiến dân Y-sơ-ra-ên bị vuột mất khỏi tầm tay cơ nghiệp ở vùng đất hứa, và sự vô tín cũng ngăn trở chúng ta hưởng cơ nghiệp thuộc linh trong Đấng Christ. Nhóm từ “bởi đức tin” (hay “nhờ đức tin”, “nhon đức tin”) được sử dụng 21 lần trong đoạn He 11:1-40), cho thấy rằng đức tin trong Đấng Christ giúp chúng ta có sự nhịn nhục trong mọi sự.

c. *Nhìn xem Chúa Giê-xu Christ!* (He 12:2-4). Ngài là “cội rễ và cuối cùng của đức tin”. Chúng ta được cứu nhờ hành động “nhìn xem” Ngài, vì “nhìn xem” mang ý nghĩa “tin cậy”. Khi dân Do Thái sắp chết, chịu nhìn lên con rắn bị treo lên, họ liền được chữa lành. Đây là một minh họa về sự cứu rỗi chúng ta bởi đức tin trong Đấng Christ (Dan 21:4-9 Gi 3:14-16). “Nhìn xem Đức Chúa Giê-xu Christ” là một thái độ của đức tin, chớ không chỉ là một hành động đơn giản.

Khi Chúa chúng ta thi hành chức vụ trên đất, Ngài đã sống bởi đức tin. Huyền nhiệm của thần tính và nhân tính của Ngài thật cao sâu, khiến chúng ta không thể hiểu đầy đủ, nhưng chúng ta biết rằng Ngài tin cậy. Cha trên trời và sống mỗi ngày của cuộc sống. Tác giả trích câu nói của Chúa: “Ta sẽ phó thác ta cho Chúa” (He 2:13 Es 8:17). Thói quen cầu nguyện của Chúa là một bằng chứng Ngài sống bởi đức tin.

Chúa chúng ta chịu nhịn nhục nhiều hơn bất kỳ anh hùng đức tin nào được kể đến ở đoạn He 11:1-40), vì vậy Ngài là gương hoàn hảo để chúng ta noi theo. Ngài đã mang lấy thập tự giá! Đây là hình phạt đầy nhục nhã, đau đớn dành cho tội nhân. Chúa cam gánh lấy, thậm chí Ngài còn bị Đức Chúa Trời tạm thời lìa xa. Trên thập tự giá, Ngài lấy lòng nhịn nhục để

hoàn tất công tác Cha trên trời giao phó (Gi 17:4),. Dù các tín hữu Hê-bo-rơ đã trải qua sự bắt bớ, nhưng họ vẫn chưa “đến nỗi đổ huyết” (He 12:4) không ai trong số họ phải tử đạo cả. Còn Chúa Giê-xu Christ trong trận chiến chống lại tội lỗi, Ngài phải đổ huyết của chính mình ra.

Điều gì giúp Chúa chúng ta có thể chịu nhọc mang lấy thập tự giá? Bạn hãy nhớ rằng: suốt thời gian thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu Christ không hề sử dụng quyền năng thiên thượng của Ngài cho những nhu cầu riêng. Sa-tan từng cám dỗ Ngài làm điều này (Mat 4:1-4) nhưng Ngài đã từ chối. Chính đức tin đã giúp Ngài chịu nhọc. Ngài đặt đôi mắt đức tin trên “sự vui mừng đã đặt trước mặt mình”. Theo Thi 16:8-10 Ngài biết mình sẽ sống lại và ra khỏi phần mộ. Phi-e-rơ đã nói đến đoạn Thi Thiên này khi rao giảng trong ngày lễ Ngũ tuần (Cong 2:24-33). Trong Thi 16:11, Đa-vít nói về sự “đầy lòng vui mừng” trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Cũng theo tinh thần Thi 110:1,4 Chúa Giê-xu Christ biết rằng Ngài được cất lên trời trong sự vinh hiển (Phi-e-rơ cũng trích dẫn Thi thiên này Cong 2:34-36). Vì vậy, “sự vui mừng đã đặt trước mặt mình” bao gồm việc Chúa làm trọn ý muốn Đức Chúa Trời, sự phục sinh và thăng thiên của Ngài, niềm vui khi Ngài trình dâng những người tin nhận cho Đức Chúa Trời trong sự vinh hiển (Giu 1:24).

Suốt thư tín, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của sự trông cậy ở tương lai. Đối tượng đọc thư tín Hê-bo-rơ có xu hướng quay đầu nhìn lại và muốn đi thụt lùi, nên tác giả khích lệ họ noi gương Đấng Christ để nhìn về phía trước bởi đức tin. Những anh hùng đức tin được kể tên ở đoạn Kinh Thánh trước đã sống cho tương lai, và điều này đã giúp họ có thể bền đỗ trong mọi sự (He 11:10,14-16,24-27). Khi chúng ta đặt đôi mắt đức tin của mình xa rời Đấng Christ giống như Phi-e-rơ, chúng ta sẽ bắt đầu bị chìm! (Mat 14:22-33).

Vì Đấng Christ chính là “cội rễ và cuối cùng của đức tin”, nên lòng tin cậy Ngài sẽ khiến quyền năng Ngài hành động trong đời sống chúng ta. Tôi đã cố noi theo gương mẫu của vận động viên lừng danh nào đó trong vài năm, nhưng vẫn thất bại. Nếu trong những ngày tháng trẻ tuổi, tôi được ở gần vận động viên ấy và được chỉ cho bí quyết tập luyện, có lẽ tôi đã giạt giải rồi. Đấng Christ vừa là một gương mẫu mực, vừa là Đấng toàn năng, khi chúng ta nhìn xem Ngài qua Kinh Thánh và đầu phục Đức Thánh Linh, Ngài chắc sẽ dứt dây đức tin chúng ta và giúp chúng ta tiếp tục cuộc chạy.

2. Sự đảm bảo của tình yêu Đức Chúa Trời (He 12:5-13)

Từ quan trọng trong phân đoạn này là “sửa phạt”, theo ngôn ngữ Hy Lạp nghĩa là “dạy dỗ, chỉ bảo, kỷ luật con cái”. Một đứa trẻ Hy Lạp sẽ luyện tập trong phòng thể dục cho đến trưởng thành. Quá trình này góp phần vào sự chuẩn bị cho đời sống thành nhơn. Tác giả xem những thử thách trong đời sống Cơ Đốc nhân như một sự rèn tập thuộc linh giúp cho Cơ Đốc nhân được trưởng thành. Thay vì cố tránh né những khó khăn trong đời sống, chúng ta nên bằng lòng chịu sự “luyện tập” của hoàn cảnh để có thể tăng trưởng mạnh mẽ (He 12:11).

Khi bị thử thách, chúng ta dễ nghi ngờ Chúa không yêu mình. Vì lẽ đó tác giả nêu ra 3 chứng cứ cho biết sự sửa phạt xuất phát từ lòng yêu thương của Đức Chúa Trời.

a. **Kinh Thánh** (He 12:5-6). Đây là những câu Kinh Thánh trích từ Ch 3:11-12 một câu nói mà các tín hữu Hê-bo-rơ đều biết nhưng đã quên. (Đây là một trong những kết quả đáng buồn về sự “chậm hiểu” Lời Chúa, He 5:11-12). Phần trích dẫn này (12:5-6) là một lời khuyên, cũng có nghĩa như một lời khích lệ. Do không ghi nhớ Lời Chúa, các tín hữu này đã đánh mất sự khích lệ dành cho họ nên dễ dàng bỏ cuộc chán nản!

Những từ quan trọng trong đoạn trích dẫn này là “con”, “con trai” (Ch 3:11-12). Ở He 12:5-8 từ “con” được dùng 6 lần, để chỉ về những con trai trưởng thành chớ không phải những cậu bé con. Cha mẹ nào luôn tay đánh phạt một đứa trẻ bé bỏng, sẽ bị coi là kẻ dã man. Đức Chúa

Trời đối xử với chúng ta như những con trai thành non vì chúng ta đã được nhận làm con và được ban cho địa vị của một người trưởng thành trong gia đình Ngài (Ro 8:14-18 Ga 4:1-7). Việc Cha trên trời sửa phạt chúng ta chứng tỏ chúng ta đang ở giai đoạn trưởng thành và điều đó có nghĩa là chúng ta có thể trưởng thành hơn nữa.

Sự sửa phạt là bằng chứng về tình yêu của Cha trên trời, Sa-tan muốn chúng ta nghĩ rằng những thử thách của cuộc sống là chứng cứ Đức Chúa Trời chẳng yêu thương chúng ta, nhưng sự thật trái hẳn như thế. Lắm lúc, sự sửa phạt của Chúa được hiểu qua sự khiển trách của Ngài bằng lời Ngài hoặc bằng hoàn cảnh. Cũng có lúc Ngài bày tỏ tình yêu Ngài bằng cách sửa phạt chúng ta qua một hoạn nạn về thể xác. Dù ở hoàn cảnh nào đi nữa, chúng ta vẫn có thể biết chắc rằng bàn tay sửa phạt của Ngài được kiểm soát bởi lòng yêu thương vô đối của Ngài. Cha không muốn chúng ta như đứa trẻ được nuông chiều quá mức, Ngài muốn chúng ta trở nên những đứa con trưởng thành đủ sức để nhận những trách nhiệm của cuộc sống.

b. *Kinh nghiệm của bản thân* (He 12:7-11). Chúng ta ai cũng có một người cha và nếu người cha ấy có lương tâm, hẳn phải sửa phạt chúng ta. Nếu một đứa trẻ bị bỏ bê, nó sẽ lớn lên và trở thành kẻ ngang ngược ích kỷ. Quan điểm của tác giả (He 12:7-8) bày tỏ rằng: người cha chỉ sửa phạt chính con mình, và điều này chứng tỏ chúng ta là con cái của ông. Có thể chúng ta cảm thấy muốn phất vào mông bọn trẻ hàng xóm (và người hàng xóm cũng có thể muốn làm vậy đối với con cái chúng ta), nhưng chúng ta không thể làm được. Sự sửa phạt của Đức Chúa Trời chứng minh chúng ta thật sự là con cái Ngài!

Trong cuộc đời chức vụ, tôi từng chứng kiến có những người tự xưng mình đã được cứu, nhưng vì lý do nào đó, họ chưa hề kinh nghiệm sự sửa phạt nào cả. Khi họ không vâng lời Chúa, họ vẫn cảm thấy mình chẳng bị trừng phạt gì cả. Nếu tôi chống lại ý muốn Chúa, cũng như không kinh nghiệm sự sửa phạt yêu thương của Ngài, tôi e mình chưa được cứu! Mọi con cái thật của Đức Chúa Trời đều chịu sự sửa phạt của Ngài. Những ai tuyên bố mình đã được cứu nhưng không bị sửa phạt, họ chỉ là kẻ giả hình, là “con ngoại tình”.

Vì sao những người cha mẫu mực trên đất thường sửa phạt con mình? Họ làm vậy để con cái biết tôn trọng và vâng lời họ. Đây là lý do Cha trên trời sửa phạt chúng ta Ngài muốn chúng ta kính sợ và vâng phục ý muốn Ngài. Đứa trẻ nào không học cách phục tùng sẽ không bao giờ trở thành một người lớn hữu dụng. Nếu con cái Đức Chúa Trời chống nghịch mạng lệnh Ngài sẽ có nguy cơ ném mùi sự chết!”...huống chi Cha về phần hồn, chúng ta há chẳng càng nên vâng phục lắm để được sự sống sao?” (He 12:9). Tác giả muốn nói rằng nếu chúng ta không đầu phục Chúa, chúng ta không thể sống lâu trên đất. “Cũng có tội đến nỗi chết” (IGi 5:16).

Đến đây, chúng ta có thể hiểu đoạn He 12:1-29 này có liên quan ra sao đến 5 lời khuyên trong thư tín Hê-bơ-rơ. Khi một Cơ Đốc nhân xao lãng Lời Chúa và sa sút đức tin, Đức Chúa Trời sẽ sửa phạt để đem người ấy trở lại vị trí đầu phục và vâng lời (nếu Đức Chúa Trời không sửa phạt, vậy người ấy chưa thật sự được tái sinh). Khi một Cơ Đốc nhân cứ ương bướng chống lại ý Chúa, Ngài có thể sẽ cắt sự sống của người ấy đi. Đức Chúa Trời có thể để cho con cái Ngài qua đời, còn hơn là để họ huỷ hoại cuộc đời mình và bôi nhọ danh Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã tuyệt diệt hàng ngàn người Do Thái chống nghịch trong đồng vắng (ICo 10:1-12). Vậy tại sao Ngài phải miễn cho chúng ta sự sửa phạt ấy. Dĩ nhiên cách sửa phạt này không phải là hành động thường xuyên của Ngài, nhưng nó có thể xảy ra. Ngài sửa phạt vì ích lợi của chúng ta, hầu cho chúng ta có thể dự phần trong bản tính thánh khiết của Ngài.

c. *Bông trái phước hạnh* (He 12:11-13). Lúc đầu, không có sự sửa phạt nào khiến cha hoặc con vui mừng cả, nhưng về sau sẽ sinh ra những ích lợi. Tôi chắc rằng ít có trẻ con nào tin như vậy khi nghe cha mẹ nói: “Điều này làm ba mẹ đau hơn con nữa!” . Sự thật là vậy.

Cha trên trời cũng không vui mừng khi sửa phạt con cái Ngài, nhưng những ích lợi “về sau” khiến sự sửa phạt trở nên một bằng chứng về tình yêu Ngài.

Những ích lợi về sau là gì? Trước tiên có một ích lợi gọi là “bông trái công bình và bình an”. Thay vì tiếp tục phạm lỗi, người con sẽ cố gắng làm theo những điều phải lẽ. Cũng có một sự hoà bình thay vì tranh chiến “bông trái công bình và bình an”. Sự chống đối đã chấm dứt, nên đứa con được ở trong môi trường giao ngọt ngào với Cha mình. Sự sửa phạt còn khích lệ đứa con rèn luyện những vấn đề thuộc linh như học Lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện, suy gẫm, làm chứng v.v... Mọi điều này sẽ sinh ra một sự vui mừng về sau. Phao-lô mô tả sự vui mừng ấy là “sự công bình, bình an, vui vẻ bởi Đức Thánh Linh” (Ro 14:17)

Dĩ nhiên, điều quan trọng là cách con cái Đức Chúa Trời phản ứng trước sự sửa phạt ra sao. Nếu họ khinh dể hay ngã lòng về sự sửa phạt (He 12:5) cả hai thái độ đó đều sai trái. Chúng ta phải bày tỏ sự tôn kính đối với Cha bằng hành động vâng phục ý muốn Ngài (12:9), sử dụng từng trải để tự rèn luyện tâm linh mình (12:11 ITi 4:7-8). He 12:12-13 có vẻ như những mệnh lệnh của huấn luyện viên đối với đội tuyển của mình! “Hãy làm cho mạnh những bàn tay! Hãy làm cho vững những đầu gối” (Es 35:3) “Hãy làm cho đôi chân lười biếng bước vào đường chạy!” (Ch 4:26). Nào định hướng xuất phát, chạy!

Guong mẫu mực của Con Đức Chúa Trời và sự biết chắc về tình yêu Đức Chúa Trời hẳn sẽ khích lệ chúng ta bền đỗ trong cuộc chạy đua gay go của Cơ Đốc nhân. Chúng ta còn có một nguồn năng lực thứ ba:

3. Sự hỗ trợ của ân điển Đức Chúa Trời (He 12:14-29)

Khi tham gia cuộc chạy đua Cơ Đốc, mục tiêu chúng ta là gì? Tác giả giải thích mục tiêu ấy trong He 12:14: “Sự bình an với mọi người” và “sự nên thánh trước mặt Đức Chúa Trời”. (Hãy nhớ lại “bông trái công bình và bình an” ở 12:11). Hai mục tiêu này nhắc chúng ta nhớ đến chức tể lễ cao trọng của Chúa Giê-xu Christ. Vua sự công bình và vua bình an (7:1-2). Cần phải có sự chuyên tâm mới giật được giải cuộc đua, nếu không chúng ta có thể “trật phần ân điển của Đức Chúa Trời” (12:15). Ân điển không bao giờ thiếu hụt hay thay đổi, nhưng chúng ta có thể để hụt mất ích lợi của ân điển Ngài. Ở cuối đoạn Kinh Thánh này, có 1 luận đề khác về ân điển (12:28).

Ở phân đoạn này, tác giả giục lòng người đọc nhờ cậy nơi ân điển Đức Chúa Trời khi khuyên họ đặt con mắt đức tin theo 3 hướng:

a. *Nhìn lại – Guong xấu của Ê-sau* (He 12:15-17). Ê-sau đã không hành động trên ân điển của Đức Chúa Trời. Câu chuyện về ông được chép ở Sa 25:27-34 27:30-45. Ê-sau là kẻ “ô uế” chỉ sống cho thế gian chớ không vì danh Đức Chúa Trời (nghĩa là không thọc về Đức Chúa Trời). Ê-sau khinh thường quyền trưởng nam khi bán quyền cho Gia-cốp (Gia-cốp cũng sai trái khi sử dụng mảnh khoé để đoạt quyền trưởng nam. Sa 25:19-26). Sau đó, Ê-sau cố thuyết phục Y-sác đổi ý, nhưng đã quá muộn, Những giọt nước mắt của Ê-sau vẫn không giúp ích được điều gì.

Những tội lỗi nào sẽ tước mất khỏi chúng ta ân điển Đức Chúa Trời? Kinh Thánh cho chúng ta biết những tội lỗi như: không có sự chuyên tâm thuộc linh, có lòng cay đắng với người khác (Phu 29:18), gian dâm, sống cho thế gian và xác thịt. Một số người nghĩ rằng “ô uế” nghĩa là lộng ngôn, xúc phạm bằng lời lẽ thô tục. Nhưng Ê-sau là một chàng trai dễ tính, một thợ săn giỏi và là người con yêu mến cha. Ê-sau có thể là một người lảng giềng tốt bụng, nhưng ông chẳng quan tâm đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

Ân điển Đức Chúa Trời không thay đổi, nhưng chúng ta có thể không biết nhờ cậy nơi ân điển Ngài. Ê-sau là một điển hình khuyên chúng ta đừng sống cho những điều thấp hèn.

b. *Nhìn lên – sự vinh hiển của thành trên trời* (He 12:18-24). Tác giả thư tín Hê-bơ-ơ so sánh núi Si-nai và sự kiện ban luật pháp với núi Si-ôn và những phước hạnh trong Hội Thánh (Xu 19:10-25 20:18-21 Phu 4:10-24). Ông mô tả sự trang nghiêm và thậm chí là sự kinh khiếp khi luật pháp được ban ta (He 12:18-21). Dân sự kinh hãi khi nghe tiếng Đức Chúa Trời, cả Môi-se cũng run rẩy! Đức Chúa Trời phân định giới hạn chung quanh núi Si-nai, nếu người hay vật vượt giới hạn sẽ bị chết bởi cung tên. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời phải cho dân sự cảm biết tính nghiêm túc của Luật pháp Ngài, giống như cách chúng ta đối với con cái mình vậy. Đây là “thời thơ ấu” của dân tộc này, nên con cái bé mọn chỉ có thể hiểu thế nào là thưởng và phạt.

Thật nhẹ nhõm khi đi từ núi Si-nai qua núi Si-ôn! Núi Si-nai đại diện cho giao ước cũ của luật pháp và núi Si-ôn đại diện cho giao ước mới của ân điển trong Chúa Giê-xu Christ (Ga 4:19-31). Thành trên trời là núi Si-ôn của Đức Chúa Trời (Thi 110:1-2,4 2:1-12), cũng là thành mà các Thánh tổ xưa trông đợi bởi đức tin (He 11:10,14-17). Thành Giê-ru-sa-lem trên đất chỉ trong thời gian không lâu sau đó đã bị người La Mã tàn phá nhưng Giê-ru-sa-lem trên trời sẽ tồn tại đời đời.

Tác giả mô tả các công dân tạo nên dân số của thành trên trời. Muôn vàn thiên sứ có mặt ở đó, vì người tin Chúa có quyền công dân trên trời (Phi 3:20) và tên của họ được ghi trên trời (Lu 10:20) “Con trưởng” là một danh tôn trọng, có phẩm vị. Ê-sau vốn là trưởng nam của Y-sác, nhưng do xem thường những đặc quyền đó nên ông đã đánh mất phước hạnh và quyền thừa kế của mình.

Đức Chúa Trời chắc hẳn cũng hiện diện ở thành trên trời cùng các thánh đồ Cựu Ước (“linh hồn người nghĩa được vẹn lành” He 12:23b). Ở đó có sự hiện diện của Chúa Giê-xu Christ – Đấng Cầu thay đã đổ huyết vì chúng ta. Chúng ta biết rằng A-bên vẫn “còn nói” (11:4) nhưng ở đây chúng ta khám phá huyết Đấng Christ “nói tốt hơn huyết của A-bên” (12:24). Huyết của A-bên cất tiếng từ dưới đất và khóc về sự công bình (Sa 4:10), nhưng huyết Đấng Christ nói từ trời và rao ra sự thương xót dành cho tội nhân. Huyết A-bên khiến Ca-in cảm biết tội lỗi (và thật như vậy), nên đẩy Ca-in đến tình trạng chán nản, ngã lòng (Sa 4:13-15). Nhưng huyết Đấng Christ giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi và mở đường vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Nếu không có huyết của giao ước mới, có lẽ chúng ta đã không thể bước vào thành trên trời!

Có một người bạn hỏi tôi: “Tại sao có quá ít bài giảng nói về thiên đàng?” Rồi anh tự đưa ra giải đáp mà có lẽ hợp lý: “Tôi đoán rằng chúng ta cảm thấy sống trên đất quá tuyệt vời, nên không nghĩ đến thiên đàng”.

Khi sống trong những ngày khó khăn và đối diện thử thách đó là lúc chúng ta phải nhìn lên và ngắm xem sự vinh hiển của thiên đàng. Môi-se đã “đứng vững như thấy Đấng không thấy được” (He 11:27). Các Thánh tổ đã bền đỗ khi nhìn lên thành Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho họ. Một bí quyết để nắm giữ ân điển Đức Chúa Trời là hãy nhìn lên bằng đức tin để thấy một tương lai tuyệt vời Ngài đã dành sẵn cho mình.

c. *Nhìn về phía trước – một nước không “rúng động”* (He 12:25-29). Hôm nay Đức Chúa Trời đang phán với chúng ta qua Lời Ngài cũng như qua những việc Ngài thực hiện trên thế giới. Chúng ta nên lắng nghe! Nếu Đức Chúa Trời đã làm mọi vật tại núi Si-nai rúng động, vậy chúng ta là những người kinh nghiệm phước hạnh của giao ước mới lại càng có trách nhiệm nhiều hơn! Hôm nay, Ngài cũng đang rúng động mọi sự (gần đây bạn có đọc báo

không?) Ngài muốn đánh sập “giàn giáo” của con người và bày tỏ những điều thực hữu đời đời không hề rúng động. Ôi, có quá nhiều người (kể cả Cơ Đốc nhân) đang xây đời mình trên những điều có thể lay động.

Từ “rúng động” trích ở Ag 2:6 nói đến thời kỳ khi Chúa tái lâm và làm cho nhà Ngài đầy đầy sự vinh hiển. Khi có những biến cố xảy ra gần thời kỳ này, chúng ta sẽ thấy nhiều sự rúng động hơn trên thế giới. Dù vậy, Cơ Đốc nhân có thể sống vững vàng, vì sẽ được ban một nước không hề rúng động. Thật ra, hôm nay Cơ Đốc nhân đã là một phần của vương quốc Đức Chúa Trời.

Chúng ta sẽ làm gì khi sống giữa một thế giới luôn chao đảo? Hãy lắng nghe Đức Chúa Trời phán và vâng lời Ngài. Hãy đón nhận ân điển mỗi ngày để hầu việc Chúa với “lòng kính sợ”. Đừng bối rối hay sợ hãi vì những thay đổi to lớn quanh bạn. Hãy cứ bền đỗ theo đuổi cuộc chạy đua. Hãy luôn nhìn xem Chúa Giê-xu Christ. Hãy nhớ rằng Cha trên trời rất yêu thương bạn. Và hãy đến gần ân điển kỳ diệu của Đức Chúa Trời.

Dù những người khác ở trong tình trạng sợ hãi – bạn vẫn có thể đứng vững vàng!

12. ĐỨC TIN BẠN SẼ BÀY TỎ RA (He 13:1-25)

Khi đọc đến đoạn cuối cùng của thư tín Hê-bơ-rơ, bạn sẽ có cảm giác tác giả có nhiều vấn đề bàn luận mà vẫn để dành đến đoạn cuối mới luận giải. Trong He 12:1-29 chúng ta vui mừng ngắm xem núi thánh Si-ôn, và bây giờ chúng ta sẽ nói về những chủ đề thường nhật như sự tiếp đãi, giới chức Hội Thánh và người cuối cùng được thả khỏi ngục tù.

Tuy nhiên, trong Kinh Thánh không có sự phân ranh giới giữa lý thuyết và hành động, sự mạc khải và trách nhiệm. Hai ý niệm luôn đồng hành với nhau. Trọng tâm trong phần này tập trung vào chủ đề “sống bởi đức tin”. Tác giả đã trưng dẫn các gương đức tin lớn ở đoạn 11:1-40 và những điều khích lệ của đức tin ở đoạn 12:1-29. Trong đoạn 13:1-25 tác giả đưa ra các chứng cứ đức tin cần thiết trong đời sống chúng ta nếu chúng ta thật sự đang bước đi bằng đức tin chứ không bởi ngoại cảnh. Có 4 chứng cứ bày tỏ đức tin:

1. Vui mừng trong mối thông công thuộc linh (He 13:1-6)

Nền tảng của mối thông công này là tình yêu thương anh em, là (những) Cơ Đốc nhân, các tín hữu Hê-bơ-rơ này chắc hẳn đã bị bạn bè và gia đình hắt hủi, nhưng mối thông công sâu đậm nhất không lệ thuộc vào chúng tộc hay quan hệ gia đình, nhưng dựa vào sự sống thuộc linh chúng ta có trong Đấng Christ. Mối thông công Hội Thánh nếu chỉ dựa trên điều nào khác ngoài tình yêu đối với Đấng Christ và đối với người khác, sẽ không thể duy trì được lâu. Bạn có thể xem những chi tiết khác về “tình yêu thương anh em” ở Ro 12:10 ITe 4:9-10 IPhi 1:22 IPhi 1:7

Nơi đâu có tình yêu Cơ Đốc thật, ở đó cũng sẽ có sự tiếp đãi (He 13:2). Đây là nhiệm vụ quan trọng của Hội Thánh ban đầu, vì cơn bắt bớ đã khiến nhiều Cơ Đốc nhân phải sống xa nhà. Cũng có những người thi hành chức vụ ở xa nên cần chỗ tạm trú (IIIGi 1:5-8). Nhiều thánh đồ nghèo không đủ tiền để ở nhà trọ, và vì có những Hội Thánh nhóm tại nhà riêng (Ro 16:5) nên người ở xa phải trọ tại nhà ấy. Các mục sư được xem là người mến khách (Tit 1:8), nhưng chúng ta cũng phải ân cần tiếp đãi mọi thánh đồ (Ro 12:13).

Môi-se (Sa 18:1-33) ghi lại câu chuyện Áp-ra-ham tiếp đãi rời rộng Chúa Giê-xu Christ và hai thiên sứ. Khi tiếp rước khác, Áp-ra-ham không biết các vị ấy là ai và sau đó ông mới nhận biết những vị khách vĩ đại kia. Bạn và tôi hôm nay không thể tiếp rước các thiên sứ theo nghĩa đen (dù điều đó có thể xảy ra), nhưng bất kỳ người khách nào cũng có thể là một sứ giả đem

phước lành đến cho chúng ta. (Từ “thiên sứ” đơn giản nghĩa là “sứ giả”). Có lẽ chúng ta cũng từng tiếp những vị khách mà chính họ là những sứ giả đem đến cho chúng ta ơn phước của Đức Chúa Trời.

Tình yêu thương cũng bày tỏ chính nó qua sự quan tâm (He 13:3) không có gì lạ khi Cơ Đốc nhân bị bắt bớ giam cầm vì đức tin. Để chia sẻ gánh nặng của những người gặp hoạn nạn đó, tình yêu trong Đấng Christ buộc chúng ta phải giúp đỡ họ, Giúp đỡ một Cơ Đốc nhân bị giam cầm vì danh Đấng Christ nghĩa là đã giúp đỡ chính Đấng Christ (Mat 25:36,40). Ở các nước tự do, Cơ Đốc nhân không bị bắt bớ vì niềm tin, nhưng ở một số quốc gia khác, Cơ Đốc nhân phải chịu khổ vì đức tin. Chúng ta cần phải cầu nguyện cho họ và chia sẻ khó khăn với họ theo khả năng Chúa ban cho.

Gia đình là nơi đầu tiên tình yêu thương Cơ Đốc phải được thể hiện (He 13:4). Một gia đình Cơ Đốc được xây dựng từ hôn nhân Cơ Đốc trong ý muốn Đức Chúa Trời, nghĩa là có sự chung thủy và thánh sạch. Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân là quan hệ tội lỗi, đồi bại. Mỗi quan hệ vợ chồng trong sự đảm bảo của hôn nhân sẽ gây dựng đời sống tốt đẹp và quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Những người chưa kết hôn có thể phạm vào mối quan hệ tình dục bất chính, còn những người đã có gia đình lại phạm vào tội ngoại tình (tuy nhiên, trong Kinh Thánh Tân Ước, từ “tà dâm” có thể đề cập đến nhiều hình thức khác nhau của tội phạm về thể xác. (Cong 15:20 ICo 6:18)

Đức Chúa Trời đoán phạt kẻ quan hệ tình dục bất chính và kẻ tà dâm ra sao? Đôi lúc họ bị đoán phạt trong chính thân thể mình (Ro 1:24-27). Chắc chắn họ sẽ bị xét đoán vào kỳ sau rốt (Kh 21:8 22:15). Cơ Đốc nhân nào phạm vào những tội lỗi này có thể được tha thứ, nhưng người ấy gánh những hậu quả của tội tà dâm trong những năm sau đó và chịu khổ sở trong một hoàn cảnh khắc nghiệt nhất: vì cơ con cái của mình.

Hôm nay, khi tội lỗi và tình dục được phô trương để làm trò giải trí qua phim ảnh và truyền hình, Hội Thánh cần phải vững vàng để giữ sự thanh sạch trong quan hệ hôn nhân. Một gia đình Cơ Đốc tin kính gần như một thiên đàng trên đất, được xây dựng từ hôn nhân Cơ Đốc.

Nếu yêu mến Đức Chúa Trời và yêu tha nhân, chúng ta sẽ có một mối liên hệ đúng đắn đối với những điều thuộc về vật chất (He 13:5-6). Thời kỳ chịu khổ có thể là thời gian để phục vụ hoặc để giữ lòng ích kỷ. Thật không dễ dàng để “vui lòng chịu của cải mình bị cướp” (10:34). Nhưng với những nan đề về kinh tế và sinh thái trên thế giới chúng ta hôm nay, các tín hữu giàu thấy cần sống với một số thứ xa xỉ mà bây giờ họ xem là cần thiết.

Có một cặp vợ chồng Cơ Đốc nhân người Mỹ giảng đạo cho các tín hữu ở Đông Âu (sau tám song sắt). Họ mang theo sách báo Cơ Đốc, mềm và các vật dụng khác. Trong buổi nhóm, họ khẳng định rằng Cơ Đốc nhân ở nước Mỹ đang cầu nguyện cho các Cơ Đốc nhân ở Đông Âu. Một Cơ Đốc nhân lên tiếng: “Chúng tôi rất vui khi nghe về điều đó, nhưng tôi cảm thấy các tín hữu ở Mỹ cần sự cầu nguyện nhiều hơn chúng tôi. Chúng tôi gặp khó khăn ở Đông Âu, nhưng các bạn sống ở Mỹ rất tiện nghi. Vì vậy, khi bạn muốn làm một Cơ Đốc nhân trọn lành giữa một cuộc sống tiện nghi, bạn sẽ khó thực hiện hơn”.

“Tham tiền” nghĩa là “yêu tiền bạc”. Sự tham lam này có thể là thái độ môn có cái gì đó nhiều ơn nữa. Có người đặt câu hỏi với nhà triệu phú Bernard Baruch. Cần có bao nhiêu tiền để một người giàu có thoải mái, Baruch đáp: “Chỉ là một triệu lần của những gì người ấy có”. Tham lam đồng nghĩa với mỗi khao khát muốn có nhiều hơn, dù chúng ta có cần đến hay không.

Sự thoải lòng không thể có từ những điều vật chất, vì chúng chẳng thể nào làm thoải lòng người. Chỉ có Đức Chúa Trời mới làm được điều đó “Hãy cẩn thận chớ hà tiện chi tiết,

vì sự sống của người ta không phải cốt tủy của cải mình dư dật đâu” (Lu 12:15). Nếu chúng ta có Đức Chúa Trời ở cùng, chúng ta sẽ có mọi điều mình cần. Vật chất của đời người có thể hư hoại hoặc bị cướp mất, nhưng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng ta, lời hứa này đã được Giô-suê rao ra khi ông tiếp nối chức vụ Mô-i-se (Phu 31:7-8 Gios 1:5,9) và sẽ ứng nghiệm với chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ (Mat 28:20 Cong 18:9-10).

Lời xác quyết của đức tin ở He 13:6 được trích từ Thi 118:6. Đây là Thi thiên nói tiên tri về Đấng Cứu Thế và được ứng nghiệm trong Chúa Giê-xu Christ, vì vậy chúng ta có thể nắm giữ lời hứa này cho chính mình. Đây chính là nguồn an ủi lớn cho những Cơ Đốc nhân đầu tiên khi họ biết rằng họ sẽ bình an và không cần sợ con người, vì không ai có thể tra tay trên họ nếu Đức Chúa Trời không cho phép. Họ làm việc lành và chính Đức Chúa Trời thoả đáp mọi nhu cầu của họ.

Có một phụ nữ nói với nhà truyền đạo D.L.Moody rằng “Tôi đã tìm được một lời hứa yên ủi tôi khi tôi sợ hãi. Đó là lời hứa ở Thi 56:3 “Trong ngày sợ hãi, tôi sẽ để lòng nhờ cậy nơi Chúa” Ông Moody đáp “Tôi có một lời hứa tốt hơn thế! Đó là Es 12:2 “Tôi sẽ tin cậy và không sợ hãi!”.

Cả hai lời hứa trên đều xác thực và mỗi lời hứa có một ứng dụng riêng. Điều quan trọng hơn hết là chúng ta phải biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Chúa và là Đấng cứu giúp của mình để không đặt lòng tin cậy vào vật chất. Cơ Đốc nhân thoả lòng là người sống với những ưu tiên hàng đầu, còn những điều vật chất không thuộc danh mục ưu tiên của họ.

2. Vâng phục giới chức lãnh đạo thuộc linh (He 13:7-9,17,24)

Có 3 lần tác giả sử dụng nhóm từ “kẻ dắt dẫn anh em” để chỉ về giới lãnh đạo Hội Thánh. Hội Thánh là một cơ quan, cũng là một tổ chức. Nếu một cơ quan không có tổ chức, sẽ bị đảo lộn. Bất cứ nơi đâu Phao-lô đến, ông đều lập ra Hội Thánh và bổ nhiệm những tín hữu có tư chất tốt để lãnh đạo Hội Thánh (Cong 14:23 Tit 1:5). “Các thánh đồ... các giám mục (trưởng lão) và các chấp sự” (Phi 1:1) là một tóm tắt về tư cách nghị viên và quyền lãnh đạo của các Hội Thánh thời Tân Ước.

Mỗi Cơ Đốc nhân có 3 nhiệm vụ đối với giới lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh mình.

a. *Hãy nhớ đến họ* (He 13:7-9). Từ “nhớ” có thể được bày tỏ rằng những lãnh đạo này đã qua đời, có lẽ vì tử đạo, nên chúng ta đừng quên họ. Thật dễ quên những Cơ Đốc nhân dạn dĩ thời xưa, là những người mà chức vụ và của lễ của họ dâng giúp chúng ta có thể hầu việc Chúa hôm nay. Dù chúng ta không thờ phượng hay đề cao con người, nhưng chúng ta có quyền đề tôn trọng họ và việc làm trung tín của họ (ITe 5:12-13).

Các lãnh đạo này có lẽ đã dẫn dắt tín hữu (đối tượng đọc thư tín) đến với Đấng Christ, vì đã rao giảng Lời Chúa cho họ. Nếu bạn nhớ rằng thời bấy giờ rất ít tín hữu có Kinh Thánh, bạn mới thấy tầm quan trọng của công tác rao giảng Lời Chúa trực tiếp. Hôm nay, chúng ta đều có thể tự đọc Kinh Thánh, nghe giảng qua đài radio hoặc qua băng cát-xét. Chúng ta dễ rơi vào tình trạng xem nhẹ Lời Chúa.

Các tín hữu không còn được nghe những lãnh đạo đã qua đời giảng dạy nhưng có thể noi gương đức tin họ và suy gẫm kết quả đức tin họ (“sự cuối cùng”). Kết quả này có thể liên quan đến sự qua đời của họ, trong đó có một số người tử đạo. Dù vậy, tôi tin rằng “sự cuối cùng (của) đời họ” (He 13:7) được bày tỏ ở 13:8 – “Đức Chúa Giê-xu Christ hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi”. Cuộc đời họ đã bày tỏ về Đấng Christ! Các lãnh đạo Hội Thánh có thể đến rồi ra đi, nhưng Chúa Giê-xu Christ không bao giờ thay đổi chính Ngài là trung tâm của đức tin chúng ta.

Sau khi tôi xin rút khỏi Hội Thánh tôi đã hầu việc nhiều năm. Một tín hữu nói với tôi: “Tôi không biết mình sẽ xoay sở ra sao nếu không có mục sư! Tôi nhờ cậy mục sư rất nhiều để được nâng đỡ về tâm linh”. Lời đáp của tôi làm anh ta bị “sốc” “Vậy tôi ra đi sớm chừng nào, anh mới có thể bắt đầu nhờ cậy nơi Chúa dường này. Đừng bao giờ gây dựng đời mình nơi bất cứ tôi tớ nào của Chúa. Hãy gây dựng đời sống anh nơi Đấng Christ. Ngài không bao giờ thay đổi”.

Luôn có một hiểm họa gọi là “để cho mọi thứ đạo lạc đổ dành mình” (He 13:9). Mục đích của công tác thuộc linh là để gây dựng người thuộc về Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài, để họ không bị “day động và dòi dôi theo chiều gió của đạo lạc” (Eph 4:11-14). Trong số đối tượng đọc thư tín, có một số người muốn trở lại với luật pháp Do Thái (bị chi phối bởi thức ăn). Tác giả khuyên họ rằng các luật về sự kiêng ăn sẽ không thể đem đến cho họ ích lợi thuộc linh, vì các luật lệ ấy chưa bao giờ gây dựng tâm linh dân Do Thái! Các luật kiêng ăn khiến con người có cảm giác mình rất “thuộc linh”, nhưng đó chỉ là hình bóng của những điều chúng ta có trong Đấng Christ (đọc kỹ Co 2:16-23).

Khi các Hội Thánh khu vực thay đổi mục sư cũng có một xu hướng thay đổi các giáo lý hoặc trọng tâm của giáo lý. Chúng ta cũng phải cẩn thận để không dòi dôi nền tảng thuộc linh của Hội Thánh. Đáng buồn khi hôm nay không có nhiều bài giảng về giáo lý, vì giáo lý Kinh Thánh là nguồn năng lực và phát triển của Hội Thánh. Tấn sĩ R.W.Dale một truyền đạo Anh quốc lừng danh đã nói với một người bạn: “Tôi sẽ bắt đầu nói một loạt đề tài về giáo lý Kinh Thánh”. Bạn ông đáp: “Họ sẽ không bao giờ hiểu đâu!” Ông nói: “Họ sẽ phải hiểu!” Ông đã nói đúng.

b. *Hãy vâng lời họ* (He 13:17). Nếu (có) một tôi tớ Đức Chúa Trời sống theo ý Chúa, giảng dạy Lời Chúa trung tín, vậy con cái Đức Chúa Trời nên vâng theo. Điều này không có nghĩa là các mục sư như những người chuyên quyền. “Chẳng phải người cầm quyền trên gia sản của Đức Chúa Trời” (IPhi 5:3). Một số thành viên Hội Thánh có thái độ thiếu tôn trọng đối với thẩm quyền của mục sư và đây là điều không hay. Sẽ có một ngày mọi mục sư đều dâng trình chức vụ mình cho Chúa, hẳn họ muốn báo cáo với Ngài cách vui mừng. Một Cơ Đốc nhân ương bướng sẽ thấy những hậu quả bất lợi của thái độ bất phục này, không phải dành cho mục sư, nhưng dành cho chính mình.

Trung thực mà nói “thu phục các linh hồn” còn dễ hơn “gìn giữ” các linh hồn (Exe 3:16-21). Hội Thánh càng phát triển chừng nào, công tác chăm sóc bầy chiên của Chúa lại trở nên khó khăn hơn chừng này. Tiếc thay, một số người thi hành chức vụ, chỉ đơn giản làm cái việc diễn thuyết và “kéo dài chương trình” chớ không cur mang sự khao khát gây dựng linh hồn người. Một số người thậm chí là “kẻ chặn thuê” đến làm việc vì tiền bạc và mau mắn cao chạy xa bay khi bất lợi đến gần (Gi 10:11-14). Nhưng nếu người chăn trung tín chăm sóc chiên, bầy chiên cần phải vâng lời người.

c. *Hãy thăm hỏi họ* (He 13:24). Người Do Thái thường chào hỏi nhau bằng câu “Sha-lô – chúc bình an!”. Người Hy Lạp thường chào nhau bằng lời ‘chúc ân điển!’ Phao-lô kết hợp hai lời chào này để thăm hỏi các thánh đồ”. Nguyên xin anh em được ân điển và sự bình an ban cho bởi Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và bởi Đức Chúa Giê-xu Christ” (ICo 1:3 IICo 1:2 và trong mọi thư tín của ông, ngoại trừ I và II Ti-mô-thê với Tít. Khi Phao-lô viết thư cho các mục sư, ông chào họ bằng câu “nguyên xin ân điển, sự thương xót và bình an...”. Tôi tự hỏi vì sao?).

Dĩ nhiên, tác giả thư tín Hê-bơ-rơ muốn gửi lời chào đặc biệt đến giới lãnh đạo Hội Thánh, đây cũng là gương tốt để mọi người chúng ta noi theo. Mọi Cơ Đốc nhân nên dành thời gian

chào thăm mục sư Hội Thánh mình. Đừng bao giờ để “rễ đắng” chắm ra trong lòng bạn (He 12:15), vì nó sẽ huỷ hoại con người bạn, cũng như làm tổn hại cho cả Hội Thánh Chúa.

Thật vậy, mỗi chi thể trong thân có một chức năng hoạt động cần thiết, nên Đức Chúa Trời cũng lập ra các lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh Ngài. Tôi được đặc ơn giảng dạy ở nhiều Hội Thánh tại nước Mỹ nên tôi thấy rằng nơi đâu mục sư được phép giảng dạy, nơi đó luôn có phước hạnh và sự phát triển. Tôi không muốn bàn về “chế độ độc tài” chuyên quyền ích kỷ, nhưng chỉ nói đến quyền lãnh đạo thuộc linh. Đó là khuôn mẫu Đức Chúa Trời dành cho Hội Thánh.

3. Dự phần vào sự thờ phượng thuộc linh (He 13:10-16,18-19)

Hôm nay, Cơ Đốc nhân của giao ước mới không bị ảnh hưởng bởi các lễ nghi và của lễ trong đền tạm trên đất, nhưng người đó cũng không bị tước đi những ơn phước bày tỏ qua các nghi thức xưa. Người Do Thái thời Cựu Ước có thể hướng lòng về đền thờ, nhưng Cơ Đốc nhân hôm nay có một nơi thánh trên trời không bao giờ bị huỷ hoại. Người Do Thái rất tự hào về thành Giê-ru-sa-lem nhưng Cơ Đốc nhân có một thành đời đời, là Giê-ru-sa-lem mới. Mỗi vật dụng trong đền tạm trên đất thời Cựu Ước tương ứng với những hiện thực đời đời trên trời của Cơ Đốc nhân thời giao ước mới.

“Chúng ta có một cái bàn thờ” (He 13:10) không có nghĩa là bàn thờ hữu hình trên đất, vì như vậy sẽ mâu thuẫn với cả sứ điệp của thư tín này. Trong nơi thánh Cựu Ước bàn thờ bằng đồng là nơi dâng huyết con sinh tể, và bàn thờ bằng vàng phía trước bức màn là nơi xông hương, một hình ảnh của sự cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời (Thi 141:2). Bàn thờ của Cơ Đốc nhân trong giao ước mới là Chúa Giê-xu Christ, vì nhờ Ngài chúng ta có thể dâng những “của lễ thuộc linh” cho Đức Chúa Trời (He 13:15 IPhi 2:5). Có thể chúng ta đã dành riêng một phần nào đó trong nhà thờ và gọi đó là bàn thờ, nhưng những nơi đó không thật sự là bàn thờ theo tinh thần Kinh Thánh, Vì sao? Bởi của lễ Đấng Christ đã được dâng lên một lần đủ cả. Mọi của lễ chúng ta dâng cho Đức Chúa Trời đều được nhậm, không vì bàn thờ trên đất, nhưng vì một bàn thờ trên trời, là Chúa Giê-xu Christ.

Trọng tâm trong phân đoạn này nói về sự phân ách khỏi hình thức tôn giáo cũ và dự phần với Chúa Giê-xu Christ trong sự khổ nhục của Ngài. Hình ảnh này thể hiện vào ngày lễ chuộc tội. Của lễ chuộc tội được đem ra ngoài trại quân để đốt trong lửa (Le 16:27). Là của lễ chuộc tội trọn vẹn cho chúng ta, Chúa Giê-xu Christ đã chịu thương khó và chịu chết “ngoài cửa thành” Giê-ru-sa-lem. Nói theo cách thuộc linh mọi Cơ Đốc nhân thật phải đồng đi ra ngoài với Ngài để đến nơi bị người ta sỉ nhục và khước từ. Tác giả đặt câu hỏi “Tại sao bạn cứ ở trong Giê-ru-sa-lem khi đó không phải là thành của bạn? Tại sao sống với luật pháp giao ước cũ khi nó đã được làm trọn trong Đấng Christ?”.

Đối tượng đọc thư tín Hê-bơ-rơ đang tìm kiếm phương cách sống của một Cơ Đốc nhân khi muốn thoát khỏi sự bắt bớ của những kẻ Do Thái vô thần. Tác giả khẳng định nhiều lần “không thể” được. Giê-ru-sa-lem không còn nữa. Hãy bước ra khỏi hình thức tôn giáo cũ của Do Thái và dự phần với Đấng Christ, là Đấng Christ đã chết thay bạn”. Sẽ không có chỗ cho sự thoả hiệp.

Tác giả định danh hai “của lễ thuộc linh” mà Cơ Đốc nhân chúng ta phải dâng lên (He 13:15-16). Bạn cần chú ý rằng “thuộc linh” ở đây không tương phản với vật chất, vì những của lễ thuộc về vật chất có thể được chấp nhận như của lễ thuộc linh (Phi 4:10-20). Từ “thuộc linh” nghĩa là “thuộc linh trong phẩm cách, được Đức Thánh Linh sử dụng vào những mục đích thuộc linh”. Thân thể Cơ Đốc nhân dâng cho Đức Chúa Trời, là một của lễ thuộc linh (Ro 12:1-2).

- Cửa lễ thuộc linh thứ nhất là lời ngợi khen Đức Chúa Trời (He 13:15). Những lời ngợi khen thốt ra ở môi miệng, xuất phát từ tấm lòng chúng ta giống như bông trái tốt lành dâng trên bàn thờ. Các thánh đồ chịu khổ rất dễ rơi vào tình trạng thờ than, nhưng họ cần phải dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời.

- Cửa lễ thuộc linh thứ hai là việc lành (He 13:16). Lễ vật này chắc hẳn cũng bao gồm tinh thần tiếp đãi ở 13:2, cũng như công tác chăm sóc những người bị bắt bớ ở 13:3. “Việc lành” ở đây có thể bao quát nhiều công tác như: chia xẻ thực phẩm cho người gặp khó khăn, đưa người đi hầu việc Chúa từ nơi này sang nơi khác, dâng hiến tiền bạc chúng ta có thể làm việc đó giống như một người láng giềng tốt bụng vậy. Tôi có lần đem được một người đến với Chúa, chỉ vì tôi đã giúp đỡ ông ta cắt cỏ khi máy xén cỏ của ông bị hư.

Kể đến, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của sự cầu nguyện (13:18-19). Không đến thăm trực tiếp các tín hữu được, nhưng tác giả luôn ước ao họ cầu nguyện cho ông. Chắc có thể một số kẻ thù nghịch đã làm chúng dỗi về ông, nên ông phải khẳng định sự trung thực và chính trực của mình. Chúng ta không biết rõ tác giả thư tín này là ai. Nhiều người cho rằng đó là Phao-lô. Chi tiết đề cập đến Ti-mô-thê ở 13:23, cũng như lời ban phước ở 13:25 (IITe 3:17-18) cho thấy người viết thư tín có khả năng là Phao-lô. Một số học giả cho rằng Phi-e-rô đã đề cập đến tác quyền sách Hê-bơ-rơ của Phao-lô (IIPhi 3:15-16), nhưng câu Kinh Thánh này cũng có thể được áp dụng cho những điều Phao-lô viết ở sách Rô-ma. Chúng ta không biết tên người viết sách Hê-bơ-rơ, nhưng cũng không cần thiết phải biết điều ấy.

4. Kinh nghiệm mối tương giao thuộc linh với Chúa (He 13:20-21)

Lời chúc lành này dường như tập trung các chủ đề chính của thư tín Hê-bơ-rơ: sự bình an, Đấng Christ phục sinh, huyết, giao ước, sự trọn lành thuộc linh (trưởng thành), công việc của Đức Chúa Trời trong lòng người tin nhận. Là Đấng Chấn hiển hiển lành, Chúa Giê-xu Christ đã chết thay bầy chiên (Gi 10:11). Là Đấng Chấn Chiên Lớn, Ngài đang sống trên trời vì bầy chiên hôm nay để cầu thay cho họ. Là Đấng đứng đầu mọi kẻ chấn bầy, Ngài sẽ trở lại để tiếp rước bầy chiên (IPhi 5:4). Đấng Chấn chúng ta luôn chăm sóc giữ gìn kẻ thuộc về Ngài trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Ngài là Đấng “hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi”!

Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Cao Trọng của chúng ta cũng là Đấng Chấn Chiên Lớn của chúng ta. Khi sống trên đất, Ngài thi hành chức vụ vì chúng ta và đã hoàn tất công tác cứu chuộc vĩ đại (Gi 17:4). Giờ đây khi ở thiên đàng, Ngài cũng đang hành động trong chúng ta, khiến chúng ta tăng trưởng trong ý Ngài và đem chúng ta đến vị trí trọn lành về thuộc linh. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ đạt đến vị trí đó trước khi Chúa trở lại (IGi 2:28-3:3), nhưng trong thời kỳ chờ đợi, chúng ta phải tiếp tục tăng trưởng.

Nhóm từ “khiến anh em nên trọn vẹn” (He 13:21) được diễn dịch từ một thuật ngữ Hy Lạp “katartidzo”. Chúng ta không rành từ ngữ này, nhưng đối tượng đọc thư tín Hê-bơ-rơ rất quen thuộc ý nghĩa của nó. Các bác sĩ hiểu từ này theo nghĩa “chỉnh lại xương bị gãy”. Đối với dân chài, nó có nghĩa là “vá lưới rách” (Mat 4:21). Với các thủy thủ, từ này nghĩa là “chuẩn bị đầy đủ cho một con thuyền vượt biển”. Đối với quân nhân, nó có nghĩa “trang bị vũ khí cho quân đội tham chiến”.

Đấng Christ trên trời muốn trang bị cho chúng ta đầy đủ để sống trên đất. Nói theo cách ngọt ngào, Ngài muốn sửa lại “những chiếc xương bị gãy” trong đời sống chúng ta, hầu cho chúng ta có thể bước đi vững vàng và chạy đến đích thành công trên đường đua sửa sự sống. Ngài muốn vá lại những chỗ rách của chiếc lưới hầu chúng ta có thể lưới được nhiều cá và chinh phục nhiều linh hồn tội nhân. Ngài muốn trang bị cho chúng ta để bước vào cuộc chiến

và cung cấp mọi công cụ cần thiết hầu chúng ta không bị vùi dập trong những cơn bão cuộc đời. Tóm lại, Ngài muốn khiến chúng ta tăng trưởng để Ngài có thể hành động trong chúng ta và qua chúng ta, hầu điều đó làm đẹp lòng Ngài và làm trọn ý muốn Ngài.

Ngài trang bị cho chúng ta ra sao? Khi tra xem từ “katartidzo” trong Kinh Thánh (nguyên ngữ Hy Lạp), chúng ta có thể khám phá được những công cụ Đức Chúa Trời dùng để huấn luyện và trang bị cho con cái Ngài. Ngài sử dụng Lời Ngài (II Ti 3:16-17) và cầu nguyện (ITe 3:10), trong mỗi thông công Hội Thánh (Eph 4:11-12). Ngài cũng dùng cá nhân các tín hữu để dạy dỗ và sửa chữa chúng ta (Ga 6:1). Sau cùng, Ngài dùng sự hoạn nạn để khiến con cái Ngài nên trọn vẹn (I Phi 5:10), và điều này có liên quan đến những gì chúng ta đã học trong He 12:1-29 và bị sửa phạt.

Nếu chúng ta biến những câu Kinh Thánh ở He 13:20-21 thành một lời cầu nguyện thường nhật cho bản thân mình, vậy đời sống chúng ta sẽ đổi mới biết bao. “Lạy Chúa, xin hãy khiến con nên trọn vẹn trong mọi việc lành để làm theo ý muốn Ngài. Hãy hành động trong con điều gì đẹp ý Ngài. Xin làm điều đó qua Chúa Giê-xu Christ để danh Ngài được vinh hiển”.

Nền tảng cho công tác kỳ diệu này là “huyết giao ước đời đời” (13:20). Đây là giao ước mới đã được luận đến ở 8:1-13, một giao ước dựa trên của lễ đã được đề cập ở 10:1-39 Bởi giao ước này nằm trong kế hoạch cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời, và vì giao ước ấy bảo đảm sự sống đời đời, nên được gọi là “giao ước đời đời”. Nhưng nếu không có sự chết của Chúa Giê-xu Christ, chúng ta không thể dự phần vào bất kỳ phước hạnh này trong lời chúc lành thâm sâu này.

Chữ “A-men” ở cuối lời chúc phước này đã kết thúc trọng tâm của thư tín Hê-bơ-rơ. Phần còn lại là những lời chào thăm và tin tức riêng.

Tác giả đã viết một bức thư khá dài, trong đó luận đến một số giáo lý thâm sâu khó hiểu. Vì lẽ đó, ông khích lệ người đọc vui lòng “nhận lấy” bức thư khuyên nhủ này. Đối với chúng ta, bức thư dường như rất dài, nhưng tác giả có cảm giác đây chỉ là những lời “viết vắn tắt” (13:22). Dĩ nhiên có một số tín hữu hưởng ứng bức thư này một cách tiêu cực, trong khi những người khác tiếp nhận và làm theo. Phao-lô cũng cho chúng ta biết cách hưởng ứng theo Lời Chúa (ITe 2:13). Bạn hãy đọc câu Kinh Thánh này và thực hành theo.

Chúng ta không rõ Ti-mô-thê có liên hệ gì với nhóm tín hữu này. Ông là người hầu việc Chúa xuất sắc thời bấy giờ, nên hầu hết các Cơ Đốc nhân đều quen biết ông. Những chi tiết nội bộ này nhắc nhở chúng ta rằng Đức Chúa Trời luôn quan tâm đến từng cá nhân chứ không chỉ là những đoàn thể.

“Các thánh đồ ở Y-ta-li gọi lời thăm anh em” (He 13:24) có thể được hiểu rằng tác giả thư tín đang ở Y-ta-li vào thời điểm đó, hoặc các thánh đồ ở Y-ta-li ở cùng ông và muốn gọi lời chào nhóm tín hữu này.

Những chi tiết riêng ở cuối thư gọi lên những câu hỏi chúng ta không thể trả lời hôm nay. Nhưng ấn tượng chung của thư tín Hê-bơ-rơ có thể giải đáp một câu hỏi quan trọng: “Làm sao tôi có thể đứng vững vàng giữa một thế giới đang chao đảo quanh mình?” Câu giải đáp sẽ là: Hãy nhận biết Đấng Cao Trọng là Chúa Giê-xu Christ, Hãy nhờ cậy nơi chức tể lễ cao trọng của Ngài, và hãy sống bằng nguyên tắc cao trọng của đức tin. Hãy gây dựng đời sống bạn trên những điều thuộc về thiên đàng, là những điều không bao giờ rúng động.

Hãy vững vàng! Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng có quyền cứu toàn vẹn những kẻ thuộc về Ngài!

